

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.info

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 111, Chúa Nhật 24.01.2010

MỤC LỤC

Ơn Gọi Làm Tông Đồ Giáo Dân

Vatican

2

THẨM ĐỊNH VIỆC TRUYỀN GIÁO THỜI KỲ BẢO TRỢ, 1533-1659

Gs. Trần Văn Cảnh

THÁNH GIÁ CUỘC ĐỜI ĐỒNG CHIÊM

Phó tế: Gioan B. Maria Nguyễn

Định

Bài giảng của Lm. Giuse Phạm Minh Triệu tại nhà thờ Đồng Chiêm ngày 06.01.2010

Thập Giá Buồn

Lm. Giuse Hoàng Kim

Toan

BỐ ƠI IM LẶNG MÃI SAO BỐ?

Gioan Lê Quang Vinh

"NĂM LINH MỤC" HUẤN LUYỆN GIÁO SĨ TU SĨ VỀ TÍNH DỤC:

KHẮC KHỔ VÀ THẦN NHIỆM (ASCETIC AND MYSTIC)

Lm. Đường Thi

TẠI SAO GIÁO HỘI CỦA CHÚA KITÔ LÀ DUY NHẤT,

THÁNH THIÊN CÔNG GIÁO VÀ TÔNG TRUYỀN ?

Lm. PX. Ngô Tôn Huân

MỘT LỄ GIẢNG SINH TUYỆT VỜI NƠI XỨ TRUYỀN GIÁO

Lm. Lê Văn Quảng

TÁCH CÀ PHÊ BUỔI SÁNG

Nhà Văn Quyên Di

DƯỢC THẢO

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC M.D.

KIÊN NHẪN -

Chuyện phiếm của Gã Siêu

Ơn Gọi Làm Tông Đồ Giáo Dân

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Sắc Lệnh Về Tông Đồ Giáo Dân

Apostolicam Actuositatem

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương I: Ơn Gọi Làm Tông Đồ Giáo Dân

2. Giáo dân tham dự vào sứ mạng của Giáo Hội. Giáo Hội được khai sinh là để làm cho nước Chúa Kitô rộng mở trên khắp hoàn cầu, hầu làm vinh danh Thiên Chúa Cha: tức là làm cho mọi người tham dự vào việc chuộc tội và cứu rỗi 1, để rồi nhờ họ, toàn thể vũ trụ thực sự được qui hướng về Chúa Kitô. Mọi hoạt động của Nhiệm Thể hướng về mục đích này gọi là việc tông đồ, công việc mà Giáo Hội thực hiện nhờ tất cả các chi thể, tùy theo những

cách thức khác nhau. Thật ra ơn gọi làm Kitô hữu tự bản chất cũng là ơn gọi làm tông đồ. Cũng như toàn bộ một cơ thể sống động, ^{2*} không chỉ thể nào hoàn toàn thụ động, nhưng cũng tham dự vào đời sống và công việc của toàn thân. Cũng thế, trong Nhiệm Thể Chúa Kitô tức Giáo Hội, toàn thân tùy theo công dụng khả năng từng phần tử khiến thân thể này gắn bó và liên kết chặt chẽ với nhau (x. Eph 4,16), đến nỗi chỉ thể nào không hoạt động đúng tầm mức của mình trong việc tăng triển toàn thân đều bị coi là vô dụng đối với Giáo Hội cũng như với chính mình.

Trong Giáo Hội có nhiều tác vụ khác nhau nhưng đều cùng chung một sứ mệnh. Chúa Kitô đã trao phó cho các Tông Đồ và những người kế vị các ngài nhiệm vụ nhân danh và lấy quyền Người mà giảng dạy, thánh hóa và cai quản. Còn phần giáo dân, vì họ tham dự thực sự vào nhiệm vụ tư tế, tiên tri và vương đế của Chúa Kitô, nên họ chu toàn phần việc của mình trong sứ mệnh của toàn dân. Thiên Chúa trong Giáo Hội và ở giữa trần gian ². Giáo dân thực sự thi hành việc tông đồ bằng công việc của mình để rao giảng Phúc Âm và thánh hóa nhân loại, đem tinh thần Phúc Âm thấm nhuần và hoàn hảo hóa những việc thuộc phạm vi trần thế, sao cho công việc của họ thuộc lãnh vực này làm chứng tỏ tường về Chúa Kitô và góp phần vào việc cứu độ nhân loại. Vì bản chất riêng biệt của người giáo dân là sống giữa đời và làm việc đời nên chính họ được Thiên Chúa mời gọi để một khi tràn đầy tinh thần Kitô giáo, họ làm việc tông đồ giữa đời như men trong bột.

3. Nền tảng của việc tông đồ giáo dân. Giáo dân có bốn phận và quyền làm tông đồ do chính việc kết hợp với Chúa Kitô là Đầu. Họ được chính Chúa chỉ định làm việc tông đồ, vì phép Rửa Tội sát nhập họ vào Nhiệm Thể Chúa Kitô, phép Thêm Sức làm cho họ nên mạnh mẽ nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần. Họ được thánh hiến vào chức vụ tư tế vương giả và dân tộc thánh (x. 1P 2,2-10), hầu trong mọi việc họ dâng những lễ vật thiêng liêng và làm chứng cho Chúa Kitô ở mọi nơi trên hoàn cầu. Đàng khác, đức ái như là linh hồn của tất cả việc tông đồ, được chuyển thông và nuôi dưỡng nhờ các bí tích nhất là bí tích Thánh Thể ³.

Việc tông đồ được thực thi nhờ đức tin, đức cậy, đức ái ^{3*}, là những nhân đức mà Chúa Thánh Thần đổ đầy tâm hồn mọi phần tử của Giáo Hội. Lại nữa, nhờ giới răn tình yêu, giới răn cao thượng nhất của Chúa, mọi tín hữu được thúc đẩy để tìm vinh danh Thiên Chúa bằng cách làm cho nước Ngài trị đến và mưu tìm sự sống đời đời cho mọi người để họ nhận biết một Thiên Chúa chân thật và Đấng Ngài đã sai đến là Chúa Giêsu Kitô (x. Gio 17,3).

Vì vậy hết mọi tín hữu đều có bốn phận rất cao cả là hoạt động để mọi người trên khắp hoàn cầu nhận biết và đón nhận Phúc Âm cứu độ của Chúa.

Để thể hiện việc tông đồ này, Chúa Thánh Thần thánh hóa dân Chúa qua tác vụ và các bí tích. Ngài cũng ban cho các tín hữu những ơn đặc biệt (x. 1Cor 12,7), "phân phát những ơn đó cho mọi người tùy ý Ngài" (1Cor 12,11) để "mỗi người tùy theo ơn đã nhận mà giúp đỡ nhau" và chính họ trở nên như những người quản lý trung tín giữ mọi thứ ơn của Thiên Chúa" (1P 4,10) hầu xây dựng toàn thân trong đức ái (x. Eph 4,16). Do sự đón nhận những đoàn sủng này dầu là những đoàn sủng thông thường, mỗi tín hữu có quyền lợi và bốn phận sử dụng những ơn đó trong Giáo Hội cũng như giữa trần gian để mưu ích cho mọi người và xây dựng Giáo Hội trong tự do của Chúa Thánh Thần, Đấng "muốn thối đâu thì thối" (Gio 3,8) và đồng thời sử dụng trong sự hiệp thông với anh em trong Chúa Kitô, nhất là với các bản tính đích thực và việc sử dụng thích hợp những đoàn sủng đó, không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để thử nghiệm mọi việc và điều nào tốt thì giữ lấy (x. 1Th 5,12; 19,21) ⁴.

4. Đường lối tu đức của người giáo dân hướng đến việc tông đồ. Vì Chúa Kitô, Đấng được Chúa Cha sai đến, là nguồn mạch nguyên ủy của mọi việc tông đồ trong Giáo Hội, nên hiển nhiên là kết quả phong phú của việc tông đồ giáo dân tùy thuộc ở sự kết hiệp sống động của chính họ với Chúa Kitô, Đấng phán rằng: "Ai ở trong Thầy và Thầy ở trong kẻ ấy, như vậy mới sinh được nhiều hoa trái vì ngoài Thầy ra các con chẳng làm gì được" (Gio 15,5). Đời sống kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô trong Giáo Hội được nuôi dưỡng bằng sự phù giúp thiêng liêng chung cho mọi tín hữu, nhất là bằng việc tham dự tích cực vào Phụng Vụ ⁵. Người giáo dân phải làm thế nào để nhờ những phương tiện ấy mà chu toàn nhiệm vụ trần thế trong những hoàn cảnh thường xuyên của cuộc sống mà vẫn không tách khỏi đời sống mình sự kết hiệp với Chúa Kitô, nhưng càng kết hiệp mật thiết hơn chính khi thi hành công việc của mình theo ý Thiên Chúa. Bằng phương thức này, những người giáo dân phải hăng hái và vui vẻ tiến bước trên đường thánh thiện, với sự khôn ngoan và nhẫn nại, họ cố gắng thắng vượt những khó khăn ⁶. Những việc trong gia đình cũng như những việc ngoài xã hội không được tách rời khỏi động lực siêu nhiên của cuộc sống, theo lời Thánh Tông Đồ: "Hết

thầy công việc anh em làm trong lời nói hay việc làm, hãy nhân danh Chúa Giêsu Kitô mà thực hành, nhờ Người để cảm tạ Chúa Cha là Thiên Chúa" (Col 3,17).

Đời sống như thế đòi hỏi việc thực hành liên tục đức tin, đức cậy và đức ái ^{4*}.

Chỉ nhờ ánh sáng đức tin và nhờ suy niệm lời Chúa mỗi người mới có thể nhận ra Chúa trong mọi nơi và mọi lúc, vì trong Ngài "ta sống, ta hoạt động, ta hiện hữu" (CvTđ 17,28). Tìm ý Chúa trong mọi biến cố, thấy Chúa Kitô trong mọi người, dù là kẻ thân hay người lạ, phê phán đúng đắn về ý nghĩa đích thực và giá trị của sự vật trần thế, xét nơi chính nó và xét theo tương quan với cứu cánh của con người.

Những người có đức tin này, trong khi tưởng niệm Thánh Giá và sự Phục Sinh Chúa, họ sống trong niềm hy vọng mặc khải của con cái Thiên Chúa.

Trong lúc đời sống lứa hành này, họ được giấu ẩn trong Thiên Chúa cùng với Chúa Kitô và được giải thoát khỏi nô lệ của cái trần thế, đang khi họ tìm kiếm của cải tồn tại vĩnh viễn, với lòng quảng đại họ sẽ hoàn toàn hiến mình để mở rộng nước Thiên Chúa và đem tinh thần Phúc Âm thấm nhập và cải tạo lãnh vực thực tại trần thế. Giữa những cơn thử thách đời này họ tìm thấy sức mạnh trong niềm hy vọng vì họ nghĩ rằng: "Những đau khổ hiện thời chẳng thấm vào đâu so với vinh quang sắp tới sẽ được giải bày cho chúng ta" (Rm 8,18).

Lòng yêu thương phát xuất từ Thiên Chúa thúc đẩy họ làm việc thiện cho hết mọi người, nhất là cho những người có cùng một niềm tin (x. Gal 6,10), từ bỏ "mọi gian ác, mọi lường gạt, giả trá, lòng ghen ghét và mọi lời nói hành" (1P 2,1) và như vậy họ lôi kéo mọi người đến với Chúa Kitô. Hơn nữa tình yêu của Chúa "giải khắp lòng ta do Chúa Thánh Thần đã ban cho ta" (Rm 5,5) làm cho giáo dân có sức biểu lộ thực sự trong đời sống mình tinh thần các mối Phúc Thật. Theo Chúa Giêsu khó nghèo, họ không tuyệt vọng khi thiếu thốn, cũng không kiêu căng khi dư dật. Bắt chước Chúa Kitô khiêm hạ, họ không háo danh (x. Gal 5,26) nhưng chuyên lo làm đẹp lòng Thiên Chúa hơn làm đẹp lòng người ta. Họ luôn sẵn sàng bỏ mọi sự vì Chúa Kitô (x. Lc 14,26), và chịu bách hại vì sự công chính (x. Mt 5,10) vì nhớ lời Chúa: "Nếu ai muốn theo Ta, phải từ bỏ mình, vác thập giá mình mà theo Ta" (Mt 16,24). Sống với nhau trong tinh thần hữu của Chúa Kitô, họ sẵn sàng giúp đỡ nhau khi cần thiết.

Nguyên lý đời sống thiêng liêng của mỗi người giáo dân phải mang sắc thái đặc biệt tùy theo bậc sống: đời sống hôn nhân và đời sống gia đình, đời sống độc thân hay góa bụa, trong tình trạng đau yếu, tùy sinh hoạt nghề nghiệp và xã hội. Vậy mỗi người phải phát triển không ngừng những đức tính và tài năng ban cho mình, thích ứng với hoàn cảnh của mỗi đời sống, và biết lợi dụng những ơn huệ Chúa Thánh Thần ban riêng.

Ngoài ra, giáo dân theo ơn gọi của mình, gia nhập vào một trong những hiệp hội hay tu hội được Giáo Hội nhìn nhận, họ cũng cố gắng trung thành thể hiện những đặc tính của đời sống thiêng liêng đó.

Họ cũng nên kính trọng nghề nghiệp chuyên môn, ý nghĩa gia đình và ý nghĩa công dân cũng như những đức tính liên quan tới đời sống xã hội, chẳng hạn sự liêm khiết, tinh thần công bình, lòng thành thực, lòng nhân hậu, lòng quả cảm; không có những đức tính đó, không thể có đời sống Kitô hữu đích thực.

Gương mẫu hoàn hảo của đời sống thiêng liêng và đời sống tông đồ ấy chính là Đức Trinh Nữ Rất Thánh Maria, Nữ Vương các Tông Đồ: khi sống ở trần gian, người đã sống cuộc đời như mọi người, vất vả lo lắng cho gia đình, nhưng luôn luôn kết hợp mật thiết với Con mình và đã cộng tác vào công việc của Đấng Cứu Thế một cách riêng biệt; còn bây giờ, sau khi đã được đưa lên trời, "với tình yêu thương của người mẹ, Người săn sóc những đứa em của Con Mẹ, đang trên đường lứa hành, gặp nhiều nguy hiểm và thử thách, Người lo lắng cho tới khi họ về tới quê hương hạnh phúc" ⁷. Mọi người hãy hết lòng tôn sùng Mẹ và phó thác đời sống và cả việc tông đồ của mình cho Mẹ coi sóc.

Chú Thích:

1 Xem Piô XI, Tđ Rerum Ecclesiae: AAS (1926), trg 65.

2* Là nhiệm thể của Chúa Kitô, Đấng vừa là Linh Mục, vừa là Vua, vừa là ngôn Sứ. Giáo Hội trở thành một cộng đồng tư tế, vương giả và ngôn sứ. Trong đó, có chức linh mục cộng đồng và chức linh mục thừa tác. Chức linh mục thừa tác được dành riêng cho hàng giáo phẩm và cho các ngài quyền tham dự vào chức linh mục của Chúa Kitô trong chức thánh.

Gọi là chức linh mục cộng đồng vì tất cả các tín hữu (giáo dân hay giáo sĩ thuộc hàng

giáo phẩm) đều được tham dự vào nhờ phép Rửa Tội. Sự tham dự này cho mọi tín hữu khả năng tự mình dâng lên Chúa lễ tế Thánh Thể, nhờ tay linh mục thừa tác cũng như họ có thể kết hợp với lễ vật hy sinh là Chúa Kitô trong khi rước lễ, và như vậy được dâng chính mình lên như lễ thiêng liêng cho Thiên Chúa. Các tín hữu cũng tham dự quyền vương giả của Chúa Kitô nhờ phép Rửa Tội và Thêm Sức. Quyền vương giả cho họ sức mạnh tinh thần để chế ngự bản tính riêng của họ, bắt nó từng phục quyền bính Thiên Chúa để chinh phục mọi người cho Nước Trời và chiếu sáng tinh thần Phúc Âm trong lãnh vực trần thế.

Sau cùng, các tín hữu cũng tham dự quyền ngôn sứ. Mọi tín hữu có quyền làm chứng cho Chúa Kitô bằng lời nói và bằng chính đời sống Kitô hữu.

2 Xem CD Vat. II. Hiến Chế tín lý về Giáo Hội số 31: AAS 57 (1965), trg 37.

3 Xem n.v.t. số 33, trg 39; x. thêm số 10, trg 14.

3* Đối với giáo dân, việc tông đồ là bốn phận thiết thực phát sinh do đòi hỏi ơn gọi Kitô hữu. Bốn phận tông đồ này không tùy thuộc những hoàn cảnh như thiếu linh mục hay tình trạng xã hội đang mất đạo, mặc dầu những hoàn cảnh đó có thể khiến cho hoạt động tông đồ giáo dân khẩn thiết hơn.

Ơn gọi làm tông đồ phát sinh từ bí tích Rửa Tội và Thêm Sức; và do đức ái mà Chúa Thánh Thần đổ tràn trong tâm hồn, các tín hữu được thúc đẩy giúp mọi người tham dự vào cuộc sống của Thiên Chúa.

Để thực thi việc tông đồ này, người tín hữu dựa vào ân sủng của các bí tích mà họ đã lãnh nhận cũng như vào các đoàn sủng ban cho mỗi người, vì mưu ích cho toàn thể Giáo Hội. Các đoàn sủng có thể là khác thường như ơn nói tiếng lạ hay ơn nói tiên tri, hoặc thông thường như sự trực giác các chân lý của Chúa hay tài năng khôn ngoan để hướng dẫn các linh hồn. (*Trở lại đầu trang*)

4 Xem n.v.t. số 12, trg 16.

5 Xem CD Vat. II Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh ch I số 11: AAS 56 (1964) trg 102-103.

6 Xem CD Vat. II Hiến Chế tín lý về Giáo Hội số 32: AAS 57 (1965) trg 38: x. thêm số 40-41, trg 45-47.

4* Ở đây, Sắc Lệnh đã đưa ra những nguyên tắc để huấn luyện đời sống tinh thần và cá nhân của các giáo dân làm việc tông đồ:

- Hiệp nhất với Chúa Kitô, nguồn mạch và nguyên nhân việc tông đồ của Giáo Hội; thánh hóa đời sống gia đình: thánh hóa những lo âu trần thế hay phạm tục. Mọi sự đều có giá trị riêng của nó và đời sống đạo đức của giáo dân đời họ không được khinh chê những thứ đó.

- Suy gẫm lời Chúa và bác ái với tha nhân là những nhân đức sẽ đem lại kết quả phong phú cho việc tông đồ giáo dân.

- Ngoài những nhân đức chung nói trên, phải thêm những nhân đức riêng biệt do hoàn cảnh sống của mỗi người: đời sống vợ chồng gia đình, độc thân hay góa bụa, tình trạng ốm đau...

7 Xem n.v.t. số 62, trg 63; x. thêm số 65, trg 64-65.

VỀ MỤC LỤC

THẨM ĐỊNH VIỆC TRUYỀN GIÁO THỜI KỲ BẢO TRỢ, 1533-1659

MỪNG NĂM THÁNH 2010, XEM LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO VIỆT NAM

Bài 5 :

THẨM ĐỊNH VIỆC TRUYỀN GIÁO THỜI KỲ BẢO TRỢ, 1533-1659

Lời mở

Đáp lời mời gọi của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, chúng ta vừa cử hành lễ khai mạc

Năm Thánh tại Sở Kiện, ngày 24/11/2009. Theo tinh thần của Nội Quy Năm Thánh, qua bài 4, chúng ta vừa nhìn lại quãng đường lịch sử truyền giáo ở Việt Nam. Chúng ta đã khởi đầu nhìn lại đoạn đường thứ nhất, đoạn đường dài 126 năm của thời kỳ Bảo Hộ (1533-1659).

Ba sự kiện khách quan nổi bật trong thời kỳ này, thế kỷ XVI và XVII, đã từng sống hiện ra trước mắt mọi người : 1. Thế kỷ XVI, Công giáo vào Việt Nam loan báo Tin Mừng. Bốn địa điểm đã được đón nhận Tin Mừng ; 2. Thế kỷ XVII, Công giáo hội nhập vào xã hội Việt Nam và thành lập nhiều cộng đoàn đầu tiên ; 3. Thế kỷ XVII, Công giáo đã khai sinh ra chữ quốc ngữ cho văn học Việt Nam.

Hội Đồng Giám Mục lại nhấn nhủ thêm : « *Nhìn lại lịch sử cùng với những thẩm định về đời sống Giáo Hội nhằm rút ra những bài học lịch sử cho việc thi hành sứ vụ yêu thương và phục vụ của Chúa Kitô, trong cộng đồng dân tộc cũng như cộng đồng thế giới hôm nay* » (Nội Quy).

Qua ba dữ kiện lịch sử vừa nhìn lại trên đây, phải thẩm định thế nào về đời sống Giáo Hội của Thời Kỳ Bảo Trợ ? Nhiều thẩm định có thể được đưa ra, nhưng thẩm định nào cũng phải nhìn nhận rằng « *khi nhìn lại lịch sử Giáo Hội địa phương, chúng ta phải cất cao lời cảm tạ: "Hãy tạ ơn Chúa vì Chúa nhân từ, muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương"* (Tv 118,1) (Diễn Văn khai mạc Năm Thánh 2010, tại Sở Kiện, ngày 24/11/2009, của Đức Cha Nguyễn Văn Nhơn, Chủ Tịch HĐGMVN) .

Đặc biệt cho Thời Kỳ Bảo Trợ, thời kỳ mà lần đầu tiên Tin Mừng đã đến với người Việt Nam và văn hóa Việt Nam. Đặc biệt, vì, như một phép lạ, người Việt Nam đã đón nhận Tin Mừng một cách chân tình. Từ không có ai, đến có vài ba người, rồi dăm bảy người, rồi vài ba chục, dăm bảy chục. Như hạt giống nảy mầm, cần thời gian để nảy mầm, nhưng khi đã nảy, thì mầm lớn mau. Từ năm 1533 đến năm 1615, Nhiều giáo sĩ, thuộc nhiều dòng khác nhau, triều, Đa Minh, Phan Xi Cô, đã đến truyền giáo ở Việt Nam. Nhưng, giống như hạt giống vừa gieo xuống, chưa mọc thành cây. Từ năm 1615 đến năm 1659, trong khoảng thời gian 45 năm truyền giáo, các cha Dòng Tên đã thu nhận một kết quả ngoài sức tưởng tượng : 100.000 người đã được đức tin. Vì đâu mà có kết quả này ? Dĩ nhiên, trước nhất đó là nhờƠn Chúa. Nhưng một phần cũng nhờ sự làm việc cần cù, thông minh và phương pháp khôn khéo.

Đọc lại lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, nhất là những ký sự hành trình truyền giáo của các giáo sĩ dòng Tên trong thời Bảo trợ (1533-1659), hai phản ứng, cũng là hai tâm tình và nhận xét đầu tiên, tự nhiên xuất hiện trong tâm tư chúng ta. Đó là, về việc truyền giáo, các cha Dòng Tên đã là những giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm. Về sống đạo, các cộng đoàn công giáo tiên khởi lúc đó sống trong một Giáo Hội có hiệp nhất và yêu thương.

A. Giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm

Theo phương pháp quản trị chất lượng ISO 9000, tám nguyên tắc căn bản để thành công trong việc quản trị đã được xác định. Trong 8 nguyên tắc này, 4 nguyên tắc liên hệ đến 4 tác nhân. Đó là : về khách hàng, làm việc gì cũng phải hướng đến họ ; về người cung ứng, phải nghĩ đến lợi nhuận của họ ; còn người làm chủ thì phải có trách nhiệm ; người cộng tác thì phải nhiệt tình. Làm chủ trách nhiệm, hiểu theo cả hai nghĩa đọc xuôi và đọc ngược : làm chủ có trách nhiệm, dám cam kết, dám dấn thân, dám làm, dám tiêu dùng tài lực ; và vừa có nghĩa là trách nhiệm làm chủ, là người xướng xuất, chỉ đường, trông coi, kiểm soát, tổ chức, khuyến khích, sửa bảo, thăng thưởng, cải tiến, làm gì cũng hướng đến « khách hàng ». Các giáo sĩ Dòng Tên đến truyền giáo ở Việt Nam trong thời Bảo Trợ, nói theo ISO 9000, quả thật đã là những giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm, luôn luôn nghĩ đến việc truyền giáo cho lương dân.

Các nguyên tắc quản trị chất lượng ISO 9000 hiện đang được áp dụng trên khắp hoàn cầu, trong đó có các cơ quan và xí nghiệp Việt Nam. Thực ra, những nguyên tắc này đã được Tôn Tử nghĩ đến ngay từ thế kỷ thứ -VI, trước giáng sinh. Trở lại vấn đề các giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm, nếu lấy khung phương pháp của Tôn Tử, ta sẽ ngỡ ngàng tự hỏi không biết các thừa sai truyền giáo đầu tiên ở Việt Nam, nhất là các cha Dòng Tên, đã có đọc qua « Tôn Tử Binh Pháp » chưa, mà sao áp dụng hay vậy ? Cả 6 nguyên tắc quản trị căn bản của Tôn Tử, đều đã được các ngài áp dụng một cách tuyệt hảo.

A1. Lập chính đạo

Chính đạo là đường ngay ngõ chính, thuận với lẽ trời, đúng với sự thật, hợp với công lý, thuận với lòng người. Để biết việc truyền giáo do các giáo sĩ dòng Tên thực hiện có hợp với chính đạo hay không, ta phải biết các ngài rao truyền điều gì ? Trong sách giáo lý « *Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, mà /beào đạo thánh đức Chúa trời* » in năm 1651, cha Đắc Lộ đã ghi rõ những điều ngài và các đồng bạn đã rao giảng trong một khóa trình 8 ngày, một kiệt tác, mà hẳn thật các nhà truyền giáo hiện đại cũng nên đọc lại.

Khởi đầu cắt nghĩa về Đạo Thánh Đức Chúa Trời, chẳng phải là đạo nước nọ nước kia, nhưng là đạo thánh và trước và trọng hơn mọi nước thiên hạ. Ngày thứ hai giảng về Đức Chúa Trời là ai, Đức Chúa trời ở đâu, bởi đâu mà có Đức Chúa trời. Ngày thứ ba giảng về việc Đức Chúa Trời tạo dựng trời đất muôn loài trong 6 ngày. Ngày thứ tư giảng về lịch sử loài người, con cháu Adong, sinh ra nhiều đạo, với nhiều lầm lạc. Song le đạo chính, là đạo thờ phượng một Đức Chúa Trời, thì nhận một Chúa Cả làm nên mọi sự, thật là cội rễ đầu. Và xưng linh hồn ta là tính thiêng liêng hằng sống vậy, chẳng hay chết ; Đó là điều chẳng những đã do Đức Chúa Trời truyền cho, mà lại vì có lẽ trong ta dạy vậy. Ngày thứ năm, giảng về Một Đức Chúa Trời Ba ngôi. Ngày thứ sáu giảng về thầy thuốc cả. Ngày thứ bảy giảng về con chiên lành và chó sói dữ. Ngày thứ tám giảng về mười bậc thang (điều răn) lên thiên đàng. (Giáo sĩ Đắc Lộ ; Phép giảng tám ngày ; <http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=detail&ib=87>)

Những điều mà các giáo sĩ truyền giáo giảng dạy chẳng những là những điều mà các ngài đã chân tình cảm nhận, mà còn được lương tri xác nhận và thuận với lòng người. Dấu chứng hợp với lòng người rõ nhất là việc lương dân xin trở lại đạo. Cha Đắc Lộ đã kể lại cuộc ngài gặp gỡ lần đầu tiên người Đàng Ngoài ở Thanh Hóa, ngày 19/03/1627, một cách đơn sơ nhưng qua đó, rõ rệt người ta thấy được chính đạo trong công việc của ngài : « *Mãi tới sáng ngày lễ thánh Giuse hiển vinh, trời trở nên quang đãng, hình quái dị tan và sóng hạ, chúng tôi khám phá ra một cửa biển người Đàng Ngoài gọi là Cửa Bạng. Chúng tôi muốn gọi là cửa thánh Giuse, vì chúng tôi may mắn được vào bến đúng ngày lễ kính Người và chúng tôi hy vọng Thiên Chúa để Ngài làm vị quan thầy bảo hộ và làm cha nuôi giáo đoàn Đàng Ngoài mới khai sinh này. Viên hoa tiêu liền xuống một chiếc xuống để thăm dò bến, khi thấy là tốt và có thể cập bến được thì chúng tôi dễ dàng đi xuống và cảm tạ Thiên Chúa đã dẫn chúng tôi may mắn tới nơi.*

Chúng tôi vừa cập bến thì một số đông dân xứ này thấy chúng tôi đến gần liền lấy thuyền của làng lân cận đến mừng chúng tôi, chắt vắn chúng tôi xem chúng tôi là những người nào, từ đâu mà tới và đem những hàng hóa mới lạ vào. Tôi làm thông ngôn cho tất cả đoàn thể, tôi đáp đây là một chiếc tàu người Bồ, những người khắp vùng Đông phương đều khá biết về giá trị vũ khí và hàng hóa tinh xảo từ lâu vẫn đem tới xứ này và nhân dịp này họ tới bán cho người Đàng Ngoài một hạt trai quý mà không đặt để cho người nghèo khó nhất cũng có thể mua được miễn là có ý ngay lành. Thấy dân chúng tỏ ra muốn xem, thì tôi cho họ hiểu là hạt trai này không thể coi bằng con mắt thân thể nhưng bằng con mắt tinh thần biết phân biệt thật giả. Nói tóm lại, người ta đến giảng dạy đạo thật có giá hơn hết các hàng hóa của người Ấn Độ và một mình nó có thể mở đường tới cõi phúc đích thực và trường cửu.

Khi nghe nói về điều mà họ thường gọi là đạo theo ngôn ngữ các nho sĩ và Đàng theo ngôn ngữ bình dân có nghĩa là đường lối thì họ tò mò muốn tôi cho biết đạo thật và đàng thật mà chúng tôi định rao giảng. Sau đó tôi lấy đề tài thảo luận với họ về nguyên lý vạn vật, tôi quyết định công bố dưới danh hiệu Chúa Trời đất, vì không tìm được trong ngôn ngữ họ một tên riêng để chỉ Thượng đế, vì họ thường gọi là Phật hay But với nghĩa nơi họ là một thần. Nhưng biết việc tôn thờ vị này không được trọng dụng nơi những người quyền quý và các nho gia trong nước, nên tôi tưởng không nên dùng danh hiệu ấy để xưng Thiên Chúa, nhưng tôi dùng danh hiệu mà thánh Phaolô tông đồ đã xưng khi giảng cho người thành Atê-nê đã dựng bàn thờ kính Thiên Chúa vô danh, Thiên Chúa mà theo như ngài, đã nói với họ: các người thờ mà chẳng biết, đó là Đức Chúa trời đất. Thế là dưới danh hiệu đầy uy nghi trong tâm trí lương dân, ngay ban đầu tôi rao giảng đạo thật trước hết và chính yếu nhất là thi hành nghĩa vụ chính đáng của ta đối với đức Chúa trời đất theo cách thức Người mạc khải cho ta. Giảng cho họ như thế, tôi tin là họ có đủ khả năng hiểu và hai người trong đám thánh giả đã động lòng, sau mấy ngày được dạy dỗ đầy đủ hơn về những niềm tin của chúng ta và đã chịu phép rửa tội cùng cả gia đình. Người thứ nhất chúng tôi gọi là Giuse để dâng kính bạn thánh Đức Trinh Nữ mà ngày lễ Người là ngày chúng tôi cập bến, còn người thứ hai là Inhaxu vị tổ phụ dòng chúng tôi.

A2, A3. Lượng thiên thời, Định địa lợi,

Lượng thiên thời và định địa lợi là xem môi trường địa dư, lịch sử và xã hội, nhìn địa hình, thể đất, lòng người ; quan sát văn hóa, đặc biệt là văn hóa làng xã và gia đình Việt Nam, ghi nhận những chi tiết của đời sống cụ thể hàng ngày. Một số tài liệu tiêu biểu nói lên ý chí muốn lượng định thiên thời địa lợi và sự hiểu biết của các giáo sĩ truyền giáo Dòng Tên về địa lý, lịch sử và văn hóa, đời sống Việt Nam : Gaspar Luis, S.J. : Tường Trình về Đàng Trong, 1621 ; Giuliano Baldinotti, S.J. : Tường Trình về Đàng Ngoài, 1626. A. Francisco Cardim, S.J. : Tường Trình về Đàng Ngoài, 1595-1659. Gioan Maracci, S.J. : Tường Trình về Đàng Ngoài, Đàng Trong, Cao-Miền và Lào, 1649. Đặc Lộ : Lịch Sử Vương Quốc Đàng Ngoài, 1650, Đặc Lộ : Hành trình và truyền giáo, 1951, Đặc Lộ : Phép giảng tám ngày, 1651...

(Nguồn: <http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=77&ict=619>).

Sự hiểu biết về thiên thời địa lợi này đã được đem ra áp dụng ngay cả vào việc dạy giáo lý. Trong « Phép giảng tám ngày », cha Đặc Lộ đã nhắc đến quan niệm « sinh quý, tử qui », đến tam giáo ở Việt Nam.

Cho biết sự ấy tỏ tường, thì phải nhớ lời đất Annam này nói liên: "Sống thì gửi, chết thì về" (nói chữ: sinh là kí dã, tử là quy dã). Song le thì phải hay đời sau có hai quê: một là quê lành, hai là quê dữ; quê trên, quê dưới, thiên đàng, địa ngục. Vì chưng trên trời thì có thiên đàng: ai đến được trên ấy thì chịu 3 hăng hăng vui vẻ vậy. (Giáo sĩ Đặc Lộ, Phép giảng tám ngày, Ngày thứ nhất. Nguồn : <http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=detail&ib=87>)

Lộn lạo tiếng nói đoạn, thì mới ra nước Đại minh, mà Annam thì chịu đạo bởi nước ấy. Khi lộn lạo tiếng nói đoạn, mà Đại minh phải mất tiếng nói trong đạo thật, mà lại chẳng còn có kính truyền đạo thật, thì phải phân ra nhiều đạo vậy. Như thế kẻ lạc đàng thật, thì lạc đi nhiều đàng, mà những đàng vậy. Song le Đại minh vốn thì có phân ra ba đàng cả, những vậy chẳng kể nhiều đàng tiểu mọn khác, cũng vậy vậy. Đàng thứ nhất là đàng về kẻ hầy chữ, gọi là đạo Nho. Đàng thứ hai là đàng kẻ thờ quỷ, mà làm việc dối, gọi là đạo Đạo. Đàng thứ ba là đàng kẻ thờ bụt, gọi là đạo Bụt. (Ibid. ngày thứ bốn)

Ngài cũng nhiều lần nhắc đến văn hóa gia đình việt nam : Bây giờ ta phải hay có ba đấng bề trên, gọi là ba cha, ta phải thờ, ở đấng nào, cho nên đấng ấy. Đấng dưới là cha mẹ sinh thân xác cho ta; đấng giữa là vua chúa trị nước; đấng trên là Đức Chúa trời đất, làm Chúa thật trên hết mọi sự. Có ba đấng này ta mới được sống, được ở.

Vì chúng ta có cha mẹ, thì mới được thân xác thịt này sinh ra mà chớ; song le linh hồn ta chẳng phải bởi cha mẹ mà ra đâu. Ta chịu ơn mẹ vì có chịu thai, mà ta ở trong lòng mẹ chín tháng mười ngày, chịu khổn khó mà đẻ ta, đoạn ba năm bú mớm. Có khi thì mẹ cắt của miệng mình mà cho con ăn; cũng có khi mẹ ăn miếng đắng mà miếng ngon để dành cho con ăn. Lại có khi mẹ nằm chôn ướm, mà chôn ráo để cho con nằm. Cha đẻ con thì lo việc nuôi nấng. Vì vậy có khi thì cha thức sớm chẳng ngủ, mà làm nghề nọ nghề kia, chạy xuôi chạy ngược, kiếm của mà nuôi con. Thật con thảo kính cha mẹ thì thậm phải, ví bằng có ai chẳng thảo kính, chẳng khứng vâng phép cha mẹ, thật thì có tội trọng. (Ibid, ngày thứ nhất)

Ay vậy mà lời răn thứ bốn trong kinh Đức Chúa trời, gọi là răn thứ nhất trong Lời hứa, thì dạy ta thảo kính cha mẹ cho nên. Mà hễ là kẻ bề trên, cũng gọi là cha mẹ. Lại sự thảo kính thì hằng có bốn phần, là yêu mến, kính dái, chịu lụy, giúp cho mọi sự. Yêu mến là chót ghét, chớ muốn sự dữ cho người, lại ước mọi sự lành cho, mà cầu vạy cùng Đức Chúa trời. Kính dái là ở khiêm nhường cùng, mà chớ mất lòng người, dầu mình làm, dầu miệng nói. Chịu lụy là vâng phép người mọi việc khiến ta phải lẽ, hưởng lộc khi khiến ta sự về ích cho ta lành đời đời. Mà giúp cho mọi sự người có dùng thể nào, thì phải giúp, nhất là khi đã già cả, hay là phải đau nặng. Ví bằng người còn thiếu sự về linh hồn cho lành, (như thể khi cha mẹ chưa biết Đức Chúa trời, hay là có lạc đàng về cho được lành đời đời), khi ấy càng phải giúp hết sức, càng việc về linh hồn cho lành thì trong hồn việc về xác. (Ibid, ngày thứ tám, sđt)

A4. Tạo nhân hòa,

Nội dung những điều các giáo sĩ truyền giáo rao giảng cho dân chúng Việt Nam là những điều hợp với lương tâm, hợp với lẽ phải. Đó là điều chúng ta vừa xem ở số A1 trên đây, khi nói về chính đạo. Ở đây, khi nói về nhân hòa, ta có ý nói về hoàn cảnh chung quanh, về những người có trách nhiệm trong quốc gia và trong xã hội. Trong tất cả thời kỳ truyền giáo bảo trợ, chúng ta lưu ý rằng các giáo sĩ, lúc khởi đầu, các giáo sĩ luôn luôn được các vua chúa kính trọng và mến phục. Và trong các quan lại, nhân vật hoàng gia, nho sĩ, trí thức, thậm chí cả những bậc tu trì phật giáo, có nhiều người đã chấp nhận, tuân theo và gia nhập đạo Công Giáo. Ta có thể bảo rằng các giáo sĩ truyền giáo luôn quan tâm đến việc tạo nhân hòa. Sau đó, vì những lý do khác nhau, các vị có thể bị ghen tương, bị hiểu lầm, bị ganh tỵ. Nhiều vị, vì vậy đã bị cấm giảng đạo, bị trục xuất.

Ngay từ khi mới tới Cửa Bang Thanh Hoá, Cha Đắc Lộ đã được dẫn đến gặp chúa Trịnh Tráng. Ngài viết : « *Người ta dẫn chúng tôi tới phủ chúa, lúc đó chỉ nghĩ tới chiến tranh. Chúa cầm đầu một đạo quân lớn gồm có một trăm hai mươi ngàn người và bốn trăm thuyền chiến. Người Bồ đến lạy chúa và dâng phẩm vật. Tôi cũng đi với họ. Ngoài những phẩm vật khác, tôi dâng chúa một đồng hồ có bánh xe và một đồng hồ cát, nhưng chúa không ngó tới vì còn mãi sửa soạn cộc hành quân chống chúa Đàng Trong. Chúa truyền cho chúng tôi đợi chúa trong tỉnh thành này, nơi chúa để lại hết các hành trang và cung phi. Chúa cũng cho một toán binh hộ vệ chúng tôi.*

Trong hai tháng trời, chúng tôi được thông dong thu lúa đầy kho Thiên Chúa, rửa tội cho hai trăm người. Thật là được mùa dư dật. Khi chúa bại trận nặng nề trở về thì chúng tôi ra mắt. Lúc này trí óc thanh thoi, chúa tiếp đón chúng tôi rất niềm nở. Tôi dâng chúa một cuốn sách về toán học, bì nạm chữ vàng, in bằng chữ hán. Nhân dịp tôi cũng cắt nghĩa cho chúa biết sự xoay vần trời đất cùng các tinh tú, từ đó tôi đề cập tới Đức Chúa Trời. Chúa để ý nghe suốt hai tiếng đồng hồ, ấy là đã mệt nhọc vì đường trường. Chúa tỏ ra hài lòng được nghe nói về đạo thánh của ta, chúa cũng mời tôi năng lui tới phủ chúa. Bài giảng thứ nhất này không vô ích, có một quan sang trọng, sau khi nghe, đã thấy được ơn Thiên Chúa và đến xin chịu phép rửa tội.

Tôi được hân hạnh chúa vời tới thuyền chúa nhiều lần và còn mời tôi ngồi bàn tiệc với chúa, theo kiểu dân xứ này, mỗi người một bàn riêng. Chúa để tôi ngồi cạnh chúa và có nhã ý cho tôi dùng những món thịt ngon nhất tốt nhất mà chúa có. Tôi phải vận động để được ở lại trong đất nước này, khi tàu người Bồ lên buồm trẩy đi. Tôi liền kiếm khắp nơi một người bạn nói dùm cho tôi một tiếng. Nhưng ai cũng chối từ, chỉ có Thiên Chúa nói cho tôi và cho tôi thành công không ai dự phần vào.

Chúa với tôi vào thuyền để chỉ dẫn cho chúa biết đồng hồ dùng vào việc gì và đồng hồ cát sử dụng thế nào, hai phẩm vật tôi đã dâng. Sau khi bái chào chúa, tôi lên đây đồng hồ và cho đánh giờ, và đồng thời tôi lật đồng hồ cát, cho chúa biết, khi tất cả cát rơi xuống đáy thì đồng hồ lại đánh giờ. Chúa thấy rất lạ và hỏi xem tôi có nói thật hay không. Tôi liền ngồi xa chiếc đồng hồ, vì sợ chúa tưởng tôi xờ mó vào đồng hồ. Tôi cũng bắt đầu giảng về nguyệt thực nhật thực, trong khi chờ đợi. Chúa vẫn đắm đắm vào đồng hồ cát và khi cát đã rơi xuống đáy thì chúa cầm trong tay nói: hỏng rồi, đồng hồ của khanh không đánh. Chúa vừa nói thì đồng hồ liền đánh giờ như tôi đã báo trước. Chúa lấy làm thích thú và chúa bảo tôi nếu tôi muôn ở đây hai năm với chúa, chúa vui lòng tiếp tôi nhiều lần nữa.

(A de Rhodes, Hành trình và truyền giáo, chương 8, sđd <http://www.dunglac.org/index.php?m=module2&v=chapter&id=85&ib=136&ict=319>)

A5, A6. Dụng tướng tài và đặt pháp minh

Trong công việc truyền giáo, các giáo sĩ truyền giáo thông minh, dẫn thân và chuyên nghiệp là chính yếu. Nhưng các ngài đã ngay từ những lúc đầu nghĩ đến việc đào tạo các giáo dân ưu tú Việt Nam và tuyển chọn họ làm những phụ tá và cán bộ đặc lực. Cùng với các giáo sĩ truyền giáo, các giáo dân ưu tú này, gọi là các thầy giảng, đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc rao giảng tin mừng và trong những kết quả tốt đẹp đạt được. Các thầy giảng có sứ mệnh truyền giáo trong gia đình họ, trong làng xã họ, và xa hơn nữa trong những nơi mà các giáo sĩ gởi họ tới. Các thầy giảng cũng là một trong yếu tố tổ chức quan trọng trong hệ thống Nhà Đức Chúa Trời của những địa điểm truyền giáo mà các giáo sĩ đã đặt ra để làm vững giáo xứ, tạo ra một linh tông, khích lệ việc đào tạo giáo sĩ bản địa. Về các thầy kẻ giảng

này, cha Đắc Lộ tỏ ra rất ưu ái và thán phục. Ngài viết : « Giáo dân vẫn rất sốt sắng như mấy năm về trước. Vì thế tôi không nói gì riêng ở đây, nhưng tôi không thể không nói tới ơn Chúa ban cho tôi và đồng thời kích động mười người trai trẻ hợp tác với tôi trong việc giảng đức tin cho dân xứ này. Tất cả đều ở nhiều tỉnh khác nhau mà tới, nhưng họ chỉ có một tâm hồn thuộc về Chúa và hoàn toàn tận tụy ở Giáo hội. Trong số đó có ba người Chúa dành cho phúc tử đạo: Anrê từ tỉnh Phú Yên tới tìm tôi, Inhaxu con nhà sang trọng, vì là quan tòa, thông minh, rất thông thạo chữ Hán, nhất là rất nhân đức, một vị thánh đích thực, gốc ở tỉnh miền bắc, sau khi chịu phép rửa tội thì không muốn rời tôi, và thực ra tôi được gặp Inhaxu thì không lấy gì làm sung sướng hơn.

Người thứ ba là Vincentê, từ lâu nài xin tôi cho vào số những người khác. Thân phụ anh là một giáo dân đạo cũ ở tỉnh Quảng Ngãi, ông đã đem đến trình tôi, mặc dầu anh là cột trụ nâng đỡ gia đình và cây gậy của tuổi già.

Còn bảy người khác thì cũng tương tự như ba người trên. Tất cả chúng tôi cùng nhau đi khắp các tỉnh, các làng các xã ở Đàng Trong. Thiên Chúa phù hộ ban ơn giúp đỡ chúng tôi và số giáo dân trong một thời gian ngắn đã thêm được hơn một ngàn. (Ibid, ch 21)

Cũng trong tài liệu « Hành trình và truyền giáo », trong hai chương sau, chương 23, cha Đắc Lộ viết tiếp về các thầy giảng : « Sau khi ở gần hai năm và đi thăm hết cả tỉnh Đàng Trong, không ra mắt công khai, chỉ hoạt động ban đêm thì tôi được tin người Bồ, trong khi tôi đi vắng, đã tới cửa Đà Nẵng, để rồi từ đó trở về Macao. Trước khi họ khởi hành, tôi đã tới gặp họ và tất cả đều muốn cho tôi cùng về với họ. Họ sợ chúa cả giận. Theo họ thì chúa vui lòng để tôi ở lại ba tháng sau, như thế tôi giúp giáo dân hơn là cứ phải lẩn tránh.

Tôi đồng ý và trước khi ra đi, tôi nghĩ nên gán bó mười thầy giảng bằng một lời tuyên thệ cũng như tôi đã làm ở Đàng Ngoài khi tôi rời bỏ họ. Chúng tôi chọn ngày lễ dâng thánh tổ phụ Inhaxu để cử hành nghi lễ. Cả mười thầy tổ Chúa công khai đến nhà thờ, có mặt toàn thể giáo dân. Họ cầm nến trắng trong tay, phục trước bàn thờ, rồi thầy sẽ phụng sự Giáo hội, không lập gia đình và vâng lời các cha dòng đến giảng ở đất nước này hoặc những vị thay thế các ngài.

Họ đọc lời thề rất sốt sắng và cảm động tới rớt nước mắt, làm cho tất cả cử tọa đều phấn khởi. Còn tôi, đứng gần bàn thờ, tôi vui mừng quá đỗi, khi thấy những người lành thánh hy sinh tận hiến cho Chúa một cách rất thành thực, tâm trí tôi ngợi khen Chúa và mắt tôi trào dòng châu lệ. Sau đó tôi ra lệnh cho họ phải theo khi tôi vắng mặt. Tôi đặt Inhaxu là bề trên và ai cũng bằng lòng vì là người lớn tuổi hơn cả, có khả năng hơn cả và thực ra cũng rất nhân đức như các anh em đồng sự.

Tôi chia họ thành hai toán, toán thứ nhất đi thăm các tỉnh phía bắc cho tới Đàng Ngoài, Inhaxu là toán trưởng và đem theo Anrê, toán thứ hai thì đi các tỉnh phía nam cho tới biên giới Chàm.

Thế là tôi trở về Macao vào tháng 9 năm 1643 còn họ trung thành làm tròn nhiệm vụ tôi uỷ thác cho. Thoạt đầu tất cả mười người đều cùng nhau ở lại một tháng trong nhà chúng tôi ở Đà Nẵng mà vì lương dân đã phá bình địa nên phải dựng lại. Trong khi đó, có mấy người ngã bệnh, có Anrê trong số đó, người rất nhiệt tâm nhưng sức yếu. Inhaxu là bề trên nhưng lại làm đầy tớ hầu hạ tất cả, đêm ngày săn sóc, không quản khó nhọc và không ngại việc hèn việc mọn để chữa chạy cho các thầy tốt lành của thầy độc nhất là Chúa Kitô.

Khi khỏi bệnh, họ chia tay đi các nơi như tôi đã chỉ định. Năm người trở về phía nam và làm việc rất đắc lực, trong ba tháng đã rửa tội được hai trăm chín mươi ba người lương dân. Họ thấy không nên hoãn việc này để chờ tôi về. Họ còn chuẩn bị nhiều người khác để cho chính tay tôi làm. Việc này có tiếng vang lớn trong tỉnh Phú Yên, làm cho lương dân áy náy đến thưa với quan trấn thủ mới về trị nhậm và rất ghét giáo dân.

Ông ta liền cho đi lùng bắt hết các thầy giảng mới để trừng phạt. Họ cũng không còn nề bà Mađalêna, có họ với chúa, vợ quan trấn thủ cũ, chúa đã chuyển đi nơi khác 66. Bọn lính xắc láo ập vào nhà, lục soát các phòng để tìm các thầy giảng, nhưng may mà các thầy không ở trong thành này. Các thầy chỉ buồn vì đã bỏ lỡ dịp chịu khổ vì đức tin, các thầy thích được chết vì đạo hơn là giảng. Bà Mađalêna không buồn phiền vì chịu xỉ nhục đó, nếu vào trường hợp khác thì bà rất bức bối.

Trong dịp này có hai bà tỏ lòng kiên trung đặc biệt, một là bà Angela, bà đã khổ sở vì thấy mẹ chồng tên là Monica đã cho hạ một nhà nguyện vì sợ quan tòa tối phá. Do đó bà đã chết vì đau đớn. Bà không muốn sống sau tội ác tày đình do một giáo dân phạm, mẹ chồng bà vậy.

Người thứ hai là một bà quả phụ, bà cũng có một nhà nguyện. Kẻ địch muốn phá để đẹp lòng quan trên. Nhưng bà can đảm chống cự, lúc cương lúc nhu vì nhiệt thành tôn vinh Chúa. Cuối cùng nhà nguyện được an toàn cho dù ma quỷ điên cuồng và lương dân ác ý.

Trong khi được nhiều thành quả ở phía nam thì Inhaxu với bốn đồng sự cũng không kém thành công ở phía bắc. Trong có ít ngày mà đã rửa tội được ba trăm ba. Họ không ăn không ngồi rồi. Trước hết họ đến tỉnh chúa ở là Thuận Hóa. Ở đây được mùa rất tốt đẹp, do sự chuẩn bị của ba giáo dân can tràng. Ba người này đã lìa khỏi nhà, bỏ nơi sinh quán để tránh đám lương dân tức giận và hành hung.

Trước đây gần hai năm, khi đi qua xã Kế Đại, trong ba ngày tôi đã rửa tội được ba trăm người do các thầy giảng dạy dỗ trước. Lương dân căm tức vì thần giả trá của họ bị bại trận lớn. Chúng nhất định báo thù giáo dân. Trước hết chúng hành hạ thầy Augustino là người đã giảng dạy. Chúng trói thầy và để ở giữa chợ suốt một ngày, để phơi nắng buổi trưa, nhưng đây tố trung thành của Chúa đã thấy ánh sáng và một sức nóng bên trong mạnh hơn sức nóng thiêu đốt bên ngoài.

Còn một người tên là Phaolô, một người được kính nể trong xã này, nhưng vì thấy đức tin bị xâm phạm nên không muốn ở lại. Ông bán hết tài sản và dẫn con tên là Philipphê, cả hai rất sùng đạo, đi kiếm ăn nơi khác, nơi người ta không làm hại sự đạo. Ông chọn kinh đô chúa ở để có thể lẩn tránh trong đám quần chúng và đồng thời, có thể thu hoạch được nhiều thành quả hơn. Ông mở trường dạy học, ông một bên và con ông một bên, vì cả hai đều rất thông chữ Hán. Chỉ trong ít lâu ông đạt được ý nguyện, sửa soạn cho mấy người theo đạo và giao cho các thầy giảng làm phép rửa.

Hài lòng về can đảm của hai thầy tố Chúa, Phaolô và Philipphê, Thiên Chúa muốn thưởng công cho vật chất ở đời này. Một hôm đi qua phố, tỉnh cờ chúa gặp Phaolô mà chúa đã biết và mến chuộng từ xưa. Chúa hỏi thăm rất ân cần và giao cho chức quan tòa lúc này chưa có ai đảm nhận. Phaolô ngỡ vì cơ hội may mắn. Ông nhận thấy mình vì Thiên Chúa mà bỏ hết của cải nơi sinh quán nên Thiên Chúa đền bù cho tất cả những gì đã mất. Ôn huệ vật chất lớn lao này làm cho ông càng can đảm để giúp việc thiêng liêng và vật chất cho hết các giáo dân. Ông càng sốt sắng hơn trước và có thể nói đây là một Phaolô đích thực trong thành phố lớn này.

Còn về phần Inhaxu với toán binh tinh nhuệ hằng kiện toàn công trình mà ba giáo dân kia đã đặc biệt khởi sự. Thầy rửa tội, giảng và lấy lời đạo đức củng cố tinh thần giáo dân. Sau đó tới quê quán nơi sinh trưởng tên là Hemcun. Thầy thành thực muốn chinh phục đồng liêu, nhưng đúng như chân lý Chúa đã nói, thầy không khuyên nhủ được ai trở lại đạo. Người đồng hạng xưa kia vẫn quý chuộng thầy thì nay lại cho thầy là kẻ cuồng tín. Công việc không tiến triển, ngoài hai người thầy thương mến nhất, là mẹ và bà nội nay đã bát tuần. Thầy rửa tội cho cả hai. Rồi khi thấy sắp đến thời lúc tôi hứa trở lại, thì thầy rút lui về nơi tôi căn dặn để đón tôi: đó là cửa biển Hội An. Ở đây, tất cả đã gặp nhau, đem theo bao nhiêu của đã cướp được từ tay ma quỷ. (Ibid. ch. 23)

B. Giáo hữu sống đạo trong hiệp nhất và yêu thương

Giáo sĩ truyền giáo trách nhiệm đã đem lại kết quả gì cho giáo hội ? Vì có trách nhiệm, các giáo sĩ đã biết giảng giáo lý Đạo Đức Chúa Trời bằng tiếng việt và theo lẽ phải, hợp với lòng người. Các ngài đã biết đặt ra chính đạo. Đặt được chính đạo, trên một đường đi ngay thẳng, các giáo sĩ lại biết dựa vào những nền tảng văn hóa việt nam về gia đình, quốc gia, để chuyển trao Tin Mừng một cách dễ hiểu và dễ tiếp nhận. Các ngài đã biết dựa vào thiên thời và tựa vào địa lợi. Thêm vào đó, các giáo sĩ còn biết chinh phục các quyền lực trong quốc gia xã hội, tránh chống đối và cấm cản, thù nghịch, dặt được những liên hệ thuận lợi. Các ngài đã biết tạo ra nhân hòa. Từ đó, có chính đạo, có môi trường thuận lợi, việc thành công chỉ còn tùy thuộc vào sức mạnh nội bộ, dựa trên nhân tài, cán bộ giỏi và tổ chức qui củ, thường phạt phân minh. Các giáo sĩ đã làm được điều đó. Các ngài đã biết dụng tướng tài, là thân nhận các thầy giảng và tổ chức cộng đoàn theo khuôn mẫu nhà Đức Chúa Trời và linh tộc.

Kết quả của việc truyền giáo trách nhiệm mà các giáo sĩ Dòng Tên đã mang lại cho Giáo Hội Việt Nam trong buổi thành lập này là : 1- số giáo hữu tăng rất nhiều ; 2- các giáo hữu sống đạo trong hiệp nhất và yêu thương.

B1. Số giáo hữu tăng rất nhiều

Chỉ nhìn công việc truyền giáo ở Đàng Ngoài, ta đã thấy số lượng dân Việt Nam đón nhận Tin Mừng một cách hồ hởi. Ngay ngày đầu tiên đến Cửa Bạng, Thanh Hóa, 19/03/1627, cha Đắc Lộ đã chinh phục được hai người rất thông minh và gia đình họ : « *Thế là ngày 12 tháng 3 năm 1627, tôi rời Macao và sau tám ngày trên biển với một cơn bão lớn tưởng nguy tới tính mạng, chúng tôi may mắn cập bến cửa Bạng ở tỉnh Thanh Hóa, ngày 19 tháng 3, lễ thánh Giuse, Đấng tôi nhận là quan thầy trong công trình lớn lao này. Chúng tôi liền đặt tên cho cửa biển này và từ đó gọi là cửa thánh Giuse.*

Tàu chúng tôi chưa vào tới bờ thì đã thấy rất đông người tụ tập để xem hàng hóa trong tàu. Tôi liền bắt đầu giở hàng hóa của tôi ra và cho họ biết tôi có một thứ hàng quý hơn và rẻ hơn tất cả những hàng khác, tôi sẽ biếu không nếu ai muốn, đó là đạo thật, đường thật ban hạnh phúc. Tôi giảng giải một bài ngắn, bởi vì đạo trong ngôn ngữ của họ có nghĩa là đàng, đường. Chúa cho trong mẻ thứ nhất này, ngay trước khi đặt chân lên đất, có hai người rất thông minh sa lưới và nhất quyết xin chịu phép rửa tội. Tôi đã rửa tội cho họ sau đó ít lâu cùng tất cả gia đình.....

Trong hai tháng trời, chúng tôi được thông dong thu lúa đầy kho Thiên Chúa, rửa tội cho hai trăm người. (Ibid, ch. 8)

Mấy tháng sau, khi lên kinh đô Kẻ Chợ, kết quả cứ tiếp tục tăng trưởng : « *Khi chúng tôi tới kinh đô Đàng Ngoài tên là Kẻ Chợ, một kinh thành rất lớn và rất đẹp, phố phường rộng rãi, dân cư đông đúc, lũy thành dài tới hơn sáu dặm, tức thì chúa dựng cho chúng tôi một nhà ở và một nhà thờ xinh đẹp. Thế là tiếng đồn đi khắp nước và người ta tuồn đến rất đông, đến nỗi tôi phải giảng mỗi ngày ít ra bốn lần và nhiều khi sáu lần.*

Nhìn thấy kết quả, tôi khó lòng tin cho nổi. Một bà em gái của chúa và mười người họ hàng gần đã được rửa tội, có mấy tướng lãnh nổi tiếng cũng xin theo đạo và nhiều binh sĩ nữa. Năm thứ nhất, số người chịu phép rửa tội là một ngàn hai trăm người, năm sau, hai người và năm thứ ba ba ngàn năm trăm.

Không gì làm tôi ngỡ ngàng nữa, tôi thấy dễ dàng chinh phục các vị sư sãi (...) tôi đã rửa tội được hai trăm, những người này rất đặc lực giúp tôi chinh phục kẻ khác. Một trong số này đã dẫn đến tôi năm trăm người xưa kia dạy điều dối trá, nay họ giảng chân lý đức tin và từ đó chính họ là những thầy giảng nhiệt thành nhất của chúng tôi.

Họ rất hài lòng khi tôi trình bày đạo ta hợp với lẽ phải và nhất là họ phục mười điều răn Chúa, cho rằng không có gì hợp lý hơn và đáng được công bố bởi đấng thượng đế muôn dân muôn nước. Phương pháp tôi dùng là luận về linh hồn bất tử và sự sống đời sau, từ đó chứng minh về tính Thiên Chúa, về quan phòng của Người và dần dần mới đề cập tới mầu nhiệm khó hơn. Theo kinh nghiệm chúng tôi thấy, cách giảng dạy lương dân như thế rất có ích: tôi đã cắt nghĩa dài hơn trong cuốn Phép giảng tám ngày trong đó tôi cố trình bày hết các chân lý căn bản phải giảng dạy lương dân. (Ibid, ch. 9)

Và những năm tiếp theo, kết quả truyền giáo vẫn một mức tăng trưởng không ngừng. Cha Antonio Francisco Cardim đã ghi nhận như sau : *Do những việc xảy ra và những phép lạ khác mà ruộng nho Thiên Chúa sinh sôi nảy nở đến nỗi trong nước này, năm 1631 đã rửa tội được 5.727 người, năm 1633 có 9.797, năm 1634 có 9.874, năm 1635 có 8.176, năm 1636 được 7.121, năm 1637 được 9.707, năm 1638 được 9.076, năm 1639 được 12.234, năm 1640 được 10.070 và năm 1641 tất cả những người đã chịu phép rửa thì lên tới con số 108.000. Thêm vào đó, trong những năm này đã được 235 nhà thờ trong nhiều nơi. Thật là những kết quả lớn lao, nếu xét ra chỉ có một số thợ rất ít được sai tới để gặt hái. (Antonio Francisco Cardim, Tường trình về Đàng Ngoài (a)*

<http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=77&ict=624>)

B2. Giáo hữu trong hiệp nhất và yêu thương sống đạo

Số giáo hữu tăng nhiều. Đó là một kết quả tốt, đáng mừng. Nhưng điều đáng mừng hơn là các giáo hữu tận tòng sống đức tin một cách rất sốt sắng đạo đức. Cha Đắc Lộ rất cảm kích về cuộc sống hiệp thông và yêu thương, bác ái này của giáo dân. Ngài coi đó như một phép lạ Chúa ban : *Đời sống trong sạch và lòng sốt sắng của giáo dân tận tòng ở giáo đoàn này còn là chứng cứ rõ ràng có tay Chúa hơn là các phép lạ. Tôi nói thật, không gì làm cho tôi xúc động bằng thấy trong đất nước này có bao nhiêu giáo dân là bấy nhiêu thiên thần và ơn phép rửa đã tạo nên nơi mọi người một tinh thần đã phát sinh nơi các tông đồ và các vị tử đạo thời Giáo hội sơ khai.*

Họ có một đức tin vững chắc đến nỗi không ai có thể nhổ ra khỏi lòng họ được. Có một bà còn trẻ tên là Darie đã thà chết chẳng thà theo ý một vị quan muốn làm mất danh giá bà. Bà sẵn sàng chết để khỏi bị ô uế mất ơn phép rửa.

Một giáo dân khác tên là Phanchicô làm việc khiêng cáng cho người em của chúa, theo phong tục những kẻ cả trong nước. Ông này đành chịu chết hơn là bỏ việc bác ái thường làm ngoài giờ hầu hạ chủ. Ông nhiệt tâm đi chôn xác những giáo dân nghèo và việc bác ái này đã đưa ông tới cái chết và cái chết là phần thưởng lớn nhất ông mong mỏi.

Vì quý trọng đức tin mà họ rất chuộng các nghi lễ rất nhỏ có hệ đến đức tin. Họ coi các cha giảng đức tin như các thiên thần và hân hạnh được vâng lời trong hết mọi việc rất nhỏ mọn. Không bao giờ tôi giờ thánh giá lên mà không thấy họ sụt sùi chảy nước mắt. Cứ mười lăm ngày, họ lại đến xưng tội hoặc xem lễ. Mặc dầu xa nhà thờ chừng từ năm sáu dặm đường, họ không bao giờ quên những ngày lễ. Họ tới vào ngày áp lễ để rồi trở về ngày hôm sau, sau các nghi lễ, nghĩa là rất muộn. Họ ở nhà thờ từ sáng sớm cho tới chiều tà. Họ thường quý, rất mực khiêm tốn. Thấy họ tôi không cầm được nước mắt.

Mỗi người đeo hai ảnh thánh giá, một ở cổ và một ở cổ tay. Họ nói ảnh thứ nhất làm thuẫn, ảnh thứ hai làm gươm đao. Không bao giờ họ đi hoạt động mà không đem theo một bàn thờ nhỏ, gấp lại khi tới nhà trọ. Mỗi sáng họ không bao giờ quên nguyện ngắm một nửa giờ. Đa số suy niệm về mầu nhiệm đạo thánh và họ được hưởng những êm ái Chúa ban cho những linh hồn trong sạch.

Họ rất quý trọng nước phép, cứ năm sáu ngày họ lại đến lấy, họ đeo một lọ ở cẳng tay có dân buộc. Họ cho bệnh nhân uống với những thành quả lạ lùng. Mỗi chủ nhật, tôi buộc lòng phải làm phép với năm vại lớn, để thỏa mãn lòng sốt sắng của họ.

Tôi rất phấn khởi thấy họ thận trọng dọn mình xưng tội và rước lễ. Họ có lòng quý mến và trọng kính các bí tích một ngàn lần hơn tôi. Ngày hôm trước, bao giờ họ cũng giữ chay và đánh tội. Nếu tôi không ngăn cản thì họ sẽ rước lễ nhiều lần chứ không phải chỉ một tuần một lần. Họ xưng tội mà khóc lóc như thể họ phạm tội tày đình và thực ra tôi có thể nói, thường thường khi ngồi tòa, tôi khó thấy gì là tội để làm phép giải, không phải ở một số ít mà thường là cả một làng một xã. Tôi cũng nhận thấy không phải là họ không biết, nhưng vì họ kính sợ Chúa. (Hành trình và truyền giáo, ch. 10)

Qua cuộc sống đạo đức này, một bản sắc văn hóa công giáo việt nam đang được bắt đầu vẽ ra, trình bày chu kỳ năm sống đạo theo phụng vụ, khởi đầu từ Mùa Chay đón mừng Lễ Giáng Sinh. Cha Đắc Lộ đã mô tả bức tranh ấy như sau : « Chúng tôi đã mừng lễ Giáng sinh hết sức long trọng, nghĩa là chúng tôi bắt đầu rửa tội công khai mấy kẻ tận tòng, được tái sinh trong Chúa Kitô vào chính ngày Người giáng sinh. Hơn nữa, trong đêm Noel giáo dân tận tòng sốt sắng và hoan hỉ hát các bài ca sinh nhật và những bài ca tôn giáo khác. Mà vì ban đêm, không cho phép phái nữ vào nhà thờ theo thuần phong mỹ tục xứ này, nên mới tảng sáng, họ đã dậy sớm và đến nhà thờ rất đông. Chúng tôi trình bày ảnh Đức Giêsu hài đồng cho họ bái thờ và hôn kính, mọi người đều tỏ ra xúc động và cảm mến không sao tả được.

Tới ngày đầu năm, theo tục lệ lương dân, thường có những cúng bái mê tín dị đoan trong ba ngày Tết. Chúng tôi truyền cho giáo dân làm những việc đạo đức trong ba ngày này: để thay thế cái hộp treo ở đầu cây nêu cao dựng ngay ở cửa nhà, như chúng tôi đã nói ở quyển 1, thì chúng tôi khuyên họ đặt cây thánh giá: họ làm theo. Thế là trong khắp phố phường trong kinh thành người ta xem thấy biểu hiện đáng kính của việc cứu rỗi được dựng cao vót quá mái nhà làm cho ma quỷ sợ hãi và các thiên thần vui mừng. Chúa cũng nhận thấy khi vào ngày đầu năm ngài đi qua phố, trong đám rước long trọng đã kể ở trên; thấy thánh giá

cầm cao chót vót thì ngài nói: đây là biểu hiện của giáo dân. Trong ba ngày đầu, chúng tôi đã cho huấn dụ và cho giữ như sau. Ngày mồng một Tết kính công việc tạo thành và gìn giữ (muôn loài), kính dâng Thiên Chúa Cha. Ngày mồng hai, nhận biết ơn cứu chuộc, cao cả khôn sánh, kính dâng Con Thiên Chúa và ngày mồng ba, khiêm tốn cảm tạ Chúa Thánh Linh vì ơn được gọi vào đạo Đức Kitô. Và không ai là không hăm hở làm các việc này, không ai là không vui mừng sung sướng.

Sau đó ít ngày là lễ đức Trinh Nữ Dâng mình vào Đền thánh. Chúng tôi long trọng làm phép nển. Mỗi giáo dân tân tòng đều cầm nến sáng bước vào nhà thờ. Họ làm rất vui vẻ và với những tâm tình sốt sắng. Rồi họ được đem nến về nhà dùng trong trường hợp có người chết để ghi nhớ lại. Họ rất sung sướng. Lương nhân thường sợ không muốn nhắc đến cái chết và không ai dám đọc tên đó ra trước một người quyền quý, vì thế để khỏi làm phật ý, họ phải nói trại đi hoặc nói quanh. Còn giáo dân, ngay cả những người cao sang, họ không còn ngại nghe nói tới cái tên thương làm cho người khác không bằng lòng, họ còn lợi dụng để bọc cách dọn mình chết lành. Họ tin nển làm phép này giúp họ trong giai đoạn tối hậu và nguy hiểm của đời sống, để xua đuổi tướng lãnh tội tằm và địch thù của ơn cứu rỗi.

Tới mùa chay thánh, trong giáo hội Kitô giáo người ta giữ chay rất sốt sắng, còn đối với người Đàng Ngoài thì không khó khăn gì. Chúng tôi biết lương dân giữ chay rất ngặt để tôn sùng tà thần, họ không những kiêng thịt và trứng, lại kiêng cả sữa là thứ không thông dùng ở xứ này, kiêng cả hết các thứ cá, và không phải trong một hay hai tháng mà suốt đời, đến nỗi họ điên dại mê tín tin rằng họ phạm một trọng tội nếu giết một con vật nào hay bắt một con chim nào, vì không phân biệt giữa tội giết một người với giết một con gà. Dầu biết Giáo hội không bắt giữ chay nghiêm khắc như thế song tất cả những người Giáo hội không chuẩn cho, đều giữ rất sốt sắng trong suốt mùa chay. Vào đầu mùa Vọng thì tôi cho họ biết là cũng nhiều người nhiệt tình ăn chay trong mùa này cho tới lễ Sinh Nhật. Vì thế cũng không ít giáo dân nong nân giữ chay.

Theo tục lệ trong Giáo hội, vào cuối mùa chay, chúng tôi làm phép lá. Mà bởi vì trong khắp nước Annam không có cây ôliu, chỉ có rất nhiều cây dừa xanh tốt, nên chúng tôi sử dụng lá dừa trong nghi lễ. Không những có rất nhiều giáo dân mà cả lương dân cũng đến dự nghi lễ làm phép lá. Cả nhà thờ, cả ở ngoài cũng không đủ chứa, mặc dầu có sân rất rộng, thành thử có ít người phải ra ngoài. Giáo dân sốt sắng giữ lá phép và đem về nhà dùng để xua đuổi tà ma và quỷ ám. Trong thời gian thánh này, mọi người đều xưng tội rất sốt sắng, nhưng tất cả không được rước lễ vì thiếu bánh thánh, tất cả bánh chúng tôi lưu trữ đều bị hỏa tai đem đi hết. Không sao nói hết tâm tình thương mến và khóc lóc khi họ đến thờ lạy ảnh thánh giá ngày thứ sáu tuần thánh, nghi lễ này làm cho họ rất động lòng sốt sắng và xót thương.

Chúng tôi không cử hành nghi thức kinh đêm trong tuần thánh vì chúng tôi có ít người giáo dân tân tòng không giúp chúng tôi được việc gì vì không hiểu biết sách (latinh). Để cho họ khỏi bị thiệt thòi, thì chúng tôi đã chia các mẫu nhiệm thương khó làm mười lăm đề tài chính. Cứ sau khi đọc chung mười kinh chuỗi hạt thì ngắt một đoạn và suy niệm một trong mười lăm sự thương khó, sau mỗi lần như thế thì lại tắt một trong mười lăm ngọn nến sáng theo tục lệ trong Giáo hội Rôma. Trong nghi lễ, họ khóc lóc, kêu gào và rên rỉ tỏ lòng mến thương những thống khổ và cái chết Chúa Cứu thế chịu, người lân cận cũng đến nghe. Vì thế phải khuyên họ kiềm chế để làm cho lương dân không còn có phán đoán sai lầm về lòng đạo đức của họ, chính lương dân làm gì có những tâm tình đó. (Lịch sử V ư ơng qu ốc Đàng Ngoài, s Đd, ch. 22)

LỜI KẾT

Thời kỳ Bảo Hộ cách nay đã 350 năm. Nhưng khi xem lại lịch sử truyền giáo đã được thực hiện trong thời này, người đọc không khỏi ngỡ ngàng khi nhìn thấy ở đó những công trình vĩ đại đã được các nhà truyền giáo thực hiện.

Sự vĩ đại bên ngoài là số giáo hữu tăng thêm nhiều, thì ai cũng nhận thấy. Rất nhiều tài liệu đã đề cập đến.

Sự vĩ đại về phương pháp làm việc và quản trị truyền giáo, thì khó thấy hơn, nhưng một số nhà nghiên cứu đã nhận ra. Trong « Lịch Sử truyền giáo ở Việt Nam », linh mục Nguyễn Hồng đã xác nhận rằng : « Nhìn lại hoạt động truyền giáo của các thừa sai dòng Tên trong

50 năm ở xứ Nam (1615-1665) và 37 năm ở xứ Bắc (1626-1663) chúng ta thấy gì? Chúng ta phải công nhận các ngài thực là những người có công đầu trong lịch sử khai nguyên công giáo Việt Nam, những người xây dựng nền móng một giáo hội, nếu so sánh với các giáo hội miền Đông Á lúc đó, như Xiêm, Lào, Cao Miên, Trung Hoa, không kể Nhật Bản đang bị bách hại và đang đi đến chỗ tắt thở, có thể gọi là một giáo hội thịnh vượng nhất miền Đông Á, theo lối gọi của cha Đắc Lộ ». Sau đó, phân tích về « Những lý do thành công », cha Nguyễn Hồng đã nêu ra ba lý do, trong đó, « Lý do chính đưa đến thành công, đó là tinh thần và phương pháp truyền giáo của các cha, mà trong đó, những cha như Đắc Lộ, Majorica, De Pina và Buzomi là những vị tiêu biểu ». (L.M Nguyễn Hồng, Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, Q. I, Sài Gòn, Nxb Hiện Tại, 1959, tr. 263-281).

Sự vĩ đại trong cách sống đạo và truyền đạo của những giáo dân tiên khởi thời Bảo Hộ, đây quả thật là một « hồng ân » Chúa ban, mà ta phải cất cao lời cảm tạ. Các Giám mục trong Hội Đồng Giám Mục Việt Nam chắc hẳn đã nhận ra điều này, khi các ngài nhắc nhở giáo dân « Nhìn lại hành trình lịch sử ấy, chúng ta khám phá ra mẫu nhiệm Giáo Hội, mẫu nhiệm của hạt cải thật bé nhỏ (x. Lc 13,18-19) khi gieo xuống lòng đất, nhưng nhờ đâm rễ sâu trong đức tin nên đã không ngừng lớn lên trong hi vọng và trở thành cây to, phủ bóng mát tình yêu cho hằng triệu con người, trở thành một trong những Giáo hội có số tín hữu đông đảo nhất tại Á Châu. Mẫu nhiệm ấy bắt nguồn từ Thiên Chúa, Đấng đã ban tặng cho ta món quà vô giá là Đức Giêsu Kitô, Con chí ái của Ngài, và đã dùng sức mạnh Thần Khí Ngài, thúc đẩy những bước chân thừa sai ra đi gieo vãi hạt giống Tin Mừng trên quê hương chúng ta. Vì thế, khi nhìn lại lịch sử Giáo Hội địa phương, chúng ta phải cất cao lời cảm tạ: "Hãy tạ ơn Chúa vì Chúa nhân từ, muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương" (Tv 118,1). (Đc Nguyễn Văn Nhơn, Diển văn khai mạc Năm Thánh 2010).

Cách sống đạo và truyền đạo của các giáo dân Việt Nam tiên khởi phải chăng đã là nguồn hứng để Hội Đồng Giám Mục Việt Nam muốn trở về nguồn, để « nhìn tới tương lai trong bối cảnh văn hoá xã hội đang đổi thay của những thập niên đầu thiên niên kỷ III, nhằm vận động cộng đồng Dân Chúa một lòng quyết tâm đáp trả tình thương của Chúa, và làm mới hình ảnh gia đình Giáo Hội tại Việt Nam theo hình mẫu mà Công đồng Vatican II 1965 đã phác hoạ như sau :

Giáo Hội hiệp thông: đào sâu mối hiệp thông giữa cộng đoàn tín hữu với Thiên Chúa trong Đức Kitô nhờ Chúa Thánh Thần, củng cố sự hiệp thông giữa các thành phần Dân Chúa, giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân, trong mỗi Giáo Hội địa phương, hiệp thông giữa các Giáo Hội địa phương với nhau cũng như với Giáo Hội toàn cầu;

Giáo Hội tham gia: mọi thành phần Dân Chúa, giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân, đều có quyền và trách nhiệm tham dự vào mẫu nhiệm, hiệp thông và sứ vụ của Giáo Hội, mỗi thành phần theo đặc sủng của mình;

Giáo Hội vì loài người: quyền bính và sứ vụ của Giáo Hội là quyền và trách nhiệm yêu thương và phục vụ cho sự sống của mọi người anh em đồng bào và đồng loại.

Paris, ngày 17 tháng 12 năm 2009

Trần Văn Cảnh

VỀ MỤC LỤC

THÁNH GIÁ CUỘC ĐỜI ĐỒNG CHIÊM

Đời Sống Tâm Linh # 22

* **Cảm nghiệm:** Hôm nay tôi muốn lên Thiên đàng với Chúa; nhưng tôi lại không muốn vác Thánh giá theo Chúa trong cuộc đời.

- Tôi muốn ngồi ăn đồng bàn với Chúa; nhưng không dám vác Thánh giá để cùng với Chúa chịu chết trên Núi Sọ.

- Tôi theo Chúa đến lúc bẻ bánh; nhưng lại không muốn chịu đau khổ với Chúa khi gặp những thử thách, gian nan.

- Tôi có thể ca hát ngợi khen Chúa khi thành công, nhưng dễ bỏ cuộc khi không chịu nổi khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

- Tôi dễ vui mừng khi gặp những điều may, vừa ý, nhưng rất dễ chán nản khi Chúa lánh mặt chốc lát là những điều không vừa ý.

*** Một phút suy tư:**

- Tôi rất khó chịu khi nghe nói: ***Ai muốn theo tôi, hãy từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo.*** (Lc 9, 23)

- Nhưng còn khó nghe hơn khi ngày tận thế đến: ***"Quân bị nguyên rủa kia, đi đi cho khuất mắt Ta mà vào lửa đời đời..."*** (Mt 25, 41)

- Nếu tôi vui lòng vác Thánh giá, cuộc sống tôi sẽ bình an và vui mừng, vì có Chúa đang đồng hành cùng tôi qua mọi người.

- Ở đâu cũng có Thánh giá, nếu bạn trốn Thánh giá này sẽ gặp Thánh giá khác. Thánh giá là đường để tôi vào Nước Trời từ bây giờ.

- Nếu tôi đóng đinh mình vào Thập giá là chết đi cho tội lỗi mỗi ngày, để tự do sống hoàn toàn cho Chúa, thì Nước Trời ở trong tôi.

- Người Tín hữu không phải chết khi tắt hơi, mà hằng ngày ta hằng chết. Khi ta chết đi cho tội lỗi là ta đang sống cho Đức Chúa Trời.

- Sự chết và sự chết tự động hằng ngày, là mặt trái của sự sống mới đang chiếm hữu toàn thân tôi.

- Đúng vậy, phải có Thánh giá là những ai cả đời mình đã sống cùng chịu đóng đinh và chết với Chúa, thì có Nước Trời ngay hôm nay.

- Thánh giá là sức mạnh của tâm hồn, là phần rỗi đời đời trong Nước Trời. Tất cả nhân đức của tôi đều nằm trong Thánh giá.

- Chính Chúa đã vác Thánh giá đi trước và chết cho tôi, để tôi cũng vui vẻ vác Thánh giá, để chết đi và sống lại với Chúa mỗi ngày.

Danh Ngôn: *Đường đời những lúc gió táp sương sa, đó là những cảnh ngộ để cho ta rèn luyện cải tâm.*
Khuyết Danh

Phó tế: Gioan B. Maria Nguyễn Định / Huyền Đồng

VỀ MỤC LỤC

Bài giảng của Lm. Giuse Phạm Minh Triệu tại nhà thờ Đồng Chiêm Thứ Tư ngày 06.01.2010

Kính thưa quý Cha đồng tế,
Kính thưa quý tu sĩ nam nữ,
Cùng toàn thể anh chị em,

Và chúng tôi cũng có lời chào với tất cả các cán bộ, nhân viên an ninh đã trà trộn chung quanh nhà thờ để cùng với chúng tôi chứng kiến cái biến cố đau thương xảy ra trong ngày hôm nay.

Anh chị em thân mến,

Không phải phụng vụ Hội Thánh hôm nay do chúng ta Mừng Lễ Suy Tôn Thánh Giá. Nhưng mà xét cho cùng thì trong suốt cuộc đời và đức tin người tín hữu thì Thánh Giá Chúa Giêsu Kitô là đời sống, là sự sống, là dấu hiệu, và là hành vi suy tôn từng giây, từng phút, từng hơi thở của chúng ta. Sáng sớm hôm nay, sau khi chúng tôi dâng Thánh Lễ về đến phòng thì nhận được tin rằng chính quyền đã cho hơn 500 lực lượng quân đội, công an, cảnh sát, chó nghiệp vụ đến để bao vây Núi Thờ và đã đập tượng Thánh Giá Chúa xuống, trong đó có anh chị em chúng ta bị đánh trọng thương.

Chúng tôi lúc đó không ai nói điều gì; cũng không ai than trách điều gì. Chúng tôi nhìn lên Thánh Giá mà chúng tôi cảm nghiệm được rằng: *"Lạy Chúa! Mẫu nhiệm cuộc tử nạn của con Chúa không chỉ xảy ra cách đây hơn 2000 năm. Nhưng ngày hôm nay, tại giáo xứ Đồng Chiêm, những người con của Chúa, những người tín hữu của Chúa và chính Chúa đang bị người ta chà đạp, bị người ta đập phá, bị người ta chống đối"*.

Một tiếng sau, có một đài nước ngoài gọi điện phỏng vấn tôi rằng: *"Cha nghĩ thế nào về việc người ta đập tượng Thánh Giá tại Núi Thờ, giáo xứ Đồng Chiêm?"*. Tôi trả lời rằng: *"Điều hợp pháp hay không hợp pháp, không ai để ý đến. Nhưng một tổ chức, một chính quyền nào mà xúc phạm đến biểu tượng tôn giáo thì chính quyền đó đang đi dần vào sự tự sát!"*

Mà quả thực, trong lịch sử dân tộc Việt Nam người ta kể chuyện rằng tại núi Cùg, ngày nay được gọi là công viên ở đường Hoàng Hoa Thám; cuối đời Lý khi mà Lý Long Đình là một ông vua tàn ác, ăn chơi,... đàn áp tôn giáo, cụ thể là Phật Giáo, đã lên Chùa Núi Cùg bắt sư sãi nằm xuống rồi róc mía trên đầu sư sãi. Và quả báo, đó là toàn bộ gần trọn đời nhà Lý bị phân tán, và bị tan cơ sạt nghiệp chỉ vì đã làm những điều thất đức.

Người ta hỏi: *"Thế còn việc đập tượng Thánh Giá thì Cha nghĩ thế nào về hậu quả của nó?"*.

Tôi trả lời: *"Cái điều này không lạ gì với người Công Giáo chúng tôi, là bởi vì đức tin của chúng tôi là đức tin Mẫu Nhiệm Thập Giá, Mẫu Nhiệm Con Thiên Chúa chịu đau khổ mà ngày hôm nay người ta đập tượng Thánh Giá không có gì là ngạc nhiên đối với chúng tôi. Nhưng, chỉ có một điều ngạc nhiên rằng, **cái lưỡi của nhà nước này**, mới Lễ Giáng Sinh vừa qua vào Tòa Giám Mục, và các nhà thờ bắt chân, bắt tay, tặng lẵng hoa chúc mừng, Mừng Chúa Giáng Sinh. Và rồi mấy hôm sau chưa được hơn 10 ngày người ta vác búa đến, lực lượng quân đội, cảnh sát, chó nghiệp vụ đến, rồi mà [...] kích tượng Thánh Giá xuống. Coi như là một sự sỉ nhục vào chính bản thân mình. Chẳng khác nào ngửa mặt lên trời nhổ nước bọt"*.

Điều đó là cái điều khó hiểu đối với chúng ta.

Vậy thì tôi muốn chia sẻ với chúng ta về nội dung chính của Thánh Lễ hôm nay. Đó là chúng ta Suy Tôn Thánh Giá. Tất cả các biến cố xảy ra từ sáng đến giờ và màu trắng khăn tang đội trên đầu ông bà và anh chị em, cũng như là màu máu, màu đỏ của các Cha đồng tế hôm nay nói lên rằng, một lần nữa Chúa lại chết cho thế gian và Chúa đã chọn chính đất của anh chị em Đồng Chiêm ở đây để dâng Thánh Lễ hy tế cứu độ trần gian;.

Để một lần nữa, Chúa cảnh báo những quyền lực của tối tăm và sự dữ là hãy ăn năn sám hối vì tội lỗi các người. Một lần nữa, Chúa lại bị đóng đinh, bị đập phá, bị giết chết. Thật vậy, Thiên Chúa đã yêu thế gian và đã ban con một của Người cho chúng ta, như bài tin mừng chúng ta vừa nghe. Mà con một Thiên Chúa đã không chọn gì khác, không chọn ngai vàng, không chọn đất đai, không chọn địa vị quyền tước. Nhưng con một Thiên Chúa đã chọn chính cây thập giá -- là biểu tượng ô nhục đối với người Hy Lạp và người Do Thái. Chính con Thiên Chúa đã chọn lấy để làm phương tiện cứu độ trần gian.

Trong lời nguyện khi đi dâng Thánh Giá, chúng ta đọc rằng: Thánh Giá là chìa khóa mở cửa Thiên Đàng cho chúng con được vào. Thánh Giá là cờ vua cả toàn thắng dẫn chúng con đến nơi kính quốc. Thánh Giá là tàu cả giúp chúng con vượt qua biển cả.

Vậy thì, ngày hôm nay biểu tượng là Thánh Giá của Chúa bị đập vỡ thì còn đâu là chìa khóa cho chúng ta vào nước Trời nữa hay sao? Có phải là khi họ đập Thánh Giá rồi thì không còn chìa khóa vào nước Trời, không còn cờ chiến thắng nữa, không còn con tàu để cho chúng

ta vượt qua biển đỏ được hay sao? Không. Đối với thế gian họ làm như vậy là một sự sai lầm. Bởi vì nếu Thiên Chúa đã dùng chính thập giá làm biểu tượng của sự chiến thắng thì không có một quyền lực nào từ hỏa ngục có thể đẩy lên để chiến thắng được Mầu Nhiệm Thập Giá Con Thiên Chúa. Hơn 2000 năm nay, Thánh Giá luôn là biểu tượng của tình yêu, của sự hòa giải và tha thứ. Đồng thời, Thánh Giá cũng là biểu tượng của sự hoán cải.

Chắc hẳn quý ông bà và anh chị em đau khổ rất nhiều, thất vọng rất nhiều. Nhưng đối với Đức Tin, chúng ta biết rằng khi mà quyền lực bóng tối đã lợi dụng tối tăm để làm những việc thất đức, bất nhân, bất nghĩa như thế thì chính Thiên Chúa sẽ củng cố Đức Tin của chúng ta. Có thể một thập giá bằng sắt, bằng đá trên Núi Thờ bị hạ xuống nhưng sẽ nảy sinh và làm lớn lên hàng trăm nghìn cây thập giá trong tâm hồn của chúng ta.

Có thể nói rằng, trong số anh chị em ở đây nếu mà chiều Thứ Tư này Cha Sở có về dâng Lễ thì cũng được một hai chục người là cùng. Nhưng mà ngày hôm nay Chúa Giêsu cùng với chúng ta trong Mầu Nhiệm Tử Nạn là biểu tượng Cứu Độ của Chúa bị quyền lực bóng tối đập vỡ, thì Chúa đã mời gọi tất cả chúng ta đông đảo quy tụ về đây và trên đầu để những chiếc khăn tang để nói lên rằng: *"Con yêu mến Mầu Nhiệm Thập Giá của Chúa"*. Và chính sự đau khổ của Chúa trên thập giá một lần nữa mời gọi chúng ta hãy nhìn lại Đức Tin của chúng ta.

Đức Tin của chúng ta không phải là tin vào cây thập giá bằng gỗ và bằng sắt. Nhưng, Đức Tin của chúng ta tin vào cây thập giá mà Con Thiên Chúa đã dùng để Chết và Sống Lại để cứu độ chúng ta. Và cây Thánh Giá của chúng ta là cây Thánh Giá được ghi dấu ấn ngày chúng ta lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội. Chúng ta vẫn chú ý đến cây Thánh Giá đó mới là điều quan trọng. Và làm cho cây Thánh Giá đó sinh hoa kết trái; làm cho cây Thánh Giá trong cuộc đời của chúng ta trở thành chìa khóa, trở thành lá cờ chiến thắng, và trở thành con tàu vượt qua biển cả.

Đó mới là điều mà Giáo Hội muốn ta hướng tới. Chứ không phải là cây Thánh Giá bằng gỗ, bằng xi-măng mà quyền lực bóng tối ngờ nghệch bị lừa. Bởi vì chúng chỉ tin rằng sự sống của chúng là đời này, và hơi thở của chúng là tiền bạc. Trong Thánh Vịnh có câu rằng: *"Kẻ ngu si tự hỏi làm chi có Chúa Trời?"*. Chúng hư đốn không còn biết làm những điều thiện.

Khi mà quyền lực bóng tối đã bao phủ thì chúng không còn cơ hội để nhìn ra ánh sáng. Nhưng chúng ta không chống đối. Chúng ta không cầu nguyện để rồi Chúa làm cho những con người đã đập Thánh Giá của Chúa phải chết một cách bất ứng hoặc là gặp sự khốn khó. Đức Tin Công giáo của chúng ta không cho phép chúng ta làm điều ấy.

Nhưng Đức Tin và Mầu Nhiệm Chúa Kitô Khổ Nạn và Phục Sinh mời gọi những con người đó hãy hoán cải đời sống nội tâm. Những đau khổ Chúa chịu chưa đủ hay sao mà còn chồng chất lên thân thể của Chúa những đau khổ khác. Những con cái của Chúa ngày hôm nay quanh năm lũ lụt chưa đủ hay sao mà còn tàn phá tâm hồn anh chị em nữa.

Tại sao không đi ra biên giới phương Bắc mà đòi hải đảo Hoàng Sa đang bị Trung Quốc mở các tour du lịch, lấn chiếm; rồi... các ngư dân của chúng ta đang bị đánh đập. Tại sao lại đi đàn áp tôn giáo từ Thái Hà, tòa Khâm Sứ, rồi xứ Loan Lý, rồi Tam Tòa,... Không chỉ Công Giáo rồi còn chùa Bát Nhã nữa. Ngày hôm nay đến lượt giáo xứ Đồng Chiêm chúng ta.

Người Việt Nam chúng ta nói rằng, *khôn ngoan đối đáp người ngoài, gà cùng một Mẹ chó hoài đá nhau. Nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng*. Trong khi lũn cùi ngoại bang lại đi đàn áp chính đồng bào của chúng ta. Tại sao phải gieo rắc những khăn tang trắng trên khuôn mặt hiền từ của các bé thơ nơi đồng quê chất phác của chúng ta. Tại sao lại chất những gánh nặng nề đau khổ trên những tâm hồn tháo vác, quanh năm lặn lội. Còn mỗi một Thánh Giá là biểu tượng của niềm hy vọng để vươn lên sống làm người, làm con Chúa, làm công dân tốt, làm một tín hữu tốt mà tại sao còn chà đạp lên cả biểu tượng là niềm hy vọng của chúng ta nữa?

Nếu không phải là một chính quyền thì là một tà quyền, mới làm những điều đó. Bởi vì một chính quyền không bao giờ làm điều thất đức đó. Và không bao giờ làm điều lén lút đó vào đêm tối. Chỉ có lực lượng của ma quỷ, trộm cắp và phường cú vọ thì mới làm những chuyện đó vào đêm tối. Còn con cái của ánh sáng chúng ta làm việc giữa ban ngày để mọi người nhìn thấy việc lành của chúng ta mà ngợi khen Thiên Chúa. Nói như thế là để cho mỗi

người chúng ta cảm ơn Chúa.

Quan điểm cá nhân, Đức Tin của chúng ta là cảm ơn Chúa vì Chúa đã dùng Đồng Chiêm của chúng ta để thực hiện một hy tế. Mặc dù hy tế không đổ máu, nhưng đã làm cho tất cả các tín hữu Đồng Chiêm [...], mà ngày hôm nay trong vòng mấy chục phút mà toàn thể giới đã biết rằng chính quyền cộng sản Việt Nam đã đập biểu tượng Thánh Giá, biểu tượng của Công Giáo trên toàn cõi Việt Nam, và không phải là lần thứ nhất mà nhiều lần khác. Thì những cái bắt tay, những cuộc đi ra nước ngoài gọi là du hành, những cuộc thăm viếng vào dịp Lễ Giáng Sinh, có phải là bàn tay sắt bọc nhung, có phải là củ cà-rốt và cây gậy để rồi xoa dịu cái mưu đồ chính trị không?

Còn nếu đúng là một thiện chí, nếu đúng là một sự thương dân thì không bao giờ đập vỡ biểu tượng niềm hy vọng sự sống của con người quanh năm chân đất, quanh năm đau khổ vì thiên tai còn mỗi một cây Thập Giá trên Núi Thờ là nơi linh thiêng thuộc miền quê yêu dấu thì người ta cũng dập tắt niềm hy vọng của chúng ta. Có phải là một chính quyền hay là một tà quyền? Có phải là những người nghiêm túc hay là phường tội lỗi?

Cho nên, kính thưa quý ông bà cùng toàn thể anh chị em,

Không phải hôm nay chúng ta trút giận lên đầu chính quyền hay người đã thực hiện hành vi đồi bại như thế. Nhưng, chúng ta quy tụ về đây để chúng ta một lần nữa học hỏi về Mẫu Nhiệm Thập Giá, để chúng ta phân biệt đâu là ánh sáng và bóng tối.

Thứ nhất, để chúng ta một lần nữa được củng cố nhờ lời Chúa, củng cố Đức Tin là Chúa Giêsu không chọn vinh quang trần thế. Nhưng Chúa đã chọn Thập Giá -- Mẫu Nhiệm của Sự Đau Khổ -- làm phương tiện để cứu độ chúng ta. Thì đến lượt chúng ta thì chúng ta hãy lấy biển cổ đau thương này như là chìa khóa, như là cờ chiến thắng, như là tàu để vượt qua biển cả để cứu mình và cứu người khác khỏi tội lỗi và khỏi chết muôn đời.

Thứ hai, chúng ta phải thấy rằng Chúa đã chọn Đồng Chiêm của chúng ta để thực hiện những kỳ công vĩ đại này, thì chúng ta phải tự hào mà an ủi lẫn nhau để rồi chúng ta không chỉ trồng một cây Thánh Giá bằng gỗ, bằng xi-măng, bằng sắt trên Núi Thờ, mà chúng ta sẽ trồng, không những trong tâm hồn chúng ta, mà khắp vùng của khu vực này những cây Thánh Giá thiêng liêng và bất tử. Những cây Thánh Giá là tín lý công chính, bình an và yêu thương cùng với sự hòa giải.

Và điều thứ ba, chúng ta không có ý tưởng cầu nguyện cho những người đập phá phải gặp tai bay vạ gió nhưng chúng ta xin Chúa Giêsu một lần nữa -- đã chịu đau khổ vì nhân loại -- ban cho những người đã làm các việc hôm nay xấu xa đó biết ăn năn hối cải, làm cho các nhà chính quyền, những người mà suy nghĩ nhất thời chỉ vì quyền lợi vật chất tiền bạc mà làm những điều xấu xa đó biết ăn năn trở lại, để rồi được ơn cứu độ.

Và quan trọng nhất là mỗi người chúng ta phải rèn giũa Đức Tin của chúng ta qua những biển cổ này để chúng ta trưởng thành hơn, trưởng thành hơn trong sự đau khổ, trưởng thành hơn trong Mẫu Nhiệm Thập Giá của Chúa. Và đó mới chính là con đường mà người Kitô hữu chúng ta phải đi qua. Bởi vì đó chính là con đường mà Giêsu -- Thầy Chí Thánh -- của chúng ta đã đi qua.

Lạy Chúa Giêsu, chúng con đang mang trên đầu những chiếc khăn tang màu trắng không phải chúng con vô tình, nhưng chúng con tin rằng nhờ biển cổ với sự đau thương này, Chúa nhắc nhở tâm hồn mỗi người tín hữu chúng con rằng, chỉ có bước vào con đường Thập Giá, chỉ có tình yêu hy sinh của Thập Giá mới đem lạiƠn Cứu Độ cho con người.

Xin cho chúng con nhận rằng những đau thương mà chúng con chịu trong ngày hôm nay, nếu máu của chúng con đổ ra xuống đất Đồng Chiêm ngày hôm nay sẽ là hạt giống, sẽ là sự bắt đầu của một mùa vụ thu nếu Năm Thánh Sở Kiện vừa qua thật là hoành tráng, thật là sốt sắng trang nghiêm thế nào, thì chúng ta phải biết rằng hàng hai trăm năm trước, máu của các Anh Hùng Tử Đạo cũng đã đổ ra như chúng ta này hôm nay, mà chúng ta tin chắc một điều là như vậy.

Anh chị em có tin vào điều đó không?

CĐ (Cộng đoàn trả lời): Có!

Anh chị em có định xây dựng Thánh Giá trong tâm hồn chúng ta không?

CĐ (Cộng đoàn trả lời): Có!

Anh chị em có cầu nguyện cho những người đó ăn năn sám hối không?

CĐ (Cộng đoàn trả lời): Có!

Đó là con đường của chúng ta. Đó làƠn Cứu Độ của chúng ta. Vậy, lạy Chúa Giêsu, Chúa đã dùng Thánh Giá mà cứu độ trần gian xin ban cho chúng con, và cho kẻ thù chúng con nữa, được ơn ăn năn thống hối, để cùng nhau xây dựng một Giáo Hội, một đất nước an bình để mọi người dân Việt Nam chúng con được hưởng nền thái bình thịnh trị, nhờ Mầu Nhiệm Sự Chết và Sống Lại của Con Một Chúa. Amen.

CĐ: (vỗ tay)

VỀ MỤC LỤC

Thập Giá Buồn

Nỗi buồn của một chiều tím, hoang tàn sau bao lần tội lỗi đóng đinh con người, nỗi buồn của một phận người trĩu nặng nhìn con người đang hò hét đóng đinh Con Thiên Chúa. Nỗi buồn từ xa xưa vẫn nay một kiếp buồn.

Nỗi buồn đóng đinh.

Bao năm đã trôi qua, con người vẫn cứ mãi tiếp diễn đóng đinh nhau, Con Thiên Chúa đã được gỡ xuống, táng xác và đã sống lại, dường như lại tiếp tục lại treo những phận người khác trên gỗ giá ấy. Con người ưa thích bạo tàn và âm mưu đen tối vẫn là kẻ có quyền lực treo con người vô tội trên gỗ giá.

Như xưa, khi tối trời, bọn quan quyền mới đem lính đi bắt Chúa. Vẫn như hôm nay, những khi vào tối trời những tội ác tiếp tục gia tăng tiếp diễn.

Bóng chiều vàng của những buổi chiều hoang đàng, những chiếc xe mắc tiền rong ruổi tìm chỗ ăn chơi trên những con đường tắt bật của bao kẻ nghèo đang lam lũ. Chiều hoàng hôn xuống, thập giá đời không còn ngả bóng dưới ánh mặt trời mà ngả theo bóng những chiếc đèn cao áp của những thác loạn; phận buồn của những con người mang kiếp buồn vì miếng cơm manh áo của mình trở thành kẻ chịu đóng đinh cho những kẻ tiền nhiều chức trọng. Buồn vào đêm của những buổi tang thương, âm mưu của kẻ dữ bùng lên với ngọn lửa tham vọng địa vị, quyền lực dày xéo.

Viết những dòng buồn thập giá sao vẫn thấy nỗi buồn da diết của nỗi buồn năm xưa. Con người vô tội vẫn chịu đóng đinh cách nhục nhã trên thập giá đời với nhiều cách thức. Như chẳng tìm đâu lối thoát, nhọc nhằn của cuộc sống vì vẫn còn nhiều kẻ chỉ mong giữ quyền đóng đinh, trấn áp, tước đoạt người khác. Nỗi buồn của người này làm vui cho kẻ khác, thực tế của thập giá buồn vẫn là như vậy. Kẻ đóng đinh vui mừng với thành tích đóng đinh được bao người vô tội, cướp được bao nhiêu của, vẫn giữ được cái ghế của mình, ngồi nhìn ngắm vui thích người chịu đóng đinh, sỉ vả, lên án, mua vui, thỏa lòng dục đen tối. Con người chịu đóng đinh vẫn buồn, nỗi buồn của thập giá.

Con Thiên Chúa.

Thập giá buồn của chiều ấy im lặng trước bao thách thức, thập giá buồn chiều nay cũng im lặng nhìn bao kẻ vênh váo, dương oai, tự đắc. Sao Chúa im lặng, sao con người chịu đóng đinh vẫn im lặng?

Im lặng để mang lấy sâu chất nặng, tủi buồn của những con người đang gánh nặng cuộc sống với mưu sinh ít ỏi hằng ngày, gánh chịu tật bệnh, oan khiên, đau khổ không thể lên tiếng. Im lặng để thấy nỗi đau tận sâu thẳm không thể rên siết, không thể nói thành tiếng. Im lặng để đủ sức còn ít ỏi để chịu thương đau đến tận cùng của nỗi khổ đau. Im lặng để mang lấy tất cả của nỗi buồn trần gian mang đến. Im lặng của nỗi buồn trĩu nặng của bao nỗi buồn dồn lại. Buồn, thập giá buồn, có lẽ còn dài, có lẽ còn triền miên, có lẽ vẫn hoài day dứt.

Im lặng bởi một điều đơn giản không lấy bạo lực để chống lại bạo lực, không lấy bất công để chống lại bất công, không lấy tham sống để chống lại kẻ tham sống. Con đường của im lặng là còn đường chịu hy sinh nhiều nhất, để lấy tình yêu xóa bỏ hận thù, để lấy tình người sống tình người, để lấy tha thứ làm chất liệu dựng xây hòa bình.

Không có nỗi buồn nào buồn hơn khi nhìn thấy chính anh chị em đồng loại mình ức hiếp, chà đạp nhau. Không gánh sầu nào nặng hơn gánh sầu của người mình yêu thương lên án sát hại chính mình.

Xin Chúa hãy cho thập giá thấy ngày nở hoa hòa bình, con người yêu thương con người, con người tôn trọng sự sống của nhau, cho kẻ đi đóng đinh biết đường trở lại, sống giao hòa; cho người chịu đóng đinh được gỡ xuống khỏi thập giá và được sống lại.

Joshkimt

VỀ MỤC LỤC

BỐ ƠI IM LẶNG MÃI SAO BỐ?

Bố ơi,

Vậy là Bố đã quyết định im lặng khi mọi người trong nhà lên tiếng. Bố đã quyết định âm thầm cắn răng chịu đựng khi chúng con đang đau lòng và buồn khổ vô cùng. Bố ơi, chúng con yêu quý Bố và vì lòng yêu kính đó mà chúng con càng xót xa khi thấy Bố vẫn lặng lẽ một mình, cúi đầu nhẫn nhục.

Chúng con còn nhớ rất rõ ngày chúng con còn bé, Bố dạy dỗ chúng con bằng Lời Chúa. Những ngày đó chúng con hạnh phúc biết bao. Bố nhắc cho chúng con Lời Kinh Thánh: "Hãy nghe Lời Thiên Chúa hơn nghe lời người ta", "Đừng sợ kẻ giết được thân xác các con. Hãy sợ Đấng có thể ném cả xác và hồn vào hỏa ngục". Trên hết, bố nhắc chúng con hãy can đảm sống cho Lời Chúa dù phải chết như các tiền nhân anh hùng tử đạo.

Rồi chúng con lớn lên. Cuộc đời với những gai chông, những thử thách làm chúng con sợ hãi. Nhưng khi nhìn lên Thánh Giá Chúa, chúng con thấy an lòng. Chúng con an lòng cả khi hàng xóm chiếm đoạt của cải nhà mình, chúng con an lòng khi trộm cướp bao vây tứ bề. Bố bảo đừng lo và cũng đừng nói gì cả, sống bình an là tốt nhất. Nhưng rồi cái bình an vì khiếp hãi ấy cũng mau qua, khi mình chẳng còn lại gì thì chúng con cũng vừa lớn đủ để thấy rằng bình an ấy là phù du, hiền lành ấy là nhu nhược và nhẫn nhục ấy chỉ là cơ vấp phạm cho người khác. Lúc ấy chúng con cũng vừa hiểu ra Lời của Chúa Giêsu: "Nước Trời chỉ dành cho người có sức mạnh".

Bố ơi, khi Bố im lặng, chúng con cũng vui vì Bố không phải lo, Bố còn được người khác ưu ái nhiều mặt. Có một điều Bố không biết, đó là khi Bố yên ổn và thoải mái thì Mẹ con bị đánh bầm mặt, bị người ta bêu rếu và bị vu oan giáng họa đủ điều, đến nỗi Mẹ mất ngủ triền miên mà Bố nào có biết. Lời Mẹ nói bị cắt xén, ý tốt của Mẹ bị chê trách. Mẹ còn bị dọa đuổi ra khỏi nhà Bố ạ. Và Bố cũng không biết một điều, nếu con cái của Bố Mẹ phải chọn một trong hai mà theo, chúng con theo Mẹ, tất cả chúng con Bố ạ. Xin Bố tha lỗi.

Rồi có một điều chúng con không chịu đựng nổi nữa. Ấy là người ta đã đập bàn thờ Chúa trong nhà chúng ta. Họ bẻ gãy Thánh Giá Chúa Kytô. Bố vẫn im lặng. Ngày ấy Bố dạy chúng con "Thánh Giá là gia bảo của dòng họ nhà mình. Chọn Thánh Giá hoặc là chết". Cây Thánh

Giá là cây đã chuộc cho muôn dân được rồi, cho kẻ có tội được lòng trông cậy, cho kẻ yếu đuối được nhờ sức mạnh, cho kẻ khốn nạn được sự an lành. Gia đình mình, dòng tộc mình và mọi người đều nhờ cây Thánh Giá mà có được tất cả. Vậy mà Bố ơi, sao Bố cũng lặng im và Bố bảo “chỉ là chuyện đất đai của cái...”? Không, Thánh Giá Chúa không thể là của cái, mà là gia sản thánh thiêng muôn đời.

Con viết cho Bố những dòng này với nước mắt của tất cả anh chị em con nhiều năm chưa một lần Bố nhìn thấy và cũng chẳng ai lau khô được cho đến ngày “Chúa sẽ lau khô nước mắt trên mọi gương mặt”. Nhưng Bố ơi, Bố có quyền nói mà. Bố chỉ cần nói một tiếng thôi, chúng con sẽ được hạnh phúc hơn nhiều. Có thể Bố sẽ gặp chút khó khăn, có thể những buổi gặp gỡ xã giao cười cười nói nói giả hình của hành xóm sẽ bớt đi, nhưng chắc chắn con cái Bố, và Mẹ nữa, sẽ an lòng và nhà ta lại hạnh phúc hơn xưa.

Cùng với những dòng chữ này, con xin dâng lên Chúa lời cầu nguyện cho Bố cho Mẹ và cho cả nhà mình. Cùng với những dòng chữ này, con cúi mình hôn kính Thánh Giá Chúa đang bị chà đạp phạm thánh. Cùng với những dòng chữ này, con gửi Bố muôn vàn nước mắt của anh chị em con.

Gioan Lê Quang Vinh

VỀ MỤC LỤC

“NĂM LINH MỤC” HUẤN LUYỆN GIÁO SĨ TU SĨ VỀ TÍNH DỤC: KHẮC KHỔ VÀ THẦN NHIỆM (ASCETIC AND MYSTIC)

L.M. ĐƯỜNG THI

Như đã trình bày trong bài thảo luận trước, việc Huấn Luyện về Nếp Sống Độc thân, Khiết Tịnh, phải dẫn đến một lý tưởng sống cao siêu, thoát tục để **Kết Nghĩa với Chúa trong đời sống Tâm Linh(Spiritual Life), Thần nhiệm(Mystic Life)** như kinh nghiệm sống của các vị Thần Nhiệm, Thần Bí, chẳng hạn, Thánh nữ Têrêsa Avila, Thành nữ Têrêsa Lisieux, hay Mẹ Têrêsa Calcutta...Vì nếp sống Thần Nhiệm cần phải được thao luyện, lâu ngày lâu năm, cần “*Linh Thao*”(Spiritual Exercises), nghĩa là cần một nếp sống **Khắc Khổ, Tiết Dục**, thì mới mong thành công. Do đó, xin chia làm hai đoạn:

I/. *Cách Sống Khắc Khổ giúp chế ngự ham mê và thăng hoa đời sống con người như thế nào?*

I I/. *Kết Nghĩa với Chúa, trong Đời Sống Tâm Linh, Thần Nhiệm là làm sao?*

Đây là một đề tài vừa trừu tượng, siêu nhiên nhưng lại phong phú vô tận, vì là những kinh nghiệm sống của mọi người, mọi tôn giáo, mọi thời đại. Những Kinh nghiệm của một Nhân Loại luôn khát khao đi tìm về **Cội Nguồn** của mình, như Thánh Âu Cơ Tinh(St. Augustin) đã nhận định một cách sâu xa:” **Trái tim Con Người vẫn còn khắc khoải xao xuyến, cho đến khi được An Tâm trong Chúa**”. Bởi vậy, trong bài này, chỉ xin nêu lên một số Kinh Nghiệm Thao Luyện, mang **tính chất khả thi, thực hành**, không diễn giảng dài về các lý thuyết, hay các Trường phái Tu Đức. Và lại, trong ít trang Điện Báo, chỉ có thể cung cấp một số tài liệu, sách báo, hay giới thiệu tác giả., để thông tin và giúp độc giả sưu tầm thêm.

Trong Lịch Sử Tu Đức của Thiên Chúa Giáo, đặc biệt của Công Giáo, “Trào Lưu các Vị Ẩn Tu”(hermite), hay các Vị Tu Rừng(Desert Fathers), đã xuất hiện từ thế kỷ 2, 3, tại miền Ai Cập. Các vị Tu sĩ đó xa lánh cảnh đời phồn hoa, thị tứ, tìm đến chốn rừng sâu, thanh vắng để sống gần thiên nhiên, chăm chú vào việc chiêm niệm, cầu nguyện và tập tành các nhân đức, đặc biệt cam kết giữ mình đồng trinh. Những Vị Ẩn tu danh tiếng còn lưu truyền như **Thánh An tôn**, hay những mẩu truyện về cách tu luyện nhiệm nhặt lạ thường như “**Ông Simon Cột**”. Trong tiểu sử của **Thánh Lê Bảo Tịnh**, cũng đã thuật lại câu chuyện Ngài đã bỏ Địa sở để trốn lên Rừng Bạch Bát(có thể là vùng Rừng Cúc Phương , ngày nay), sống đời Ẩn

dật. Nhưng khi Bề Trên biết được, thì đã buộc Ngài trở về Nhà Chung Kẻ Vĩnh, và làm Giám đốc Chung Viện ở đấy, cho đến khi bị bắt, rồi chịu chết vì Đạo.

Suốt dòng Lịch Sử Hội Thánh, không thể kể hết những **Trường Phái Tu Đức** như muôn hoa tươi nở trong Vườn Thiêng của Chúa. Về lãnh vực đời sống Tâm linh, Giáo hội thường tôn trọng đường hướng, cách thức tu luyện của cá nhân, chỉ can thiệp khi nghịch lại Truyền Thống hay Giáo Lý của Hội Thánh. Do đó, mãi cho đến ngày nay, ta thấy xuất hiện những Trường Phái Tu Đức lớn như: Thánh Biển Đức(Benedictô), Thánh Đa Minh(Dominicô)/ Thánh Phan Sinh(Franciscô), Thánh Inhã(Ignatiô), Dòng Cát Minh(Carmelites) như Thánh Têrêsa Avila, Thánh Têrêsa Lisieux. Ngoài ra, còn bao la nhiều khuynh hướng đạo đức của các Dòng Nữ, không thể kể hết được.

1./ Huấn Luyện Tu Đức cho các Chủng Sinh trong các Giáo Phận. Hội các Linh Mục Xuân Bích, chuyên chú vào việc Đào tạo các Linh Mục làm việc mục vụ quản trị các Giáo Xứ, trong các Giáo Phận, nên cũng cần một Đường Hướng Tu Đức thích hợp với đời sống hoạt động Tông đồ. Trong nhiều năm, ở nhiều nước trên thế giới, các Chủng Viện Xuân Bích đã dung một tài liệu giáo khoa để giảng dạy Khoa Tu Đức cho các chủng sinh: Sách **"TU ĐỨC HỌC"** do Linh Mục Xuân Bích **Tanqueray** sưu tập, soạn thảo. Sách giáo khoa này đã phiên dịch từ nguyên bản Pháp văn ra nhiều thứ tiếng;(bản dịch Việt ngữ có bán tại Regina Gift Shop, 1900 Grand Ave. Carthage, Mo.64836). Ngày nay, nhất là sau cải cách của Công Đồng Vatican I I, tình hình tôn giáo, xã hội thay đổi, nên phương pháp Huấn Luyện về Tu Đức cho các Linh Mục Giáo phận cũng cần phù hợp với hoàn cảnh mới. Vì thế, **Hội Xuân Bích tại Hoa Kỳ**, đã gia nhập và hợp tác chặt chẽ với tổ chức **"Liên Hội các Dòng Tu Nam"**, để kiện toàn phương pháp huấn luyện Tu Đức, đặc biệt về Huấn Luyện Tính Dục cho các chủng sinh.

Hội các Linh Mục Xuân Bích tại Việt Nam, thuộc Tỉnh Dòng Pháp, đã được các Giám Mục Địa Phận Hà Nội cho phép xây một Chủng Viện tại Liễu Giai, gần Hồ Tây, Hà nội, từ 1930 cho đến 1946, đóng cửa vì chiến tranh. Năm 1950, mở lại với một ban giáo sư mới; di tản vào Vĩnh Long, năm 1954; tạm cư tại Thị Nghè (Sài gòn) từ 1956 đến năm 1962, thì được Đức Giám Mục Giáo Phận Huế mời về cư trú tại Kim Long, bên bờ Sông Hương, cạnh Thành Nội. Ngoài ra, Hội Xuân Bích cũng phụ trách quản trị Chủng viện Thánh Gioan, và Chủng Viện Hòa Bình(banTriết lý)tại Đà nẵng. Sau ngày 30, tháng tư,năm 1975, tất cả các Chủng Viện đều đóng cửa, và chỉ được phép mở lại vào năm 1994 cho đến ngày nay. Trong suốt thời gian hơn 70 năm hoạt động, Hội Xuân Bích Việt nam đã phụ trách đào tạo được một số lớn các Vị trong Giáo Phẩm như: ĐHY Trịnh Văn Căn, Phạm Đình Tụng, các Vị GM như: Nguyễn Huy Mai, Trịnh Chính Trực, Nguyễn Tùng Cương, Lê Văn Trọng, Phạm Tần, Nguyễn Văn Dụ, Nguyễn Sơn Lâm, Nguyễn Bình Tĩnh, Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Quang Tuyền, Nguyễn Văn Hoan...Và một số đông các Vị Linh Mục danh tiếng như Cao Văn Luận, Lê văn Lý, Nguyễn Văn Vinh,..Và hàng mấy ngàn các Linh Mục cho các Giáo Phận từ bắc chí nam.

2./ Hội Xuân Bích đã theo đường hướng hay phương pháp Tu Đức, Linh Đạo nào? Khi Đại Chủng Viện Xuân Bích tại Giáo Phận Hà Nội được mở lại vào năm 1950, vị Giám đốc và ban giáo sư mới đảm trách, thay thế ban Giám đốc cũ. Do đó, đường hướng giáo dục và Linh Đạo cũng cải tiến theo sự canh tân của Giáo Hội. Một đặc điểm nổi bật là khởi sự tuyển chọn một số Linh Mục Việt Nam bổ sung vào Ban Giám đốc, và Giáo sư. Cha Giám Đốc **Pierre Gastine**, (đã sang Việt Nam từ 1930), đảm nhận chức Giám đốc từ 1951 đến 1970. Ngài thông thạo Hán văn và Việt văn, có thể viết và giảng khoa Triết Lý bằng Việt Ngữ. Ngài đã "nhập tịch" vào làng nước Việt và đổi sang tên Việt là **Phêrô Bùi Đức Tín**. Ngài đã có công lớn lao về việc đào tạo các Linh Mục Việt nam, thế hệ 1950-1975. Nét nổi bật trong chiều hướng Tu Đức Linh Đạo cho các chủng sinh là Cha Bùi Đức Tín đã từng liên hệ mật thiết với các bạn học cũ như Cha Guillaume, cựu Bề Trên của Dòng các "Tiểu Đệ Chúa Giê su"(Petit Frères de Jésus)do **Chân Phước Charles De Foucauld** sáng lập(1858-1916). Tôn chỉ của Dòng là:"*Chúa Giêsu là Tình Yêu*"(Jésus est Caritas). Các Anh Tiểu Đệ, các Chị Tiểu Muội nêu gương khó nghèo, kết hiệp với Chúa và hòa mình với mọi người để sống thông cảm, yêu thương.

Một Linh Mục Xuân Bích, **Cha Khổng tiến Xuân**, (quốc tịch Pháp)đã từng làm giáo sư dạy tâm lý học tại Chủng Viện Xuân Bích, Ngài đã gia nhập Dòng các Tiểu Đệ Chúa Giêsu, và hiện nay đang hoạt động truyền giáo ở Đại Hàn. Ngoài ra, Anh Tiểu Đệ hay lui tới thăm viếng Chủng Viện Xuân Bích là L.M Nguyễn Kim Điền, sau này làm Giám Mục Cần Thơ, và TGM Giáo Phận Huế. Anh Tiểu Đệ này, cũng đã nêu gương sáng về nhân đức khó nghèo, hy sinh tính mạng vì bốn phận, và hòa hợp với nếp sống của giới lao động.

Hàng năm, Ngày Giỗ Tổ, 21 Tháng Mười Một, Lễ Đức Mẹ Maria Dâng Mình trong Đền Thánh, các Cử Chuộng Sinh Chuộng Viện Xuân Bích khắp nơi trong nước, thường tập hợp để hâm nóng lại đời sống tận hiến cho Chúa, theo gương Đức Mẹ Maria. Có thể nhận xét: *Lớp Giáo sĩ, Tu sĩ do Hội Các Linh Mục Xuân Bích đào tạo, sống đơn sơ, (không quan liêu), để hòa hợp với giới lao động, bình dân, và hăng hái hoạt động mục vụ, truyền giáo.*

I. SỐNG KHẮC KHỔ TRONG NẾP SỐNG KHIẾT TỊNH

Như đã trình bày ở trên, sống nếp sống Khiết Tịnh, không phải là một sự nghịch lý, bệnh hoạn, hay không thể thực hiện được. Trái lại, như gương sáng và kinh nghiệm rất phong phú của các vị Giáo Sĩ Tu Sĩ minh chứng, nếp sống siêu nhiên này cùng vớiƠn Trên phù giúp, có thể hoàn thành được, miễn là người tu sĩ tự do chấp nhận nếp sống “anh hùng” ấy, bằng cách sống KHẮC KHỔ, chay tịnh, để tiết dục, và chú trọng vào việc chiêm niệm, Kết Nghĩa với Chúa, gọi là **THẦN NHIỆM**. Tu Thân bằng nếp sống Khắc Khổ, chay tịnh, thì có rất nhiều phương pháp khác nhau tùy theo Trường phái Linh Đạo của các Dòng Tu như Linh Đạo của Thánh Biển Đức, Thánh Phan Sinh, Thánh Inhã, Thánh Têrêsa Avila, v.v. Sau đây, xin nêu ra một vài phương cách phổ thông, những lời khuyên răn, chỉ giáo giúp các chủng sinh thực tập trong nếp sống Khắc Khổ, chế ngự thân xác để tiến lên từng bậc thang Thánh thiện, Toàn hảo (Perfection).

1/ Tính chất “Khả Thi” của nếp sống Độc Thân, Khiết Tịnh

Ngày nay, vì thiếu những thanh thiếu niên tự nguyện dấn thân gia nhập các Chủng Viện và các Dòng Tu Nam Nữ, vì gương xấu của một số giáo sĩ lạm dụng tính dục đối với trẻ em, nên một số tín hữu lầm tưởng rằng: chính nếp sống độc thân quá khắc khổ, “phi nhân bản”(inhuman), đã là nguyên do gây ra cuộc khủng hoảng. Do đó, họ đề nghị Tòa Thánh cho phép “các Linh mục được lấy vợ, thì sẽ có nhiều người đi tu làm linh mục”. Nhưng gần đây, Tòa Thánh đã nhất quyết duy trì nếp sống độc thân, khiết tịnh của các Linh Mục trong Hội Thánh Công Giáo Rôma. Nếp sống độc thân, tuy là một Lý tưởng cao cả, khó khăn, phi thường, nhưng không phải là điều nghịch lý, trái với bản tính con người. Trong xã hội, dân chúng vẫn cảm phục những vị anh hùng ái quốc, hy sinh đời sống gia đình, “thê nhi”, để được thành thoi lo việc cứu nước; những nhà khoa học tận tụy suốt đời cho việc nghiên cứu, cứu nhân độ thế. Trong văn chương, thi ca, tuy là giả tưởng, “lý tưởng”, nhưng không phải vô thực, như những truyện tình ái lâm ly giữa “Lan và Điệp”, hay mối tình cao thượng giữa “Anh Gù Nhà Thờ Đức Bà Paris, và nàng Du Ca”(Victor Hugo). Hàng ngày, ta có thể chứng kiến những vị chân tu trong các tôn giáo như Mẹ Têrêsa Calcutta, ĐGH Gioan Phao Lô I I, 22 vị Thừa sai Công giáo bị giết chết trong năm 2005, hy sinh nếp sống gia đình để thực hiện lòng Mến Chúa, Yêu Người. Các Ngài sống hạnh phúc, vui vẻ, và điều hòa, quân bình. Trong tâm trạng của người dân Việt, đã gọi là một vị chân tu “xuất gia tu hành” mà còn vương vấn cảnh “thê nhi” tùm lum, là không đứng đắn, không nghiêm chỉnh. Do đó, các Linh Mục, các tín hữu Việt Nam không đặt ra vấn nạn phi lý này trong một xã hội vật chất dâm loạn, tỷ lệ ly dị lên tới 50%. Có gì bảo đảm các “Linh Mục lấy vợ” sẽ trung thành với bà xã suốt đời chăng? Trên cõi đời này, nhiều điều tưởng khó xảy ra, nhưng đã xuất hiện trước mắt chúng ta. Chẳng hạn, tại Trung Tâm thương mại “Little Saigon”, Phước -Lộc- Thọ, Bolsa, Santa Ana, trong cảnh phồn hoa, nhộn nhịp, ăn nhậu, mỗi ngày khách du lịch thường thấy tận mắt một thanh niên, một vị khất sĩ, chừng trên 20 tuổi, vận áo vàng, đầu trọc, đứng ngoài nắng, ngay cửa ra vào, để xin bố thí, khất thực.

2/ Nếp sống chay tịnh, đơn sơ, giản dị, vận động, tập thể dục mỗi ngày

Con người có Xác và Hồn, liên hệ mật thiết với nhau. Do đó, từ xưa tới nay, trong mọi Trường phái Tu đức, đều tìm cách chế ngự thân xác để việc “tu tâm dưỡng tánh” được dễ dàng tiến lên đời sống tinh thần, siêu thoát. Lịch sử các Dòng Khổ Tu Công Giáo như *Châu Sơn (Ninh Bình), Phước Sơn, Phước Lý*.. vẫn thực hành những cách thể “**hãm dẹp xác thịt**” như ăn chay, **đánh tội**(dùng giây thắt lưng quất vào lưng), kiêng thịt, kiêng rượu và lao động chân tay, hay trí thức. Nhờ ăn chay trường với thức ăn đạm bạc, nhưng nhiều chất dinh dưỡng như đậu phụ, dưa chua, canh rau...mà nghị lực dồi dào, thân xác khoẻ mạnh, cân đối, nhờ chơi thể thao, thể dục, bớt phì nộn, béo mập. Ngoài ra, người tu hành cũng tránh ăn mặc sa hoa, nhà lầu, xe hơi, tiện nghi đồ dùng đắt tiền. Ngày nay, khách hành hương vẫn còn chứng giám những gian phòng nhỏ hẹp, tấm phản gỗ dùng làm giường nằm, tại các Thí điểm truyền giáo của các vị Thừa sai tiên khởi như Chân Phước Junipero Sierra, (Mt Carmel, California). Cũng vì ăn uống “cao lương mỹ vị”, tiệc tùng, cùng với tâm trạng cô đơn, nên một

số giáo sĩ, tu sĩ đã rơi vào cạm bẫy của nghiện rượu. Do say sưa, không còn kiểm soát được dục tính, nên đã dùng bạo lực để hãm hiếp.

3/Ba Lời Khấn : "Khiết Tịnh, Khó Nghèo, Vâng Phục"Ràng Buộc, Hố Trợ nhau

Theo kinh nghiệm Tu Thân của các Dòng Tu, ba lời khấn hứa, hay cam kết: **Khiết tịnh, Khó nghèo, Vâng phục, là phương pháp Khắc Khổ cao quý nhất** để giúp người tu sĩ được Tự Do, thành thới tiến lên bậc Thiện Toàn. Bộ Ba Nhân Đức này cấu kết lại để diệt tính cái **"giả Ngã"**(false-Self), tức tính vị kỷ, "yêu mình", tự cao, tự đại, kiêu ngạo, ham sung sướng, giàu sang, quyền cao chức trọng. Điều quan trọng là phải hiểu biết ý nghĩa **TÍCH CỰC** của Ba Nhân Đức này.

*Không lấy vợ , lấy chồng để làm gì? Có phải sợ gánh nặng gia đình chăng? Có phải để được yên thân, yên phận? Đời sống Tân Hiến, khiết Tịnh có tiêu diệt "Tình Yêu" không? Trái lại, một tu sĩ Tân Hiến, vì muốn noi gương Thầy Chí Thánh, tình nguyện, tự do sống độc thân vì Nước Trời, để có thể luôn sẵn sàng phục vụ và Yêu thương giúp đỡ mọi người, giàu nghèo, sang hèn.. Tình **BÁC ÁI** luôn mở rộng và bao quát mọi người.con Chúa.*

Thế nào là sống "khó nghèo" một cách tích cực? Người tu sĩ Tân Hiến không khinh chê việc mở mang kinh tế, giúp cho nước giàu dân mạnh. Nhưng sống đơn giản, "hàng ngày dùng đủ", luôn biết dùng tiền bạc ("như đầy tớ") để làm việc Thiện, giúp đỡ người túng thiếu, bần cùng trong xã hội, thời đại nào cũng đầy rẫy..

*Vâng Lời có phải là làm mất phẩm giá con người không? Vâng lời, vâng phục lệnh của cấp trên chỉ vì **LỢI ÍCH CHUNG** của Hội Thánh, của Hội Dòng hay Giáo Phận mà mình đang phục vụ. Vâng Lời theo nghĩa Tích cực là **PHỤC THIỆN**, nghe theo Lẽ Phải của người già người trẻ, không độc tài, cố chấp, kiêu ngạo.*

*Nhưng kinh nghiệm tu đức cũng cho thấy: ba tính xấu, quen gọi là **"BA THÙ"** nghịch với ba Nhân Đức kể trên, luôn cấu kết, và chuyển biến cho nhau, dưới nhiều hình thức. Một tu sĩ sống nghiêm ngặt về Khiết tịnh, nhưng để bù lại, lại khó tính khó nết, ham tiền, ham quyền. Nhiều tiền, dễ :mua dâm", nhiều quyền dễ "cưỡng hiếp". Nhiều khi, cá nhân tu sĩ thì không có của riêng, nhưng cơ sở chung của Dòng quá lớn lao, nguy nga, đồ sộ, thật "khó mà nghèo" được! Do đó, cần phải đề phòng để tiêu diệt cả ba nết xấu, luôn biến thể dưới nhiều hình thức. Trong văn hóa, văn chương Việt Nam, nhà thơ trào phúng Tú Xương(?)đã khéo bộc lộ tâm lý éo le của lòng ham muốn vị kỷ như sau:*

Một trà, một rượu, một đàn bà,

Ba cái lằng nhằng nó quấy ta.

Chừa được món nào, hay món ấy,

Có chăng chừa rượu với chừa trà.

Thầy Giảng già, làm thơ, "nhái lại" như sau:

Một Tiền, Một Quyền, một "Liền Bà"

Mưu chước Ba thù, căm dỗ ta.

Trừ được thứ nào, vui thứ nấy,

Nên chẳng phải trừ tất cả Ba.

4/ Tính Dục và văn thơ "Hài" trong Văn Hóa Việt Nam

Triết gia Henri Bergson, thuộc Trường phái Triết học "Trực Giác"(Intuition).(Theo học giả Trần Trọng Kim, các vị hiền triết Á đông, như Việt Nam, cũng thường dùng Trực Giác, để tìm ra Chân Lý). Ông Bergson đã xuất bản cuốn sách nổi tiếng:"**Le Rire**"(Cái Cười) để bàn luận về ý nghĩa của hài kịch, chuyện tiểu lâm, pha trò: bản chất của Cười là gì? tại sao Cười? cách dàn dựng vở hài kịch như thế nào? Sau khi khảo cứu những tác phẩm, và tác giả nổi tiếng về hài hước như Molière.., ông Bergson đã định nghĩa : **cái Cười có Xã hội tính**(Le Rire est social). Ở đây, ý nghĩa tiếng Cười, không hẳn là "vui mừng, ngợi khen", nhưng là"**CHÊ CƯỜI**". Tại sao, tự nhiên ta bật cười khi thấy anh nghiện rượu, chân thấp chân cao, đi lẹo xẹo, ngả nghiêng, hoặc chế nhạo khi gặp cảnh:" *Bây giờ chồng thấp vợ cao, Như đôi*

đũa lệch, so sao cho bằng!"...Lý do, tự nhiên ta bật cười, vì cảm thấy nó "khác đời", không bình thường như mọi người vẫn thấy vẫn làm, nghĩa là nó "trật ra bên lề xã hội, thói quen"; do đó, ta dùng tiếng Cười để chê cười, nhạo cười, để bắt phải trở về với thói quen, với tập quán trong xã hội. Bị làng xóm chê cười vì lối sống khác lạ, lệch lạc, mất quân bình, thái quá. Áp dụng phương pháp của Henri Bergson để khảo sát văn chương, nghệ thuật của Việt Nam, ta nhận thấy tính chất **HÀI** rất sâu đậm trong những câu ca dao tục ngữ, câu Hò, câu Đố(đố tục, giàng thanh, đố thanh giàng tục), những chuyện *Tiểu lâm*, *Trạng Quỳnh*, *Trạng Lợn*..và loại thơ phú "Hồ Xuân Hương", *Ba Giai Tú Xuất*, *Tú Xương*, *Tú Mỡ*..Và ngày nay, những ban "hài"như *Vân Sơn*, *Tam ca*, *Hoài linh*, *Hồng Đào*, *Quanh Minh*..(trong các CD của Thúy Nga, Asia..) được các gia đình ưa thích thưởng thức. Nhận xét chung, văn hóa và tinh thần người dân Việt vẫn còn quân bình, không lệch lạc, không "LỖ BỊCH"(grotesque) đối với nhu cầu "Tính dục"(Sex)của con người. Trong khi "cách mạng Tính dục"(sex revolution) đề cao quá mức, tô điểm bộ phận sinh dục, kêu gọi, kích thích dục tính cuồng dâm của văn minh tiêu thụ, thì dân "Hài" Việt được dịp đem ra chế diễu những cái "Lỗ bịch", thái quá về "Sex", để giúp người đời trở về với lương tri, với Xã Hội lành mạnh. Bởi vậy, văn chương Hài Hước, châm biếm của tinh thần Âm-Dương Điều hòa của Văn Hóa Việt, đã đóng góp vào việc tìm hiểu giá trị cao quý thật của Tính Dục, và đả phá, chê cười những thói rơm, khiêu dâm, làm rối loạn tâm thần. Người không biết xấu hổ, tức người "**vô liêm sỉ**" là người nguy hiểm đối với xã hội.

Nói tóm lại, theo sinh lý, con người và loài cầm thú rất giống nhau trong "hành vi tính dục"(sexual act). Nếu có khác nhau, chỉ vì con người, "*linh ư vạn vật*", ban cho hành vi đó một ý nghĩa đặc biệt cao quý là biểu lộ **tình Yêu Mến, lòng Chung Thủy, và nghĩa Vợ-Chồng**.

5/ Người Lính Đào

Trong tập sách *Tự Thuật của Thánh Têrêsa thành Lisieux*, có đoạn tả tâm trạng của người "lính đào ngũ"(le soldat deserté). Mới 16 tuổi, Têrêsa đã được phép vào sống trong Dòng Kín tại Lisieux. Sống chung với các chị đã ngoài 70, 80 tuổi, rất khó tính khó nết, không làm sao mà chiều chuộng cho nổi được. Một chị già nua bệnh tật, có ác cảm, luôn trách móc, bắt bẻ Têrêsa về những chuyện lật vặt, không đâu. Nhưng vì lòng Bác ái, Têrêsa luôn nhin nhục, không cãi lại. Chịu đựng một thời gian khá lâu, mỗi lần có việc phải gặp, là lại sinh chuyện la rầy, làm tâm thần Têrêsa thêm mệt mỏi, căng thẳng vì sức chịu đựng đã kiệt quệ. Một lần, vì nén cơn tức giận, Têrêsa, rung động, không bước đi được, phải ngồi lại trên bậc cầu thang để nghỉ. Vì sức yếu đuối của con người, để khỏi phải tranh cãi, giận dữ, đối đầu với chị già khó tính, Têrêsa đã nghĩ ra mưu kế của "người Lính Đào", là chạy trốn chị ấy, để bảo toàn lòng bác ái, tha thứ.

Trong đường Tu Đức cũng như trong phép "Bình Thư, Chiến Thuật", cần phải biết lượng sức mình và sức quân địch, thì mới mong thắng trận được. Nếu sức quân mình yếu, khó có thể thắng, thì nên rút lui để bảo toàn lực lượng, chờ dịp khác sẽ tấn công. Vì thế, có câu:"**Tam thập lục kế, đào vi thượng sách**"(**trong 36 kế, chạy trốn là kế hoạch tốt nhất**).

Câu chuyện người Lính Đào, cũng chính là lời cầu nguyện: "**Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ**", hay "**tránh xa dịp tội**". Kinh nghiệm cho thấy: các giáo sĩ tu sĩ sa ngã về "sex", vì coi thường sức cám dỗ của **luật "Âm-Dương"**, (vợ-chồng). Về vấn đề"tránh xa dịp tội" của các tu sĩ, cần sự cộng tác của gia đình cha mẹ, anh chị em, bà con thân quyến, các tín hữu, bạn bè, **nhất là nữ giới để ngăn ngừa, và đề phòng những "dịp tội"**.

Sau đây xin trích mấy lời khuyên thực tế giúp tránh xa mưu chước của "Ba Thù":

"Xét theo quá trình trong gia đình, phần đông các giáo sĩ xuất thân từ những gia đình khiếm tốn trong xã hội, tính tham lam và hà tiện sẽ làm chai lòng dạ của linh mục trước ân sủng của Thiên Chúa và nổi bất hạnh của người khác.

Ngày nay giáo sĩ cởi mở hơn đối với xã hội, vì thế họ có nhiều cơ hội tiếp xúc với nữ giới. Khuyênh hướng đeo đuổi một cuộc sống thanh thản và tiện nghi cũng đẩy đưa đến việc kiếm tìm sự giải trí và hoan lạc, nhất là khi họ có một khái niệm mơ hồ đến những đòi hỏi của đức khiết tịnh. Đó là tại sao ngày nay các linh mục đi theo phụ nữ ra bãi biển hay đi cắm trại thật là không hiếm.

Một số linh mục coi việc làm bạn với nữ giới là một chuyện bình thường. Đối với vài linh mục, hình ảnh khỏa thân và tài liệu dâm ô không còn coi là điều cấm. Giáo dân và ngay cả linh mục dường như không còn ác cảm tới các linh mục có con riêng và vẫn còn thi hành chức linh mục. Tạ ơn Chúa, hầu hết các linh mục Việt Nam vẫn sống theo nhân đức khiết tịnh”

(Trích Thông Tấn Xã Á Châu, Nov/09/2002, Bài Phỏng Vấn **ĐGM Nguyễn Bình Tĩnh, Cựu Giám Đốc CHUNG VIỆN XUÂN BÍCH, HUẾ**)

II. ĐỜI SỐNG THẦN NHIỆM, KẾT NGHĨA VỚI CHÚA

Đời sống Thần Nhiệm(Mystic), Thần Bí, Kết nghĩa với Chúa mới thật sự là tuyệt đỉnh của nếp sống Độc thân, Khiết tịnh. Con người không thể sống hoàn toàn cô đơn, cô thể được. Con người có khả năng “thăng hoa” đời sống dục tính tự nhiên lên nếp sống tâm linh, “Thần nhiệm”, Kết nghĩa với Đấng Thiêng Liêng cao cả. Đây cũng là kinh nghiệm vẫn tìm thấy trong các Tôn Giáo lớn như Phật giáo, như LM Thomas Merton (và các Linh Mục thuộc Dòng Biển Đức , tại Tu Viện Giết-sê-ma-ni(Kentucky)) đã viết trong sách: *“Mystic and Zen Masters”*. Sau đây, là mấy phương thể thực hành do các vị thần bí thường dùng để nuôi dưỡng đời sống Tâm linh.

1/Tính Chất”Bí-Tích” Trong Thiên Chúa Giáo

Trong Công Giáo, các tín hữu bắt buộc phải học biết ý nghĩa thiêng liêng của **“Bảy Phép Bí Tích”** trước khi được lãnh nhận như: Bí tích Thánh Tẩy(Rửa tội), Thêm Sức, Xưng tội, Rước Lễ, Hôn phối, Truyền chức, và Sức dầu bệnh nhân. Theo Giáo lý, mỗi **BÍ-TÍCH** đều có hai phần: **Tích** là Dấu Tích, hữu hình, chỉ thể chất ngũ quan có thể cảm nhận được(trong nguyên tự chữ Nho, chữ Tích vẽ hình một vết bàn chân); và **Bí** là Bí Mật, vô hình, chỉ những thực tại thiêng liêng, làƠn Thánh. Người tín hữu Thiên chúa giáo, đặc biệt người Công giáo, ngay khi còn nhỏ, đã được huấn luyện về tính chất Bí-Tích(Sacramentality), trong đời sống Đức tin, Phụng vụ. Tinh thần “Bí -Tích” này còn bao trùm lên ý nghĩa thiêng liêng của các hiện tượng thiên nhiên, và xã hội, nhân sinh. Chẳng hạn, người Công giáo tin rằng: Nhìn vũ trụ bao la, muôn muôn triệu tinh tú, vạn vật vận chuyển ĐIỀU HÒA, thì liền nhận biết có MỘT Đấng THIÊNG LIÊNG điều khiển. Người theo Đạo Công Giáo cũng được đào luyện một tinh thần trung hòa trong lý luận, cân đối, không thái quá không bất cập. Sách Giáo lý dạy rằng: Con người có :*Xác- Hồn, Vật chất-Tinh thần, Thiên đàng-Hỏa ngục, Tự nhiên-Siêu nhiên, Cá nhân-Xã hội...* Những cặp **“Song Trùng”**(hay Đạo Hai)này biểu lộ một tinh thần quân bình, điều hòa trong nhận thức và cách tiếp cận với thế giới bên ngoài. Triết Lý Âm-Dương Điều hòa của Văn hóa Việt Nam cũng giúp ta hiểu biết, và quen thuộc với ý niệm về “Bí -Tích” trong Đạo Công Giáo. Trong Bí-Tích Rửa tội(Baptism), nước lã, dầu thánh, lời đọc là phần **Hữu Hình**, đồng thời ám chỉ, biểu trưng cho thực tại **Vô-Hình, chính làƠn Nghĩa tử với Chúa** tẩy sạch mọi tội lỗi, và banƠn Chúa Thánh Thần để tăng cường đời sống tâm linh, và bảo đảm cho người lãnh Bí-TíchƠn Trường Sinh, Vĩnh Phước.

2/Tình Yêu Tự Nhiên và Tình Yêu Siêu Nhiên

Ngay trong lãnh vực **TÌNH ÁI**, Kinh Thánh và Thần Học Công Giáo cũng nhìn nhận *những thực tại tự nhiên, vật chất làm biểu tượng ám chỉ những thực tại thiêng liêng vô hình*: Do đó, Kinh Thánh Cựu Ước so sánh Tình ái của Vợ-Chồng với Tình Thương của Giê-sê đối với dân Do thái. Các tiên tri đã sánh ví tội bất trung của dân Do thái đối với vị Chúa Tể như tội bội tín của một người vợ ngoại tình. Thánh Tông Đồ Paulô đã viết, và so sánh tình yêu Vợ-Chồng như Tình Thương của Chúa Cứu Thế đối với Hội Thánh.

Như đã định nghĩa:con người là một *“nhân vị có tính dục”*(a sexual Person), nhưng con người cũng có khả năng “thăng hoa” đời sống tính dục tự nhiên lên nếp sống Siêu Nhiên, để hoàn toàn dâng hiến bản thân phụng sự Chúa và tha nhân. Bởi vậy, nếu một tu sĩ thiếu Tình Yêu siêu nhiên, Kết Nghĩa với Chúa, thì đời sống tự nhiên trở nên cô đơn, cô độc, cô thân, cô thể, vất vưởng, vì thiếu nơi nương náu. Do đó, theo kinh nghiệm Tu Đức của các vị Thánh nhân, để khỏa lấp vào nỗi trống rỗng của tâm hồn, hàng triệu triệu tu sĩ đã chạy đến nhờ bàn tay Từ ái của **MẸ MARIA nâng đỡ, phù trì**, trên bước đường gian lao, và HY SINH vác Thánh Giá, theo Chân Thầy Chí Thánh để cộng tác vào công cuộc cứu chuộc nhân loại. Ngoài ra, gương sáng về Nhân Đức Trinh Khiết của Thánh Cả Giuse, các Thánh Nam Nữ , của các vị Thừa sai Truyền Giáo, (hơn 20 vị bị giết chết năm 2005), vì đem Tin Mừng của Chúa đến những nơi hẻo lánh, nguy hiểm, cũng đem lại nguồn an ủi lớn lao, và khích lệ cho những người trẻ đang tập sự trong nếp sống độc thân, khiết tịnh. Tuy bề ngoài, vị chân tu cũng ăn

uống, nghỉ ngơi, làm việc sinh sống như mọi người khác, nhưng đời sống Nội Tâm, và Ý nghĩa cuộc đời thì khác. Thánh Phao Lô, nhà "Đại-thần-bí" đã diễn tả cuộc sống siêu nhiên đó là **"Chúa Sống trong Tôi"**

3/ Suy Niệm và Bí –Tích Thánh Thể

Để nuôi dưỡng nếp sống khiết tịnh, độc thân, các Trường phái Tu đức của các Dòng Tu Công Giáo (như Thánh Bénédictô, Thánh Ignatiô..) đã đặt ra nhiều Phương Pháp Suy Niệm(Meditation) để thực hành, nhưng mọi cách thể đều cùng chung một chủ đích là huy động toàn thân con người, các giác quan, nhất là tập trung tư tưởng, tình cảm và ý chí muốn KẾT HIỆP cùng Chúa Cứu Thế là cứu cánh của đời tận hiến. Suy Niệm cũng là một hình thức Cầu Nguyện, nhưng đặc biệt dùng Lý trí, để tìm hiểu và nghiền ngẫm những Chân Lý đã được mạc khải trong Kinh Thánh.

Theo kinh nghiệm của các vị Thánh Nhân, như Đức Cố Giáo Hoàng Gioan Phao Lô I I, việc cầu nguyện, và suy niệm trước Thánh Thể là cách thể tốt nhất để tăng cường sức mạnh thiêng liêng, để chống lại cơn cám dỗ trong nếp sống độc thân, cô đơn và được Chúa an ủi khi tâm trí hoàn toàn kết hiệp với Chúa đang hiện diện. Kinh nghiệm trong các tuần Tĩnh Huấn của Phong Trào Cursillo cũng minh chứng một hiện tượng tâm linh khác thường. Trong phòng tối, các khóa sinh quỳ cầu nguyện, và bộc lộ tâm sự với Chúa Giêsu hiện diện trong Thánh Thể, thì hầu hết mọi người đều tuôn trào nước mắt vì quá xúc động, vì Tình Liên kết mật thiết với Thầy Chí Thánh. Do đó, Dòng "Anh Em Tiểu Đệ" hay "Tiểu Muội" do Chân Phước Charles de Foucauld sáng lập đã coi việc chầu Thánh Thể, trong sự im lặng vắng lặng, hoặc dưới túp lều tranh tả tơi, nóng bức, là nguồn sinh khí ban thần lực cho các tâm hồn khiêm nhu, nghèo khó, khiết tịnh.

4/ Suy Niệm và cuộc đời "Phù Vân"

Suy niệm về cuộc đời **"Phù Vân"**(mây trôi nổi, chóng qua mau hết), cũng là một nhận xét sâu xa về giá trị thật của đời người, và là một phương thể Tu Thân khá hiệu nghiệm. Cho đời là "Bể khổ", là "Vô thường", biến đổi luôn, chẳng có gì là "thường hằng bất biến", có thể bị người đời phê phán là bi quan, yếm thế, trốn tránh cuộc đời. Nhưng theo quan niệm tu đức của Thánh Kinh, của Thánh Phao Lô Tông đồ, thì là một nhận định thật tế, khôn ngoan, và lạc quan, yêu đời.

Trong các Sách dạy về Tu Đức, cuốn sách "GƯƠNG CHÚA GIÊSU"(Imitation of Jesus Christ, thường gọi là:Sách Gương Phúc) mở đầu bằng những lời khuyên như sau:

" Mọi sự đều giả dối, trừ ra yêu mến và làm tôi một mình Chúa mà thôi!"

Đây là một châm ngôn và nguyên tắc để giảng nghĩa Sách Thánh như Sách GIẢNG VIÊN(Ecclesiastes), Các Thánh Vịnh (Psalms), Thư của Thánh Phao Lô Tông Đồ. Thật vậy, mọi sự trên đời là mau qua mau hết, nhưng con người không bi quan như câu nói:"chết là hết", hay"chó chết, hết chuyện". Đây chỉ là mối tuyệt vọng của kẻ vô tín ngưỡng. Trái lại, niềm TIN bất biến vào Một Đấng Hằng Có, Vĩnh Cửu, Trường Tồn, khiến ta càng lạc quan làm việc lành, phước thiện để lập công nghiệp, để được sống trường sinh, vĩnh phúc. Đây cũng là phương thức suy luận điều hòa, quân bình, trong tư tưởng triết lý của Thiên Chúa Giáo.

- Trong Sách **"GIẢNG VIÊN"**:(Đoạn 12, và Kết Luận, câu:8-13):

" Giả trá, phù vân, mọi sự đều là giả trá"(câu 8)..

"Hãy Kính sợ Chúa, và tuân giữ Lễ Luật của Chúa, vì đây là tài sản của con người, Chúa sẽ xét xử mọi việc làm, mọi việc thầm kín, tốt hay xấu(Câu: 13-14)

- **THÁNH VỊNH**(Psalms). Đây là 150 Ca Vịnh, có thể nói là những Thánh Thi được dùng trong Phụng vụ các Giờ Kinh, được các Giáo sĩ, Tu sĩ đọc hằng ngày, hằng giờ. Ý THƠ và lời văn của mỗi Thánh Vịnh luôn nhắc nhở người tu sĩ độc thân nhận định một cách sáng suốt về sự ***mong manh, hư nát của thân thể***, và vui thú trần gian, cùng với lòng trung thành, kiên tâm tin tưởng và yêu mến Chúa. Bởi vậy, một tu sĩ độc thân bỏ đọc Thánh Vịnh mỗi ngày, hay đọc một cách máy móc, thiếu cảm nghiệm, thì khó mà sống đời Khiết tịnh một cách vui tươi, hứng khởi, lạc quan được.

- **THÁNH PHAO LÔ**, đã viết :(1 Cor .7,29-31): **"Thời giờ vẫn vơi; còn có cách là**

những ai có vợ, hãy ở như không có; những ai than khóc, hãy ăn ở như không khóc; những kẻ hân hoan, hãy ăn ở như không hân hoan; những người mua sắm hãy ăn ở như không có gì; những ai dùng sự đời này, hãy ăn ở như không tận hưởng, vì chúng bộ mặt thế gian này đang qua đi."

TẠM KẾT: TU ĐỨC của HỘI XUÂN BÍCH

Tu đức được giảng dạy và huấn luyện trong các Chủng Viện do Hội các Linh Mục Xuân Bích quản trị, thuộc "Trường Phái Tu Đức Pháp quốc"(French School of Spirituality, với các vị như Thánh John Eudes, Thánh Vincent de Paul, Cardinal Bérulle, Thánh J.B de la Salle, Jean Jacques Olier...) Chủ đích là huấn luyện cho các Linh Mục, Giáo sĩ " **đời sống nội tâm**"(interior life) và " **tinh thần tông đồ, truyền giáo**"(apostolic spirit). Cha Jean Jacques Olier, vị Sáng lập Hội các Linh Mục Xuân Bích đã viết:

"Chủng Viện Xuân Bích.. đã thánh hiến và tận hiến mình để Tôn Thờ Chúa Giêsu Kytô là Vị Thượng Tế và là Vị Tông Đồ cao cả của Chúa Cha; và Tôn Kính Ngài đang sống động trong Hội Thánh(Phẩm trật Hội Thánh). Hằng ngày, Chủng Viện Xuân Bích cầu nguyện cho mình và cho toàn thể Hội Thánh được tinh thần tông đồ, để đổi mới nơi chính mình Tình Yêu của Chúa Giêsu Kytô, và thái độ Tôn Thờ của Người đối với Đức Chúa Cha; đặc biệt, **cầu nguyện cho hàng Giáo sĩ có tinh thần tông đồ, vì các vị này là nguồn mạch sự thánh thiện, để các ngài phân phát cho giáo dân**"(Divers écrits, I, 67)

Qua bản văn trên, có thể tóm lược: Sứ Mệnh(Mission) của Chủng viện Xuân Bích là canh tân tình yêu mến của Giêsu Kytô trong Hội Thánh, qua việc canh tân lòng đạo đức của các Giáo sĩ Địa phận. Do đó, các Linh Mục, Giáo sĩ phải là MÔ PHẠM, GƯƠNG MẪU cho đời sống của các Tín Hữu. Cũng vì những lý do kể trên, Các Chủng Viện Xuân Bích đặc biệt quan tâm về những tội phạm về "**Lạm dụng tính dục đối với trẻ em**", vì vi phạm nhân phẩm của nạn nhân, hơn nữa, vì mâu thuẫn với niềm **TIN NƠI CHÚA GIÊSU**, là cùng đích của đời Sống Tận Hiến, Khiết Tịnh.

VỀ MỤC LỤC

TAI SAO GIÁO HỘI CỦA CHÚA KITÔ LÀ DUY NHẤT, THÁNH THIỆN CÔNG GIÁO VÀ TÔNG TRUYỀN ?

Hỏi: xin cha giải thích : Những người chỉ trích Giáo Hội nêu lý do là trong Kinh Thánh không tìm đâu ra những từ ngữ như: duy nhất ,thánh thiện , công giáo và tông truyền. Vậy từ đâu Giáo Hội Công Giáo có những đặc tính trên đây ? và nếu không gia nhập Giáo Hội Công Giáo thì có được cứu rỗi không?

Trả lời: Các giáo phái ngoài Công Giáo từ xưa đến nay vẫn thường chỉ trích Giáo Hội Công Giáo là thiếu nền tảng Kinh Thánh nên đã phạm nhiều lầm lỗi. Sở dĩ thế vì họ - các nhóm Tin Lành nói chung- chỉ tin có Kinh Thánh (sola scriptura) nhưng họ cắt nghĩa Kinh Thánh theo cách đọc và hiểu của riêng họ nên mới đả kích Giáo Hội như vậy. Thật ra, Giáo Hội Công Giáo không những có Kinh Thánh mà còn có thêm những nguồn suối chân lý khác như Mặc khải (revelatio) Thánh Truyền (Traditio) và Quyền Giáo Huấn (Magisterium) là những nền tảng mà các giáo hội ngoài Công Giáo không có và cũng không nhìn nhận giá trị. Vì thế, ta không ngạc nhiên khi có sự khác biệt lớn lao giữa Công Giáo và các giáo phái về nhiều lãnh vực của đức tin. Liên quan đến bản chất và sứ mệnh của Giáo Hội, thì sau đây là những lý do để trả lời câu hỏi nêu ra:

I. Trong Kinh Tin Kính của Công Đồng Nicene đọc ngày Chúa Nhật và các ngày lễ trọng, Giáo hội tuyên xưng " **có Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền**".

1- Giáo Hội duy nhất :

Giáo Hội là duy nhất vì Chúa Kitô chỉ thiết lập Giáo Hội này một lần trên nền tảng các tông đồ mà Phêrô là Đá Tảng :

" Anh là Phêrô, nghĩa là Tảng Đá, trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và quyền lực tử thần Sẽ không thắng nổi." (Mt 16:18)

Như thế, Giáo Hội là duy nhất vì bắt nguồn từ "**Khuôn mẫu tối cao và nguyên lý của mẫu nhiệm này nằm trong Ba Ngôi của một Thiên Chúa duy nhất là Cha và Con trong Thánh Thần**" (UR 2, SGLGHCG, số 813).

Nói khác đi, Giáo Hội là duy nhất vì Đấng sáng lập là Chúa Kitô cũng là Thiên Chúa duy nhất cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần trong một Thiên Chúa có chung một bản thể và uy quyền. như nhau. Như thế đặc tính **duy nhất** của Giáo Hội thể hiện mẫu nhiệm duy nhất của một Thiên Chúa có Ba Ngôi Vị

Tính chất độc nhất này của Giáo hội đã được Thánh Công Đồng Vatican II minh xác như sau: "**Đó là Giáo Hội độc nhất của Chúa Kitô mà chúng ta tuyên xưng trong Kinh Tin Kính là duy nhất. thánh thiện, công giáo và tông truyền. Sau khi phục sinh, Đấng cứu chuộc chúng ta đã trao phó cho Phêrô chấn dặt Giáo Hội đó.(Ga 21:17). Người phó thác cho Phêrô cũng như cho các Tông Đồ khác truyền bá , cai quản (Mt 28:18)...Như một xã hội được thiết lập qui củ trên trần gian, Giáo Hội ấy "tồn tại trong Giáo Hội Công Giáo" do Đấng kế vị Phêrô và các Giám Mục hiệp thông với ngài điều khiển...(x. Lumen Gentium, số 8)**

2- Giáo Hội Thánh Thiện:

Giáo Hội thánh thiện vì Chúa Kitô , Đấng sáng lập và là Đầu của Giáo Hội được tuyên xưng là

"Đấng Thánh suy nhất " cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, đã yêu thương Giáo Hội như hiền thể của mình.. vì thế Giáo Hội là Dân thánh của Thiên Chúa và các thành viên của Giáo Hội được gọi là "**các thánh**" (SGLGHCG số 823)

Tuy nhiên, do bản chất loài người đã bị băng hoại vì tội nguyên tổ, cho nên các thành viên lớn nhỏ của Giáo Hội chưa hoàn toàn là "**các thánh**" như tước hiệu được ban cho. Nghĩa là Giáo Hội vẫn bao gồm những người có tội đang cần sám hối để xin Chúa tha thứ và thánh hóa hầu xứng đáng là " Dân thánh của Người" trong Giáo Hội có bản chất thánh thiện vì Chúa Kitô, Đầu của Giáo Hội là Đấng Thánh, trọn lành.

3- Giáo Hội là công giáo (catholic=universal) đặc tính này bắt nguồn từ chính Chúa Kitô, Đấng sáng lập Giáo Hội, qua hai sự kiện cụ thể được ghi lại trong Kinh Thánh Tân Ước như sau:

a-Trước hết, sau khi giáng sinh ở Bethlehem, Chúa đã tỏ mình cho dân ngoại qua ánh sao lạ mời gọi và dẫn đường cho ba chiêm tinh gia cũng quen gọi là Ba Vua, từ phương Đông đến thờ lạy Người. (Mt 2: 1-12)Sự kiện này cho thấy rõ tính phổ quát (universality) củaƠn Cứu Độ mà Chúa mang đến không phải chỉ dành riêng cho một dân tộc nào, - kể cả dân Do Thái, vốn là Dân riêng của Thiên Chúa,- mà dành cho hết mọi dân tộc , thuộc mọi ngôn ngữ và văn hóa..

b- Thứ đến, trước khi về Trời, Chúa Kitô đã truyền cho các môn đệ mệnh lệnh sau đây: "**anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần..**" (Mt 28:19).

Trước hết, đây là lời Chúa mời gọi mọi người không phân biệt màu da, tiếng nói , chủng tộc nhận biết Chúa và lãnh ơn cứu chuộc của Người ,vì "**Thiên Chúa, Đấng cứu độ chúng ta muốn cho mọi người được cứu độ và nhân biết chân lý.**" (1Tm 2: 4).Đây cũng là lệnh truyền của Chúa Giêsu trước hết cho các Tông Đồ và các người kế vị trong Giáo Hội từ thời sơ khai cho đến ngày nay và cho đến ngày mãn thời gian, phải đi khắp nơi để rao giảng Phúc Âm cho muôn dân để mời gọi họ đón nhận Tin Mừng hầu được cứu rỗi như lòng Chúa mong muốn..

Thêm một lần nữa, đây chính là nét phổ quát của Ơn Cứu Độ mời gọi hết mọi dân tộc không phân biệt màu da , tiếng nói và văn hóa đón nhận để được sống hạnh phúc trường sinh trên Nước Trời.

Chúa đã thiết lập Giáo Hội như phương tiện hữu hiệu nhất để chuyên chởƠn Cứu Độ của Người đến cho những ai có thiện chí muốn đón nhận. Và phép Rửa là cửa ngõ đi vào Giáo Hội này.

Chính vì nét **phổ quát này của Ơn Cứu Độ mà Giáo Hội của Chúa được gọi là Công Giáo** (Catholicam, Catholic, Catholique.= Universal) vì mục đích mời gọi hết mọi người gia nhập để trở thành Dân Thiên Chúa và hầu nhận lãnh Ơn Cứu Chuộc của Chúa Kitô

Hơn nữa, Giáo Hội là Công Giáo vì có Chúa Kitô hiện diện trong Giáo Hội này : **"đâu có Chúa Kitô thì đâu có Giáo Hội Công Giáo"** theo lời dạy của Thánh Ignatiô thành Antiokia (Sđd, số 795 (830). Người không những hiện diện mà còn là **Đầu** của Giáo Hội như Thánh Phaolô đã dạy như sau:

"Người (Chúa Kitô) cũng là Đầu của thân thể; nghĩa là Đầu của Hội Thánh.." (Cl 1:18; Ep 4: 15)

Tóm lại, Giáo Hội là Công Giáo vì được Chúa Kitô thiết lập và sai đi rao giảng Tin Mừng cho muôn dân trên khắp địa cầu cho đến thời viên mãn. Cũng vì đặc tính phổ quát này mà Giáo Hội có bản chất truyền giáo (missionary, evangelical) trong sứ mệnh của mình..

Sau hết , cũng cần nói lại ở đây một lần nữa là từ ngữ **"Công Giáo"** ở đây hoàn toàn không có nghĩa là **"công cộng=public"** như có người, vì kém hiểu biết, đã tự chế và dịch sai ra Anh ngữ như trên nhằm mục đích đả phá Giáo Hội, vì cho là Công Giáo muốn trở thành Quốc Giáo nên mới tự xưng là **"Đạo cộng cộng=Public Religion"**, một từ ngữ không hề có trong Tự điển các Tôn Giáo trên thế giới..

4- Giáo Hội Tông Truyền (Apostolic): Giáo Hội là Tông Truyền vì được Chúa Kitô thiết lập trên nền tảng các Tông Đồ mà Phêrô là **"Đá Tảng"** (Mt 16:18; Ep 2:20; Cv 21:14). Chúa đã sai các Tông Đồ đi loan báo Tin Mừng Cứu Độ của Người cho mọi dân tộc, tức là cho các ông được tham gia vào Sứ Vụ rao giảng và Cứu độ của Chúa cùng mục đích như Chúa Cha đã sai Người đến trần gian:

"Như Chúa Cha đã sai Thầy

Thí Thầy cũng sai anh em " (Ga 20:21)

Như vậy các Tông Đồ đã nhận lãnh trực tiếp từ Chúa Giêsu sứ mệnh cai quản Giáo Hội để tiếp tục Sứ Vụ rao giảng và cứu độ của Chúa cho đến ngày cánh chung. Các Tông Đồ đã chọn những người kế vị các ngài là các Giám mục được tuyển chọn và truyền chức thánh qua việc đặt tay (1 Tm 4: 14; 5: 22; 2Tm 1:6) để tiếp tục sứ vụ của các ngài trong việc cai quản , dạy dỗ và thánh hóa Dân Chúa trong Giáo Hội , với sự cộng tác và vâng phục của các linh mục và phó tế, là những cộng sự viên đặc lực của các Giám mục.(Lumen Gentium số 20). Các Giám mục cũng vâng phục và hiệp thông trọn vẹn với Đức Thánh Cha là người kế vị Thánh Phêrô, Tông Đồ cả mà Chúa Kitô đã đặt lên để **"chấn dặt các chiên con và chiên mẹ của Thầy."** (Ga 21: 15-17). Đức Thánh Cha cũng là Giám mục Rôma và là Thủ Lãnh Giáo Hội Công Giáo hoàn vũ (Universal Catholic Church). Hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo hoàn vũ là các Giáo Hội Công Giáo địa phương (Local Church) hay còn gọi là các Giáo Phận (Diocese) do một Giám Mục chính tòa (Ordinary) cai quản.

Đó là tất cả ý nghĩa của đặc tính tông truyền của Giáo Hội Công Giáo. Các giáo phái ngoài Công Giáo -trừ Chính Thống Giáo- thiếu đặc tính quan trọng này nên không thể có các bí tích Thánh Thể, Hòa giải, Thêm sức, và Sức dầu hữu hiệu (valid) được vì họ không có Bí Tích truyền Chức Thánh (Holy Orders) mà Chúa Giêsu đã thiết lập trong Bữa Tiệc Ly để nhờ đó các thừa tác viên loài người là linh mục và Giám mục được chia sẻ Chức Linh Mục đời đời của Chúa Kitô, Thầy Cả Thượng Phẩm theo phẩm trật Men-ki-xê-đê" (Dt 5:10). Nhờ được chia sẻ Chức Linh Mục này mà Giáo Hội tiếp tục dâng Hy tế đền tội của Chúa Kitô trên bàn thờ mỗi ngày khi các thừa tác viên có chức linh mục là Giám mục và linh mục.cử hành Thánh Lễ TạƠn (The Eucharist)

II- Về câu hỏi thứ hai : nếu không gia nhập Giáo Hội Công Giáo thì có được cứu

rồi hay không, xin được phân biệt 2 điều quan trọng sau đây:

1-Thứ nhất, đối với những người không vì lỗi của họ mà không biết Chúa Kitô và Giáo Hội Công Giáo là Giáo Hội thật được Chúa thiết lập làm phương tiện hữu hiệu để ban ơn cứu chuộc, thì họ vẫn có thể được cứu độ theo lời dạy sau đây của Giáo Hội:

" Đúng thế, những người không do lỗi của mình mà không biết đến Phúc Âm của Chúa Kitô và Giáo Hội của Ngài, nhưng thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa và nhờ ơn sủng của Người mà hành động để làm trọn thánh ý của Chúa theo như lương tâm của họ mặc khải cho họ và truyền dạy họ , thì họ có thể đạt tới ơn cứu độ muôn đời. " (SGLGHC số 847, LG 16)

Nói rõ hơn, trước khi Đạo Công Giáo được các thừa sai tây phương đem sang rao giảng ở Việt Nam vào cuối thế kỷ 16, thì tổ tiên chúng ta không có cách nào biết được Chúa Kitô và Phúc Âm của Người. Nhưng đó hoàn toàn không phải là lỗi của cha ông chúng ta vì không có ai rao giảng hay nói cho biết thì làm sao các ngài biết được. Tuy nhiên, nếu các ngài sống theo tiếng nói của lương tâm mình để làm điều lành tránh sự dữ, sự tội thì Chúa vẫn có thể cứu họ dù cho họ không được chịu phép rửa và gia nhập Giáo Hội của Chúa Kitô.

2- Ngược lại, "những người đã biết Chúa, biết Giáo Hội của Chúa là Giáo Hội thật , là phương tiện cứu rỗi cần thiết mà vẫn không muốn gia nhập, hoặc đã gia nhập qua Phép Rửa nhưng lại không kiên trì sống đức tin trong Giáo Hội này thì không thể được cứu rỗi." (Sđd, số 846)

Nói khác đi, những ai đã được rửa tội và sống trong Giáo Hội Công Giáo rồi , nhưng vì một lý do bất mãn nào đó mà rời bỏ Giáo Hội để gia nhập một giáo phái khác, hoặc chối bỏ đức tin Công Giáo để sống như người vô thần, thì

"không thể được cứu độ" như Giáo Hội dạy trên đây.

Nhưng cũng cần giải thích thêm là tuy việc gia nhập Giáo Hội qua phép Rửa là cần thiết cho sự cứu rỗi , nhưng gia nhập không thôi chưa đủ, cũng như được rửa tội rồi cũng chưa chắc chung cuộc sẽ được cứu rỗi , trừ các trẻ em nhỏ mới sinh hoặc chưa đủ trí khôn biết lành biết dữ đã chết sau khi được rửa tội. Đối với những người đã có đủ trí khôn..thì gia nhập Giáo Hội không giống như có Passport và xin được Visa là chắc chắn được du lịch đến quốc gia nào đòi phải có Visa nhập cảnh. Được rửa tội và gia nhập Giáo Hội mới chỉ là bước đầu cần thiết cho một tiến trình dài để lớn lên trong đức tin và sống đức tin ấy qua nhiều thử thách của đời sống Kitô hữu giữa trần gian.

Muốn được cứu độ, thì trước hết phải có đức tin vì " không có đức tin thì không thể đẹp lòng Thiên Chúa, vì ai đến gần Thiên Chúa thì phải tin là có Thiên Chúa và tin Người là Đấng ban phát phần thưởng cho những ai tìm kiếm Người." (Dt 11:6)

Nhưng đức tin phải đi kèm với hành động cụ thể nói lên niềm tin ấy , nếu không thì **"đó là đức tin chết"** như Thánh Gia-cô-bê Tông Đồ dạy. (Gc 2:17.).

Thật vậy, đức tin phải được thể hiện cụ thể bằng đức mến. Nghĩa là tin có Chúa thì phải yêu mến Người, cố gắng sống theo đường lối của Chúa, cụ thể là thực thi mọi giới răn của Người như Chúa Giêsu đã dạy các Tông Đồ xưa :

" Ai yêu mến Thầy ,thì sẽ giữ lời Thầy

Cha của Thầy sẽ yêu mến người ấy

Cha của Thầy và Thầy sẽ đến ở với người ấy.(Ga 14:23)

Giữ lời Thầy có nghĩa là thực hành hai giới luật quan trọng nhất là mến Chúa và yêu người như Chúa Giêsu đã trả lời cho một kinh sư kia .(Mc 12:28-31)

Thực thi những giới răn của Chúa là chứng minh cách cụ thể đức tin và lòng mến Chúa thực sự của mình. Nếu không sẽ chỉ là người Công giáo có tên (Nominal Catholics) chứ không phải là người tín hữu thực hành (practicing faithfuls). Và nếu chỉ là người tín hữu có tên thì việc gia nhập Giáo Hội và lãnh phép rửa sẽ chẳng giúp ích gì cho phần rỗi của ai, vì thiếu thiện chí cộng tác với ơn thánh để được cứu rỗi. Nói rõ hơn, được rửa tội và gia nhập Giáo

Hội rồi , nhưng nếu không thi hành những cam kết (baptismal promises) khi lãnh bí tích này là tin và yêu mến Chúa hết lòng đi kèm với quyết tâm xa lánh mọi tội lỗi và sự dữ thì ơn phép rửa cũng trở nên vô ích mà thôi.

Thật vậy, Chúa là tình thương và giàu lòng tha thứ. Công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô có giá trị tuyệt đối. Nhưng nếu ta không cộng tác với thiện chí muốn được cứu rỗi thể hiện qua nỗ lực chê ghét tội lỗi và quyết tâm sống theo đường lối của Chúa như Giáo Hội dạy thì Chúa không thể cứu ai được, căn cứ vào chính lời Chúa Giêsu phán dạy sau đây:

“ Không phải bất cứ ai thưa với Thầy : Lạy Chúa , lạy Chúa là được vào Nước Trời cả đâu. Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy, Đấng ngự trên trời, mới được vào mà thôi.”(Mt 7:21)

Đó là tất cả những gì người tín hữu chúng ta cần biết dựa trên giáo lý, tín lý và Kinh Thánh của Giáo Hội để giúp chúng ta thêm yêu mến Giáo Hội và vững tin để sống và thực hành đức tin trong Giáo Hội là con Tàu đưa chúng ta đến bến bờ hạnh phúc, nhờ lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa và công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Kitô được ban phát dồi dào cho chúng ta qua sứ vụ của Giáo Hội là Thân Thể nhiệm mầu của Người ở trần gian.

Ước mong những giải thích này thỏa mãn các câu hỏi được đặt ra.

Lm. Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huấn.

VỀ MỤC LỤC

MỘT LỄ GIÁNG SINH TUYỆT VỜI NƠI XỨ TRUYỀN GIÁO

Tiếng nhạc “Gloria in excelsis Deo” trỗi lên làm cho bầu không khí đêm Giáng Sinh từng bừng sống động, khiến mọi người cảm thấy hân hoan, phấn khởi, và ấm lòng cho dầu bên ngoài thánh đường đang là một bầu không khí lạnh lẽo của đêm đông lạnh giá. Sau nghi thức xông hương thánh tượng Hải Nhi, đoàn rước bắt đầu tiến vào nhà thờ. Đi đầu là hương và Thánh Giá. Tiếp đến là 6 em bé trong bộ trang phục các bé Mục Đồng trông thật duyên dáng và dễ thương. Chính những bộ mặt đơn sơ, ngơ ngác, hồn nhiên, và thánh thiện đó đã mang lại cho mọi người một niềm vui nhẹ nhàng, thanh thoát của ngày Sinh Nhật Con Thiên Chúa. Những “cô cậu bé mục đồng tí hon” này chính là lớp giáo lý Mầm Non từ 3 đến 5 tuổi. Cả giáo xứ gom lại chỉ vòn vẹn được 6 em. Năm trước, các em làm thiên thần. Năm nay cô phụ trách lớp giáo lý này muốn thay đổi để các em vui, nên cho làm Mục Đồng. Lớp giáo lý Ấu Nhi từ 6 đến 8 tuổi thì giúp lễ. Lớp này được 7 em rất sốt sắng phục vụ bàn thánh. Lớp Thiếu Nhi từ 9 đến 13 tuổi gồm 6 em. Lớp này ngoài việc học giáo lý, các em còn học thổi sáo. Đây là một đội sáo hùng hồn, phụ họa cho ca đoàn rất nhiều và đã tạo cho những buổi phụng vụ một bầu không khí thật sốt sắng và phấn khởi. Như mọi cuộc rước khác, đêm nay Ca Đoàn và Ban Sáo cũng được xếp đi ở giữa để giúp mọi người dùng lời ca tiếng hát tôn thờ Thiên Chúa. Cuối cùng là đoàn giúp lễ, chủ tế, và kiệu.

Sau cuộc rước là thánh lễ đêm Giáng Sinh. Thánh lễ đã được cử hành trong bầu khí thật trang nghiêm và sốt sắng nhờ sự tập dợt và chuẩn bị chu đáo của ca đoàn, ban sáo, và nhất là Vũ Điệu dâng lễ rất đặc sắc của 2 lớp giáo lý Mầm Non và Ấu Nhi. Vũ khúc này chúng tôi lấy lại từ buổi lễ khai mạc năm thánh Phao Lồ năm ngoái cũng được tổ chức tại nhà thờ thánh Phao Lồ của giáo xứ chúng tôi. Tôi còn nhớ rõ rằng: rất có thể đây là lần đầu tiên mọi người được nhìn thấy một bầu không khí và một màu sắc lạ thường trong buổi phụng vụ là các em Mầm Non phụ trách Vũ Điệu Dâng Lễ. Với những nét mặt xinh xinh, thơ ngây, và dễ thương, cùng với những cử điệu đơn sơ, hồn nhiên, và thánh thiện hòa lẫn với hương trầm và điệu nhạc du dương đã tạo được một bầu không khí linh thiêng, sốt sắng, và cảm động khác thường, khiến cho người người dẫu tâm hồn có chai đá cũng cảm thấy con tim dạt dào rung động đến rướm lệ, để rồi đã để lại cho họ một kỷ niệm khó quên mà nhiều người đã chia sẻ: “Suốt cuộc đời 80 năm qua, chưa bao giờ chúng tôi được tham dự một thánh lễ cảm thấy sốt sắng, linh thiêng, và cảm động như vậy.” Và thật vậy, sau thánh lễ thì 2 đức cha và một số

linh mục đồng tế đến hỏi nhỏ như để khích lệ chúng tôi rằng: làm sao có được những vũ điệu, khúc nhạc, và bầu khí linh thiêng, tuyệt vời như vậy.

Đặc điểm ở đây không phải là phần trình diễn vì phụng vụ không phải là trình diễn nghệ thuật. Hơn nữa, ở các xứ truyền giáo, giáo xứ không có nhiều người. Mỗi giáo xứ trung bình đi lễ ngày Chúa Nhật có khoảng từ 70 đến 80 người và hầu hết là những cụ già và con nít, vì những người trẻ thường lên đô thị hay những thành phố lớn để học hành hoặc làm ăn. Chính vì thế, chúng tôi phải cố gắng tận dụng những gì chúng tôi đang có và chúng tôi tận tâm làm việc. Chúng tôi làm với tất cả tấm lòng, tất cả con tim để phục vụ Thiên Chúa và con người. Không có người lớn, chúng tôi nhờ đến những trẻ thơ. Chính sự hồn nhiên, ngây thơ thánh thiện, và vẻ đẹp đơn sơ của chúng có thể đánh động được lòng người, có thể khiến những tâm hồn chai đá cũng biết rung động để lòng mình chấp cánh bay cao và tiếp cận với Thiên Chúa, và đó chính là ý nghĩa của phụng vụ.

Thánh lễ có được bầu khí tương bừng trọng thể cũng là nhờ sự góp phần của ca đoàn Lão Thành và phần phụ họa của Ban Sáo do các em giáo lý Thiếu Nhi phụ trách. Đây là một ca đoàn rất đặc biệt của giáo xứ chúng tôi. Nó được thành lập bởi "hội người già và hội quân binh Đức Mẹ," gồm tất cả 25 người mà hầu hết giọng ca của họ là giọng khàn khàn và giọng trầm thấp. May mắn, trong số họ còn có một vài cô giáo về hưu có trình độ âm nhạc nên họ có thể điều khiển ca đoàn và phụ trách mỗi bè. Tuy sức khoẻ đã về chiều, hơi thở ngắn, và giọng ca khàn, nhưng ca đoàn vẫn hát rất hăng say, hát hết mình. Có những lúc, bài hát cao quá, họ không thể lên nổi, họ tự động xuống giọng, hoặc nếu thấp quá họ lại tự động lên giọng để hát được thoải mái, và trong sự thoải mái đó họ đã dùng hết sức mình, hết tinh thần, và cùng với sự dạt dào của con tim, họ đã hát tận lực để mang lại cho người khác một bầu khí phấn khởi, tương bừng, và thánh thiện của ngày đại lễ. Chính nhờ tinh thần hăng say và con tim sốt sắng đó, họ đã chuyển cho những người tham dự giờng điện sốt nóng của họ, khiến mọi người đều cảm thấy sốt sắng và thánh thiêng của những buổi phụng vụ. Và muốn được như vậy, họ cần phải có sự chuẩn bị tinh thần. Chính sự chuẩn bị những yếu tố tâm lý tinh thần, tuy đơn sơ nhưng cần được chuẩn bị đầy đủ, đã khiến tâm hồn họ dễ dàng chấp cánh bay cao và cảm thấy phấn chí một khi đã vào cuộc.

Đối với chúng tôi, trong cuộc sống liên hệ giữa người với người, cũng như trong tương quan giữa người với Thiên Chúa, chúng tôi không chú trọng nhiều đến khả năng hoặc lý trí, vì chúng tôi không có nhiều khả năng hoặc kiến thức, nên chúng tôi chú trọng nhiều đến con tim, đến tình cảm con người. Chúng tôi dùng con tim, chúng tôi dùng tâm tình để phục vụ, và chúng tôi phục vụ tận tâm, chúng tôi phục vụ hết mình. Nhờ thế, chúng tôi đã phục vụ không biết mệt mỏi và không một ai mở miệng than phiền. Những người được chúng tôi phục vụ cũng nhìn thấy được tấm lòng của chúng tôi nên họ rất cảm động, và vì thế rất nhiều người trong giáo xứ đã tham gia những sinh hoạt hội đoàn của chúng tôi. Châm ngôn của chúng tôi là: "Hãy sống cho nhau trọn vẹn ngày hôm nay, kéo ngày mai không còn có dịp nữa, chúng ta sẽ không phải hối hận." Do đó, chúng tôi cố gắng làm những gì có thể làm được để phục vụ cho nhau. Ai có sức làm được bao nhiêu thì làm. Không làm được thì nghỉ ngơi. Trẻ làm nhiều. Già làm ít. Mệt thì nghỉ. Mọi người cùng làm việc, cùng phục vụ để mang lại niềm vui và hạnh phúc cho nhau. Và kết quả là những gì chúng tôi gặt hái được, thật đáng ngạc nhiên, không ai ngờ được như chúng ta sẽ thấy dưới đây:

Sau thánh lễ là phần Văn Nghệ Giáng Sinh. Khác với những năm trước, phần trình diễn ngày xưa chỉ có các bà và các em bé giáo lý phụ trách. Năm nay, phần trình diễn văn nghệ Giáng Sinh có cả các cụ ông tham dự. Đây là kết quả lâu dài mà chúng tôi đã thâm đạt được nhờ những mẫu gương nhần nại, hy sinh lớn lao của các bà. Chính cuộc sống các bà đã dần dần ảnh hưởng được tinh thần các ông. Nếu được thưởng thức buổi trình diễn, nhiều người sẽ phải nghĩ rằng đây là một "Giấc Mơ" chứ không phải "Thực Tại" vì không ai nghĩ ra rằng: Có những cụ ông đã 92 tuổi đời, những cụ khác 88 tuổi, 85 tuổi, hoặc 83 tuổi ... đã sẵn sàng đi bộ đến nhà thờ một cách hân hoan phấn khởi trong những buổi chiều đông để tập dợt cho buổi trình diễn văn nghệ Giáng Sinh, và họ đã tham gia một cách rất thích thú và tích cực như một góp phần để làm quà Giáng Sinh cho giáo xứ và cho Chúa Hải Nhi. Màn trình diễn của họ đã được mọi người tán thưởng, hoan hô nồng nhiệt với những tràng pháo tay liên tục không ngớt, và họ cũng cảm thấy vui sướng, hạnh diện vì đã làm được một cái gì cho giáo xứ và nêu gương cho những lớp đàn em cũng như cho đàn con cháu của họ.

Để khích lệ họ, cũng như để họ giữ mãi được tinh thần hăng say, cởi mở, và thân thiện đó, tất cả mọi sinh hoạt của họ tôi đều tham dự. Tôi cùng vũ với họ, cùng hát với họ. Đôi khi

một mình tôi phụ trách một bè để bài hát được thêm phần rộn ràng thích thú. Và mỗi năm vào dịp lễ Giáng Sinh, vì tôi còn trẻ so với lứa tuổi của họ, nên những gì họ không thể làm được tôi đứng ra lãnh trách nhiệm, chẳng hạn họ có thể trang trí bên trong nhà nhờ và các cây thông giáng sinh, còn lại 2 hang đá trong và ngoài nhà thờ, cũng như chưng bày những đèn điện trên tháp cao, tôi và một người thợ nữa phụ trách. Và chỉ trong vòng một tuần là cảnh trí mùa Giáng Sinh xuất hiện với màu sắc và ánh đèn rực rỡ. Nhờ thế, mọi người đều cảm thấy một cái gì hân hoan và phấn khởi mỗi độ Giáng sinh về.

Niềm vui của Mùa Giáng Sinh chưa được trọn vẹn, những điều không may lại xảy đến. Trong khi ngồi viết những giòng này, có mấy người chạy đến báo tin buồn cho tôi: một cụ già trong giáo xứ chúng tôi vừa mới qua đời, lòng chúng tôi cảm thấy nặng trĩu, trầm buồn vì giáo xứ ngày càng ít dần đi. Số người già ra đi mỗi năm nhiều hơn số người đến và số con trẻ được sinh ra. Nhưng rồi mọi người yên ủi nhau: "Sự ra đi của họ là sự an bài của Thiên Chúa, nằm ngoài tầm tay chúng ta. Điều quan trọng đối với chúng ta là làm sao trong giáo xứ cố gắng giữ được mỗi thân tình, sự liên đới, tình đoàn kết, biết yêu thương, và sẵn sàng nâng đỡ nhau trong mọi lúc." Chính vì thế, những thánh lễ an táng của giáo xứ, hầu hết mọi người đều đến để thăm lại người bạn của họ lần cuối và để tiễn đưa họ đến nơi an nghỉ cuối cùng, cũng như để an ủi gia đình họ trước đau khổ lớn lao do sự mất mát người thân yêu của họ. Thánh lễ an táng thường được cử hành rất trọng thể bởi sự góp mặt của hầu hết mọi người trong ca đoàn. Do đó, những người trong gia đình tang quyến đều cảm thấy ấm lòng bởi mối tình người mà giáo xứ đã dành riêng cho gia đình họ.

Lễ Giáng sinh đã qua đi nhưng những kỷ niệm đẹp và niềm vui của đêm thánh Giáng Sinh vẫn còn ở mãi trong tâm trí chúng tôi. Ước gì "Tinh thần Giáng Thế để phục vụ và Sống trọn vẹn cho nhau" của ngày Con Thiên Chúa Giáng Sinh sẽ ở mãi trong giáo xứ và trong lòng mỗi người chúng tôi, để rồi từ đây mỗi người chúng tôi sẽ được nếm hưởng những hương vị ngọt ngào của tình đoàn kết, yêu thương, hy sinh, và phục vụ mà chúng tôi đã dành cho nhau trong đêm lễ Giáng Sinh. Ước gì niềm vui tràn đầy và thanh thoát đó sống mãi trong mỗi người chúng tôi, để từ nay mỗi ngày sống của chúng tôi sẽ mãi là một ngày lễ "Giáng Sinh Tuyệt Vời" trong quãng đường đời còn lại của chúng tôi trên trần gian này.

Taiwan mùa lạnh giá ngày 4/1/ 2010.

Lê văn Quảng

VỀ MỤC LỤC

TÁCH CÀ PHÊ BUỔI SÁNG

Ít khi tôi uống cà phê, nên những tách cà phê thỉnh thoảng uống vào đầu một ngày rảnh rỗi thường vẫn làm cho tôi được hưởng trọn vẹn cái... ngọt ngào của nó.

Sáng sớm, trời hơi lạnh, tự tay đun một ấm nước nóng, mở nắp lọ cà phê, lấy muỗng xúc một ít chất bột đen nhánh cho vào trong cái tách sứ, rót nước sôi vào, thế rồi pha thêm đường, thêm sữa, thêm cream tùy theo ý thích. Ngần ấy động tác làm một cách tuần tự, chậm rãi, ta sẽ có được một tách cà phê thơm ngát, và rồi ta thưởng thức cái hương vị quyến rũ ấy, vừa bằng khứu giác vừa bằng vị giác, tưởng đó cũng là một niềm hạnh phúc, tuy nhỏ nhoi nhưng cũng rất đậm đà.

Cà phê, tác dụng trước nhất của nó là làm cho người ta tỉnh táo. Đang cơn buồn ngủ, hoặc là để đề phòng cơn buồn ngủ kéo đến, người ta uống cà phê. Nhờ tác dụng của nó, người uống sẽ không còn buồn ngủ để rồi có thể làm những công việc cần thiết trong ngày

Thế nhưng, thật sự nếu cà phê chỉ có tác dụng giúp người ta tỉnh táo, mà nó không có mùi vị và hương thơm quyến rũ, chắc hẳn cũng chẳng mấy ai thích uống cà phê. Người ta sẽ tìm một phương thức khác để tìm sự tỉnh táo, tránh cơn buồn ngủ. Sở dĩ người ta thích uống cà phê, bởi vì ngoài tác dụng giúp tỉnh táo, cà phê còn có một hương vị thơm ngon, quyến rũ đặc biệt.

Điều này khiến cho tôi nhận ra rằng: nếu lòng ta là lòng thiện, nhưng bên ngoài ta khó

ưa - do diện mạo hay do cử chỉ, lời nói - chưa chắc lòng thiện của ta đã được người khác chấp nhận. Muốn lấy cái đẹp cái tốt trong lòng ta ra phục vụ mọi người, ta cũng cần có hành vi, cử chỉ, lời nói bên ngoài gây được thiện cảm, để người khác chấp nhận ta trước đã. Chính vì thế, tôi thấy thật chí lí, khi trong phần "xương kinh" của những ván kinh người Công giáo thường đọc, có lời cầu xin Chúa Thánh Thần "sửa lại mọi sự *trong ngoài* chúng con." Không những chúng ta xin Chúa sửa tâm tính bên trong của mình cho tốt đẹp mà còn xin Ngài sửa đổi cả hành vi, cử chỉ, lời nói bên ngoài của mình nữa, để mình trở nên một người dễ ưa, và nếu dễ thương thì càng tốt.

Ngày xưa, tính tôi bướng bỉnh. Khi tôi đã có ý hướng tốt, tôi cứ thế mà thực hiện cái ý hướng tốt ấy, chẳng cần cái cung cách, dáng vẻ bên ngoài của tôi có được chấp nhận hay không. Tôi sống theo chủ trương "*tôi vậy đó, chịu thì chịu, không chịu thì thôi*". Nhưng bây giờ, tôi cố gắng thay đổi cả con người bên ngoài của tôi, để người khác "chịu" tôi. Người khác có "chịu" tôi, tôi mới có cơ hội đem cái ý hướng tốt của mình ra để phục vụ .

Hồi trước ở Việt Nam, nhà tôi nằm trong một khu chợ. Các bà các cô bán quán trong chợ cũng thích uống cà phê lắm. Trong chợ có một chú bé bán cà phê dạo. Khi có một bà hay một cô nào gọi, chú rót cà phê ra li, để li trên một cái đĩa rồi bưng lại cho khách. Các bà các cô này có một cách uống cà phê rất lạ lùng: thay vì uống cà phê trong li, các bà các cô đổ cà phê từ li ra đĩa, rồi húp cà phê trong cái đĩa ấy. Sở dĩ các bà các cô uống cà phê kiểu đó, vì các bà các cô rất vội, phải uống cho lẹ để còn bán hàng, tiếp khách. Cà phê đổ ra đĩa, vì có một diện tích bốc hơi rộng nên mau nguội, dễ uống nhanh.

Trước đây tôi cứ lấy làm buồn cười cho cái cách uống cà phê lạ lùng đó, nhưng sau này tôi tìm trong đó một bài học lắt hay về cách xử thế: muốn được người khác chấp nhận mau chóng, mình cần mở lòng, trải lòng mình ra một cách đơn sơ và chân thực. Y như người ta có thể uống thật nhanh cà phê nóng, bởi vì cà phê nóng ấy đã được đổ ra cái đĩa cho mau nguội. Ngược lại, chất nước cà phê nóng, đựng trong một cái li sâu, độ nóng được giữ thật lâu, người ta không uống vội được. Mà giả như vì lí do nào đó cần uống vội, người ta sẽ phồng môi, phồng lưỡi. Nếu tôi cất giấu mọi cái thật sâu kín trong lòng tôi, người khác khó chấp nhận tôi. Nếu tôi khẳng khẳng giữ lấy cái gì của riêng tôi, mà không chịu mở lòng, trải lòng ra, tôi sẽ gây đau khổ cho người khác.

Kĩ nghệ sản xuất cà phê bây giờ rất tân tiến. Có những loại cà phê phải pha chế thật cầu kì, nhưng cũng có những loại cà phê "instant", cà phê pha chế sẵn. Tùy theo nhu cầu và sở thích, có người chỉ chấp nhận một thứ **cà phê nào đó và chê các thứ khác**. Có người chỉ chịu uống cà phê phin, chờ từng giọt cà phê đen nhánh nhỏ xuống li cho đến khi có một tách cà phê đủ lượng, Những người này chê cà phê "instant", cho đó là thứ cà phê uống "cho có uống", cứ chẳng ngon lành gì. Nhất là uống cà phê "instant" thì chẳng có chút thi vị, chút nghệ thuật nào.

Ngược lại, có những người chỉ uống cà phê "instant". Họ chủ trương rằng uống cho nó nhanh rồi còn làm việc. Cà phê phin pha chế cầu kì, tốn thì giờ vô ích.

Ở một phương diện khác, có người chọn lấy một cách, một khung cảnh uống cà phê. Có người chỉ uống cà phê ngoài quán. Ngồi với vài người bạn, ngắm cô tiếp viên xinh xắn, nghe tiếng nhạc dập dìu, lâu lâu nhấp một chút cà phê, thấy thật là thi vị. Có người khác chỉ thích uống cà phê trong phòng khách sau bữa cơm; nếu trời lạnh, đốt lò sưởi lên, ngồi bên lò sưởi với tách cà phê trên tay mà trầm ngâm mộng tưởng, thật không còn gì thú hơn.

Tôi được cái rất dễ tính trong việc uống cà phê. Cà phê phin ngon, mà cà phê "instant" cũng vẫn ngon. Uống cà phê ngoài quán cũng thú mà uống cà phê trong phòng khách cũng thú không kém. Cà phê uống buổi sáng cũng hay mà cà phê uống sau bữa cơm chiều cũng chẳng dở. Có người cho cách uống cà phê như vậy là quá xuề xòa bình dân, và như thế là chưa hưởng được trọn vẹn cái hương vị tuyệt vời của cà phê. Tôi nghĩ khác, chính vì cách uống xuề xòa như thế, tôi dễ dàng được hưởng cái thú vị do li cà phê đem lại, dù li cà phê ấy là loại gì, được uống trong thời điểm và khung cảnh nào.

Tôi lại nghĩ, giá mà trong cách cư xử với tha nhân, tôi cũng dễ dãi như vậy, dễ dàng chấp nhận mọi người, mọi cảnh như vậy thì hay biết bao nhiêu. Người nhạy cảm, bộc trực là người thuộc loại "instant", họ phản ứng ngay trước mọi hoàn cảnh, hoặc xúc động ngay trước một biến cố. Người thâm trầm, kín đáo giống như cà phê phin, họ chậm rãi, đôi khi tính toán, phản ứng chừng mực nhưng kiên trì. Do bản tính hoặc do cảm tình cá nhân, tôi thường chấp

nhận người này mà không chấp nhận người khác, chỉ muốn giao thiệp với loại người này mà không thích giao thiệp với loại người kia, chỉ chấp nhận hoàn cảnh này mà không chấp nhận hoàn cảnh khác. Những thành kiến ấy chính là những hàng rào cản do tôi tự dựng lên, khiến tôi trở nên xa cách với người đồng loại.

Tách cà phê là một hợp chất với nhiều thành phần. Trong đó có chất lỏng và đắng của cà phê, có chất ngọt của đường hay sữa, có chất béo của cream. Tách cà phê, phải chăng là biểu tượng cho cuộc đời một người? Trong cuộc đời ấy có những đắng cay đau khổ, có hương vị ngọt ngào hạnh phúc, có những biến cố xảy ra làm cho cuộc đời thêm phong phú. Giống như tách cà phê, mà trong đó chất đắng, chất ngọt, chất béo hòa quyện với nhau; cuộc đời người ta cũng thế, cay đắng thương đau hòa hợp với niềm vui và hạnh phúc. Nếu người ta không uống xong một ngụm cà phê rồi cầm cục đường mà gặm, sau đó nuốt thêm một muỗng cream, thì người ta cũng không thể đòi hỏi mọi sự kiện, mọi hương vị cuộc đời phải tách biệt ra rành mạch. Trong hạnh phúc có khổ đau, trong đắng cay có ngọt ngào, trong đau đớn có ủi an. Khổ đau và hạnh phúc hòa hợp với nhau mới tạo thành cuộc đời thực. Ân cần và phũ phàng là hai mặt phải trái không thể tách rời của thái độ cuộc đời đối với tôi. Chấp nhận cuộc đời là tôi chấp nhận mọi khía cạnh, mọi trạng huống, mọi mùi vị của cuộc đời cùng một lúc.

Có những hôm ngồi thưởng thức tách cà phê mà tôi dường như được nhìn thấy lại cái đồn điền cà phê của người bạn ở Ban Mê Thuật dạo nào. Vào mùa hoa nở, hương hoa cà phê thơm ngát tỏa ra từ nhụy và những cánh hoa cà phê trắng muốt, làm cho hành khách ngồi trên những chuyến xe đồ chạy ngang đồn điền ngây ngất. Ít lâu sau, hoa cà phê kết quả, thành những trái cà phê chín đỏ. Rồi đến một ngày nào đó, hạt cà phê được lấy về. Người ta rang cà phê trong chảo nóng. Thế rồi cà phê còn phải được tán nhuyễn, mới có thể trở thành một chất bột kì diệu đem ra pha thành cà phê thơm ngon.

Tôi trộm nghĩ: để có thể trở thành một con người phục vụ tha nhân, tôi cũng phải chịu trải qua một tiến trình như thế. Tôi phải kiên nhẫn để được cải biến từ giai đoạn này sang giai đoạn khác. Phải dám can đảm, dám hi sinh để chấp nhận thay lên lò lửa nóng, bị tán ra thành bột, phải đánh mất chính hình thể nguyên thủy của mình; y như hoa cà phê phát triển thành quả, hạt của quả được hái về, được rang trong chảo nóng rồi được tán ra thành bột vậy.

Hôm qua bạn tôi lại chơi, tặng tôi một gói cà phê, ân cần trao tận tay tôi và nói rằng: "Cà phê chính gốc Ban Mê Thuật đấy! Uống vào, bạn sẽ thấy như được trở về với khung cảnh đồi núi cao nguyên của đất nước Việt Nam ngày trước. "

Tôi cảm động về mối chân tình của bạn. Tuy nhiên trong thâm tâm, tôi muốn nói với bạn rằng: "Chẳng cần uống tách cà phê chính gốc Ban Mê Thuật, tôi mới thấy như được trở về với vùng đồi cao nguyên Việt Nam. Tôi ở xứ người đã ngót hai mươi năm, vậy mà lúc nào hình ảnh quê hương cũng vẫn đậm nét trong trí và trong tim tôi. Bởi vì bạn ạ, tôi yêu quê hương của tôi lắm."

Bạn về , tôi vẫn còn trầm ngâm suy nghĩ về câu nói âm thầm không thốt ra khỏi miệng ấy. Tôi trầm ngâm suy nghĩ, bởi vì tôi liên tưởng đến một khía cạnh khác của đời sống tôi: khía cạnh tâm linh. Tại sao trong tôi hình ảnh Thiên Chúa vẫn còn mờ nhạt? Chung qui chẳng qua cũng chỉ vì tôi yêu Ngài chưa đủ . Nếu tôi yêu Ngài, ít nhất cũng chỉ bằng tôi yêu đất nước quê hương tôi, thì hình ảnh Ngài đã đậm nét trong tôi lắm. Tôi thở dài nhẹ nhẽu . Hình như có một nỗi buồn, mỏng manh nhưng kín và sâu

Tách cà phê chính gốc Ban Mê Thuật! Giá mà mỗi khi uống một tách cà phê này, tôi lại tự nhắc tôi làm đậm đà thêm mối tình giữa tôi và Thiên Chúa! Nếu được như thế, tách cà phê ấy trở nên ích lợi và ý nghĩa cho tôi biết bao!

Nhà Văn Quyền Di

VỀ MỤC LỤC

DƯỢC THẢO

Dược Thảo đã giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe con người từ nhiều ngàn năm, khi mà y học tây phương chưa xuất hiện. Dược thảo dùng cây thuốc để phòng bệnh và chữa bệnh.

Theo cơ quan Y tế Thế giới, một sản phẩm được coi là dược thảo khi thành phần chính gồm một bộ phận của thảo mộc nằm trên không hay dưới đất, trong hình dạng nguyên thủy hay sau khi được chế biến. Khi có pha lẫn hoá hay khoáng chất thì sản phẩm đó không còn là dược thảo nữa.

Cũng theo cơ quan này, hiện nay có tới 80% dân chúng trên thế giới dùng dược thảo. Kỹ nghệ chế biến dược thảo, bốc thuốc rất phát triển, thịnh vượng, thu vào nhiều chục tỷ mỹ kim.

Riêng tại Hoa Kỳ, vào năm 1998, dân chúng Hoa Kỳ tiêu hơn 4 tỷ mỹ kim để mua các loại dược thảo. Từ năm 1990 tới 1997, số người dùng dược thảo tăng 380%, số người đi khám bác sĩ giảm, mà số người đi khám bệnh thầy thuốc không chính thống lại tăng.

Dược thảo được bày bán khắp nơi, ngay cả trong tiệm chuyên bán âu dược. Những môn thuốc của Mẹ Thiên Nhiên như lá, củ, rễ, vỏ, hoa đã mau chóng trở nên phương tiện trị liệu ưa thích của người dân. Họ mua để chữa các bệnh như cảm cúm, đau nhức, tiểu đường, tới bệnh trầm trọng hơn như ung thư các loại, tê liệt tứ chi.

Với cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Hoa kỳ (FDA) thì dược thảo được xếp hạng thực phẩm phụ, như đã quy định trong Dietary Supplement Health and Education Act năm 1994. Dược thảo được bày bán không cần thử nghiệm, nghiên cứu như âu dược, mặc dù dược thảo có tính cách trị bệnh và cũng có tác dụng phụ. Dược thảo không được quảng cáo là có công dụng trị bệnh mà chỉ được nói chung chung về ích lợi của sản phẩm, thí dụ thuốc làm lợi tiểu tiện, bổ gan, tăng cường miễn nhiễm...

Khi thuốc bị coi là không an toàn thì cơ quan này sẽ không cho bày bán.

Đa số dược thảo hiện có trên thị trường đều được sản xuất theo kinh nghiệm đã dùng hay dựa vào những bài thuốc được lưu truyền trong giòng họ và được coi như đáng tin cậy. Vì dược thảo không được cơ quan FDA cấp bằng đặc quyền chế tạo, nên các nhà sản xuất không chịu bỏ vốn cho chi phí nghiên cứu khoa học như âu dược. Ngoài ra còn các vị lương y cổ truyền tiếp tục chẩn mạch, bốc thuốc phục vụ bệnh nhân.

Để đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi của dân chúng, chính quyền các quốc gia cũng bắt đầu lưu ý, dành ngân khoản, lập cơ quan nghiên cứu công dụng và an toàn của dược thảo.

Gần đây, viện National Institutes of Health, Hoa Kỳ, đã thành lập một trung tâm nghiên cứu về dược thảo cũng như các phương tiện trị liệu không chính thống, và đã dành nhiều ngân khoản cho việc nghiên cứu này. Đó là do áp lực của người tiêu thụ dược thảo mỗi ngày một tăng, vì nhiều lý do như:

- âu dược quá đắt, đôi khi không công hiệu, mà lại có nhiều tác dụng độc hại, không muốn;
- dân chúng thích dược thảo có nguồn gốc trực tiếp từ cây cỏ hơn là âu dược hóa chất;
- bất bình với nhóm tài phiệt bao thầu quản trị y tế giới hạn việc sử dụng tây y để kiếm nhiều lợi nhuận.

Năm 2008, Cơ quan Y tế Thế giới cũng lập một ủy ban để phối hợp với các quốc gia ngõ hầu hệ thống hóa và hữu hiệu hóa môn trị bệnh cổ truyền giá trị này.

Một vài đặc điểm về dược thảo.

Trước khi dùng dược thảo để trị bệnh, tưởng cũng nên tìm hiểu một vài dữ kiện về loại

thuốc này:

1- Sự an toàn của dược thảo.

Ý kiến chung coi dược thảo an toàn hơn âu dược, ít gây chứng bệnh phụ và rất ít khi gây tai nạn tử vong.

Tuy nhiên dược thảo vẫn là một loại thuốc, khi dùng ta cần cẩn thận, không nên nghĩ vì nó là cây thiên nhiên thì không có hại.

Cam thảo (licorice) là một trong những thuốc cây cỏ dùng nhiều nhất trên khắp thế giới để chữa bệnh lở bao tử, ho, suyễn, nhưng nếu dùng lâu ngày, có thể gây cao huyết áp, nhức đầu, mệt mỏi. Khi mới dùng lần đầu, nên dùng với phân lượng nhỏ rồi tăng dần cho tới liều chỉ dẫn bởi nhà sản xuất.

Một thí dụ khác là cà phê, một loại họ thảo ta dùng mỗi buổi sáng để nâng cao tinh thần. Nếu uống hai ly mỗi sáng thì có tác dụng tốt như ý muốn, năm ly là có nhức đầu, nóng nẩy, 15 ly thì bắt đầu thấy ù tai, chóng mặt.

Dược thảo bán trên thị trường không được thử nghiệm về sự tinh khiết và hiệu nghiệm, nên đôi khi có lẫn chất không cần như phấn hoa, phấn lá có thể gây dị ứng hoặc cây thuốc đã bị hư mục.

2- Công hiệu của dược thảo.

Các nhà sản xuất cũng như hơn 4 tỉ người đang dùng dược thảo đều cho là cây thuốc công hiệu trong việc trị bệnh và ngừa bệnh. Đã có nhiều nghiên cứu khoa học hỗ trợ ý kiến này.

Có điều là tác dụng của dược thảo thường từ từ, nhẹ nhàng, cần thời gian lâu để có hiệu quả, do đó tốt trong việc phòng bệnh.

Dược thảo, với nhiều chất thuốc khác nhau, có tác dụng vào nhiều bộ phận cơ thể hơn là âu dược, với một dược chất có tác dụng tập trung vào một số dấu hiệu triệu chứng hoặc một bệnh .

Dược thảo thường không đủ mạnh để trị cấp cứu, nhất là các bệnh do vi khuẩn gây ra, do đó kháng sinh vẫn là thuốc căn bản.

3- Dược thảo không gây ghiền.

Thường thường cây thuốc gây ghiền như cây á phiện, cần sa... không được phép bán công khai tại tiệm thuốc âu dược hay tiệm thuốc thiên nhiên.

Ngoài ra dược thảo không có kích thích tố hay chất chống viêm steroid, nhưng một vài dược thảo có tác dụng hỗ trợ sự sản xuất các chất này trong cơ thể.

4- Nguồn gốc dược thảo.

Theo các nhà sản xuất, thì dược thảo đều do cây cỏ được trồng trong môi trường có kiểm soát, đôi khi không dùng hoá chất diệt sâu bọ, cỏ dại hoặc phân bón nên phẩm chất tốt, thiên nhiên. Nhiều khi cây mọc hoang cũng được dùng để chế thành thuốc.

5- Chọn lựa dược thảo

Như đã nói ở trên, nhà sản xuất không cần chứng minh sự an toàn và công hiệu của dược thảo khi tung ra thị trường, mà chỉ khi nào có chuyện xảy ra thì thuốc đó mới bị bỏ đi.

Tiêu chuẩn bào chế của mỗi nhà sản xuất đều khác nhau, nên tỷ lệ dược liệu đều thay đổi. Tỷ lệ này cũng thay đổi tùy theo cây cỏ được trồng ở địa dư nào, dược hái vào mùa nào, dược tồn trữ ra sao và phần nào (rễ, thân hay lá) của cây được xử dụng để chế thuốc.

Những điều này gây khó khăn không ít cho người tiêu thụ khi mua thuốc. Vì thế các nhà sản xuất đã tổ hợp với nhau để thống nhất bào chế.

Khi mua, nên lựa sản phẩm do sự liên kết với các công ty ở Âu châu, vì thường thường họ có cơ sở nghiên cứu đầy đủ về phân lượng, tinh khiết và công hiệu.

Cũng nên lựa sản phẩm cũng có nhãn hiệu với chỉ dẫn cách dùng, tác dụng phụ, loại cây cỏ, ngày hết hạn.

Những điều cần lưu ý khi dùng dược thảo

Tại Hoa Kỳ, Tây y được xây dựng trên căn bản sinh hóa học hiện đại. Cơ quan Thực Phẩm và Dược Phẩm, với nhiệm vụ điều hợp thực dược phẩm, bảo vệ sức khỏe con người, thường nhìn dược thảo với con mắt dè dặt, nghiêm khắc. Họ cho là dược thảo không có công dụng trị liệu và nguy hiểm.

Một luật gia than phiền là hiện giờ có hai chế độ dược phẩm: một chế độ muốn được bày bán phải chứng minh có công hiệu trị liệu và tuân theo luật lệ; chế độ kia được bán tự do, không cần kê khai giá trị.

Bác sĩ Marcia Angel, Chủ bút tập san Y học uy tín New England Journal of Medecine khẩn khoản kêu nài dân chúng đừng tự chữa bệnh, dùng dược thảo vì thuốc có nhiều thành phần không khai báo được pha thêm vào như chì, thạch tín, rất nguy hiểm.

Còn giáo sư dược khoa nổi danh Varro Tyler cho là sự nghiên cứu về dược thảo của các quốc gia Âu Châu rất đáng tin cậy, tuy nhiên, độc tính dài hạn của thuốc cần được theo dõi, tác dụng phụ có hại thường được che dấu, giảm thiểu.

Dù vậy, dược thảo vẫn được người dân tiêu thụ, vì niềm tin có bệnh thì vái tứ phương, vì có ngay khi cần, không phải mất công lấy hẹn, ngồi chờ bác sĩ, cũng như khi gặp trọng bệnh mà Tây Y bó tay. Tuy nhiên cũng nên lưu ý mấy điều để tránh chuyện chẳng lành:

1- Thông báo cho bác sĩ nếu đang dùng dược thảo để tránh tác dụng không tốt giữa âu dược và thuốc cỏ cây. Không dùng ginkgo biloba (bạch quả) với thuốc trị đau nhức Aspirin, thuốc ngừa tai biến não Ticlid, Persantine; âu dược trị trầm cảm với St John Wort...

2- Không dùng dược thảo khi mang thai, nuôi con bằng sữa mẹ, không cho con nhỏ dùng dược thảo vì ở trẻ em và thai nhi, gan chưa đủ sức vô hiệu hóa độc chất của dược thảo. Xin đan cử một thí dụ: khi uống một ly cà phê, người lớn chỉ cần 5 giờ để loại khỏi cơ thể mà con nít cần đến cả 80 giờ.

3- Tuy dược thảo có nguồn gốc thiên nhiên nhưng không thiên nhiên với cơ thể con người. Cho nên thuốc có thể gây bất lợi khi dùng, nhất là vì thiếu kiểm soát nên thành phần không thống nhất, phẩm chất không tinh khiết, đôi khi pha lẫn chất có hại cho cơ thể.

4- Không nên dùng dược thảo quá dăm tuần lễ vì an toàn dùng dài hạn chưa được chứng minh, cũng như không dùng quá nhiều vì nguy cơ gây độc cho gan và thận. Cũng không nên dùng nhiều dược thảo khác nhau một lúc vì tác dụng tương phản của thuốc.

5- Dược thảo cũng có tác dụng phụ như bạch quả gây xuất huyết; mã hoàng (ephedra) gây tăng huyết áp, nhức đầu, rối loạn nhịp tim; St John wort làm chóng mặt, mệt mỏi khô miệng, mất định hướng...

Và cuối cùng là không nên quá tin tưởng ở lời quảng cáo, giới thiệu của nhà sản xuất vì những lời này không được cơ quan trách nhiệm xác định giá trị, đồng thời cũng nên tìm hiểu về đặc tính trị liệu của loại dược thảo đang dùng.

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC M.D. Texas-Hoa Kỳ

KIÊN NHẪN - *Chuyện phiếm của Gã Siêu*

Lâu lắm rồi hôm nay gã mới có dịp lên Đà Lạt, thăm lại thành phố cũ. Mặc dù thời gian rất hạn hẹp, gã vẫn cố gắng ghé vào mái trường xưa, đi trên những con dốc đã từng mang nhiều dấu ấn kỷ niệm.

Hồi đó, gã có một cái thú không giống ai, đó là ăn vịt lộn trong khi dạo quanh bờ hồ.

Chiều xuống, gã cùng với một tên bạn vào một quán cóc ở bên hông nhà thờ Con Gà, mỗi đứa mua bốn trái vịt lộn nóng hổi, vì mới được vớt từ trong nồi ra. Bốn trái vịt lộn ấy nằm gọn trong hai túi áo, tỏa ra hơi nóng, đủ sưởi ấm trước những cơn gió lạnh.

Băng qua đường Yersin và đi xuống con dốc của khách sạn Palace, hai đứa bắt đầu ăn vịt lộn. Cầm trái trứng trong tay, đập lên đầu cho vỡ, khẽ bóc vỏ, húp nước trong trái trứng trước, rắc vào một chút muối tiêu, rồi mới ăn trứng sau. Thỉnh thoảng lại điểm thêm đôi ba lá rau răm. Thật là tuyệt vời!

Từ nhà Thủy Tạ, qua cầu Ông Đạo, vòng bờ hồ, lên con dốc đồi Cù, về tới nhà thì vừa hết bốn trái trứng vịt lộn.

Chiều nay, từ vườn Bích Câu, mà hiện giờ người ta gọi là Vườn hoa Thành phố, gã đi bộ về khu Hòa Bình. Bất chợt gã nhìn thấy một ông già đang ngồi câu cá. Hình ảnh này khiến gã nhớ tới Khương Tử Nha bên Tàu.

Ông là một danh tướng đời nhà Châu, tên chữ là Lữ Vọng. Thuở còn cơ hàn, bị vợ bỏ đi lấy chồng khác, nên ngày ngày ông bèn ngồi câu cá bên sông Vị. Mãi tới năm tám mươi tuổi, ông mới được vua Văn Vương nhà Châu rước về làm Tướng Quốc.

Tử Nha điều binh khiến tướng diệt vua Trụ. Nhờ công gầy dựng của ông, mà cơ nghiệp của nhà Châu, tồn tại được hơn tám trăm năm.

Vì thế, trong bài “Kẻ Sĩ”, Nguyễn Công Trứ mới viết :

- Lúc vị ngô hồi tàng nơi bồng tắt,

Hiêu hiêu nhiên điệu Vị canh Sầu.

Nhiều lần gã đã nhìn thấy những người ngồi câu cá bên bờ hồ. Già có và trẻ cũng có. Nhưng chưa bao giờ gã thấy một con cá nào đến ăn mồi.

Vừa đi, gã vừa thầm nghĩ :

- Không hiểu trong một ngày, họ câu được mấy con cá. Chi bằng mắc mồi “bác Hồ”, ra chợ mà câu cho chắc ăn. Thứ nào cũng có : to hay nhỏ. Và loại nào cũng có : rô hay lóc.

Tuy nhiên, nghĩ đi thì cũng phải nghĩ lại, biết đâu câu cá chỉ là để giải trí, việc chính yếu là họ đang chờ thời như Khương Tử Nha ngày xưa, hay ít nữa là họ đang tập cho mình bài học kiên nhẫn.

Chính vì thế, gã xin bàn về đức kiên nhẫn trong lãnh vực nghề nghiệp và trong lãnh vực tình yêu.

Trước hết là trong lãnh vực nghề nghiệp

Kiên nhẫn là bền lòng chịu đựng và theo đuổi.

Đây cũng chính là điều kiện cần thiết để gặt hái những thành công trên đường đời, nhất là trong phạm vi nghề nghiệp.

Thực vậy, tìm hiểu về những thiên tài trong mọi lãnh vực, từ âm nhạc và hội họa đến văn

chương và kiến trúc, gã nhận thấy cái vốn trời ban cho, hay nói cách khác, cái khả năng thiên phú chỉ có một phần, còn chín phần khác là do kiên nhẫn trau dồi, kiên nhẫn tập luyện, kiên nhẫn học hỏi...cuối cùng mới trình làng được những tác phẩm để đời, không bị mai một với thời gian.

Chính vì thế, người xưa đã từng nói :

- Thành Rôma không phải được dựng lên trong một ngày...và Hercule không phải được sinh ra trong một đêm.

Còn nếu tìm hiểu về những khuôn mặt tài phiệt, những khuôn mặt tỷ phú quốc tế, gã nhận thấy họ không phải là những người được thừa hưởng một gia tài kếch xù, hay lúc nào cũng thành công rực rỡ.

Trái lại, rất nhiều người đã xuất thân từ cảnh nghèo hèn cùng khổ, rất nhiều người đã gặp phải những thất bại đắng cay. Họ cũng đã phải cam chịu cảnh xất bất xang bang, ba chìm bảy nổi và chín cái lênh đênh, để rồi sau cùng thành công mới mỉm cười với họ.

Chiếc chìa khóa mở ra cánh cửa cho thiên tài và con đường dẫn tới thành công chính cho sự nghiệp chính là sự kiên nhẫn.

Sự kiên nhẫn ở đây được hiểu như thái độ bền lòng chịu đựng, không nản chí khi thất bại, nhu ca dao đã diễn tả :

- Hãy cho bền chí câu cua,

Dầu ai câu trạch, câu rùa mặc ai.

- Chớ thấy sóng cả mà lo,

Sóng cả mặc sóng, chèo cho có chừng.

Ngoài thái độ không thất vọng nản chí, sự kiên nhẫn còn được hiểu như thái độ bền lòng theo đuổi cho đến cùng, như tục ngữ cũng đã xác quyết :

- Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Tamerlan là một vị tướng đánh đâu thua đấy. Đánh lớn thua lớn, đánh nhỏ thua nhỏ và càng đánh lại càng thua. Trong một phiên họp với các sĩ quan chỉ huy để rút ưu khuyết điểm, ông lơ đãng nhìn ra ngoài và thấy một con kiến đang bò lên đỉnh lều. Bò lên gần tới nơi thì bị tụt xuống, bị tụt xuống rồi lại cố bò lên. Cứ thế, cứ thế đến lần thứ năm con kiến mới tới được đỉnh lều.

Như "ngộ" ra sự thật, ông tuyên bố với các sĩ quan chỉ huy :

- Đánh, đánh mãi cho tới lúc nào thắng mới thôi.

Và rồi cuối cùng đoàn quân của ông đã chiến thắng vinh quang.

Cũng trong chiều hướng ấy, người Tàu thì bảo :

- Thiên hạ vô nan sự, hữu chí giả cánh thành. Thiên hạ không việc gì là khó, có chí thì làm xong.

Còn người Tây thì bảo :

- Hãy tự cứu lấy mình rồi trời sẽ cứu...Thượng đế luôn ở bên cạnh những người kiên nhẫn.

Và như vậy, người kiên nhẫn không sớm thì muộn cũng sẽ gặt hái được những thành công rực rỡ, bởi vì :

- Năng nhặt thì chặt bị.

- Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

- Không phải sức mạnh, mà là sự kiên nhẫn đã làm nên những công trình to lớn.

Sách "Cổ Học Tinh Hoa" kể lại như sau :

Nước Trịnh có người học nghề làm dù che mưa, ba năm mới thành nghề. Trời đại hán, không ai dùng đến dù, anh ta bèn bỏ nghề làm dù, đi học nghề làm gầu tát nước.

Lại học ba năm mới thành nghề làm gầu, thì trời mưa luôn mãi, không ai dùng đến gầu. Bấy giờ anh ta lại quay về nghề làm dù như trước.

Không bao lâu, trong nước có giặc, dân gian nhiều người phải đi lính, mặc đồ nhung phục, không cần đến dù, anh ta xoay ra nghề đúc binh khí thì đã già quách mất rồi.

Úc Tử Ly thấy anh, thương tình nên nói rằng :

- Than ôi ! Bác chẳng đã già đời mất rồi ư ! Già hay trẻ không phải là tự người, mà là tự trời, điều ấy cố nhiên. Nhưng nghề nghiệp thành hay bại, dù lỡ thời không gặp dịp, cũng không nên đổ cả cho trời, tất có mình ở trong.

Ngày xưa nước Việt có một người làm ruộng, cấy lúa chiêm ba năm đều hại vì lụt cả. Có kẻ bảo anh ta nên tháo nước mà cấy lúa mùa. Anh ta không nghe, cứ cấy lúa chiêm như trước. Năm ấy nắng to, mà nắng luôn ba năm, vụ chiêm nào cũng trúng, thành ra anh ta kéo lại hòa cả mấy năm mất mùa trước. Cho nên có câu rằng : Trời đại hạn, nghĩ đến sấm thuyền; Trời nồng nực, nghĩ đến sấm áo bông. Đó là một câu thiên hạ nói rất phải.

Tác giả còn thêm một lời bàn như sau :

- Người có gan, (người kiên trì), dù cho lỡ thời cũng cứ vững dạ mà giữ lấy nghề. Vì nghề chắc đã thành, thì tất cũng có chốn dụng, chẳng chóng thì chầy, chẳng nhiều thì ít. Chớ cứ nay làm nghề này, mai xoay nghề khác, như hòn đá lăn mãi không bao giờ mọc rêu, thì chỉ nhọc xác, già người mà vẫn không ăn thua gì cả.

Tiếp đến là trong lãnh vực tình yêu

Đang ngồi ngáp vặt vì buồn ngủ, bàn tay lơ đãng mở cuốn sách trên bàn, bỗng mắt gã sáng lên vì một câu viết được gã liệt vào hàng..."ranh ngôn".

Câu viết ấy như thế này :

- Không gì làm vinh dự cho chị đồn bà cho bằng sự kiên nhẫn của anh đồn ông.

Câu "ranh ngôn" này thật hợp với chủ đề, khiến cho gã đã phải bận tâm suy gẫm. Và càng suy gẫm, gã lại càng khám phá ra cái thân phận não nùng và bi đát của anh đồn ông hôm nay.

Thực vậy, trong tình yêu anh đồn ông ngày xưa chỉ cần kiên nhẫn một, thì anh đồn ông hôm nay phải kiên nhẫn gấp mười lần. Phải kiên nhẫn từ khi được làm người yêu và nhất là phải kiên nhẫn khi đã mang nhãn hiệu làm chồng, một nhãn hiệu được trình tòa và được tòa chứng thực hẳn hoi.

Trong giai đoạn làm người yêu, anh đồn ông phải biết kiên nhẫn.

Bước thứ nhất : Để được quen biết và khả dĩ có thể đá lông nheo với cô nàng, anh đồn ông phải kiên nhẫn.

Một tên bạn đã kể cho gã câu chuyện tình của gã với cô nàng bán thuốc lá ở đầu một con hẻm như sau :

Thấy cô nàng xinh xinh và lại ăn nói có duyên, vì thế mình quyết định phải "cưa đổ" cô nàng cho bằng được. Chiến thuật cưa của mình là kiên nhẫn.

Ngày thứ nhất, mình đến mua một điều thuốc lá lẻ và đưa cho cô nàng tờ năm trăm ngàn mới cấu cạnh. Cô nàng tỏ ra bức bối, lục hết mọi ngăn, mọi xó để tìm tiền thối lại cho mình.

Ngày thứ hai, mình cũng đến mua một liều thuốc lá lẻ và cũng trả cho cô nàng tờ năm trăm ngàn còn thơm phưng phức. Cô nàng còn tỏ ra tức tối hơn nữa, thiếu điều muốn gắt lên với mình.

Ngày thứ ba, mình cũng đến mua một liều thuốc lá lẻ và cũng trao cho cô nàng tờ năm trăm ngàn phẳng phiu chưa bị gấp nếp. Lần này thì cô nàng im lặng, nhìn mình bằng cặp mắt công an hình sự, nhưng vẻ bức bối tức tối đã giảm đi rất nhiều.

Ngày thứ tư mình cũng đến mua một liều thuốc lá lẻ và đang định đặt tờ giấy năm trăm ngàn xuống quầy, thì cô nàng đã nhoén miệng cười và nói :

- Ơ, cái anh năm trăm ngàn này !

Và thế là cá đã cắn câu. Cô nàng đã chịu đèn. Mình đã mua được cô nàng với những liều thuốc lá lẻ và những tờ giấy bạc mới, mệnh giá năm trăm ngàn, được bà hàng xóm thương tình đổi cho. Bây giờ, cô nàng đã là bà xã nhà mình rồi đó.

Và hẳn kết luận :

- Nước chảy thì đá cũng phải mòn kia mà. Cho dù cô nàng có trái tim bằng đá thì cũng sẽ mềm nhũn như con chì chì. Cho dù cô nàng có trái tim bằng giá mùa đông, thì cũng sẽ trở thành nóng ấm mùa hè. Tuy nhiên, điều khó là mình có đủ kiên nhẫn hay không mà thôi.

Nhiều khi "mặt trong như đã, nhưng ngoài còn e", khiến cho cô nàng cứ dấy lên đành dạch và lắc đầu quầy quậy :

- Em chả, em chả....

Trong trường hợp này, anh đồn ông lại càng phải kiên trì và gan lì hơn nữa. Bằng không, nếu thất vọng nản chí và bỏ cuộc, thì quả là công cốc :

- Dạ tròng xe cát biển Đông,

Nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì.

Bước thứ hai : Để được lọt vào gia đình cô nàng và làm quen với ông già bà già... Anh đồn ông cũng phải kiên nhẫn.

Chẳng hạn phải thường xuyên thăm viếng và giúp đỡ những công việc lặt vặt. Thậm chí ở nông thôn, gã thấy có những anh đồn ông khi mùa gặt trở về, chẳng chịu làm công việc ở nhà mình, nhưng lại rất siêng năng làm mọi công việc nặng nhọc ở nhà...người ta.

Đúng là :

- Ăn cơm nhà vác tù và đàng gái.

Ngoài ra, lại còn phải kiên nhẫn tỏ ra mình là người tử tế. Có thêm rượu mẩy đi nữa, thì khi được mời, cũng vẫn ắp a ắp ứng :

- Dạ, cháu không biết uống.

Bước thứ ba : Để có được một cái hên riêng tư với cô nàng, anh đồn ông cũng phải kiên nhẫn.

Kiên nhẫn trong việc xin phép với ông già bà già của cô nàng và nhất là kiên nhẫn trong việc chờ đợi.

Thực vậy, việc trể hên chỉ là việc thường ngày ở huyện. Chẳng có cô "người yêu bé bỏng" nào mà không trể hên ít nữa là một lần, bởi vì theo quan niệm của họ, sự trể hên này làm tăng thêm giá trị cho bản thân và làm cho đối phương phải day dứt, như ngồi trên đồng lửa hay như bị kiến bống đốt cho.

Chính vì thế, một ông thi sĩ nào đó đã diễn tả đại khái sự trể hên như sau :

- Em cứ hẹn, nhưng em đừng đến nhé,
Để lòng sầu, anh dạo gót quanh sân.
Ngó trên tay, thuốc lá cháy lui dần,
Anh sẽ bảo : Gớm sao mà nhớ thế!

Chỉ ông thi sĩ mới thi vị hóa sự trễ hẹn như thế, chứ còn gã mà ở vào tình trạng này, thì chỉ thêm bức bối và tức tối mà thôi, thiếu điều muốn đá vào cây cổ thụ bên đường mấy phát cho hạ hỏa :

- Này thì hứa với hẹn...

Vì thiếu kiên nhẫn, nên nhiều anh đồn ông, dù trên đầu muối đã nhiều hơn tiêu, vẫn cứ phải cam chịu cảnh cô đơn và miễn cưỡng tham gia bình chủng...phòng không.

Một thằng bạn vừa đến khoe với gã :

- Hôm rồi, tớ trễ hẹn với cô nàng những nửa tiếng đồng hồ.

Gã hỏi lại :

- Thế cô nàng của cậu có tỏ vẻ hờn dỗi, hay lườm nguýt gì không ?

Hắn trả lời :

- Không, bởi vì cô này còn đến điểm hẹn sau tới những một tiếng đồng hồ.

Trong giai đoạn làm chồng, anh đồn ông lại càng phải kiên nhẫn hơn nữa.

Cuộc sống càng văn minh, thì lại càng phát sinh ra nhiều nhu cầu cần thiết. Và để thỏa mãn những nhu cầu cần thiết này, anh chồng lại càng phải kiên nhẫn, nếu muốn cho gia đình mình được trong ấm ngoài êm và được phong làm...gia đình kiểu mẫu, gia đình văn hóa!

Tác giả Đào Quang Bắc, trong một bài viết ngắn gọn trên báo Phụ Nữ Chủ Nhật, số 28 ra ngày 22 tháng 7 năm 2007, đã liệt kê một số những trường hợp đặc biệt mà một anh chồng "ga lăng" phải tỏ ra hết sức kiên nhẫn.

Những trường hợp đặc biệt ấy là như thế này :

- Mỗi tháng vài lần, anh chồng phải kiên nhẫn ngồi đến cháy cả yên xe, gạt chân chống xuống, mà đợi chị vợ vào mỹ viện tẩy da, nâng mũi, sửa cằm, cũng như đợi chị vợ chăm sóc "một góc con người" tức là cái tóc, khi uốn, lúc duỗi, khi xả lúc quần, khi vàng lúc đỏ...

- Mỗi ngày, anh chồng phải kiên nhẫn không biết mỗi mẹt để ghi chép các quảng cáo mỹ phẩm làm mịn da, chắc xương, tăng cường sức khỏe, chặn đứng lão hóa mà giữ nét thanh xuân. Cũng như phải sưu tầm những cửa hàng có khuyến mãi, hay bán đại hạ giá...để chị vợ dễ dàng lựa chọn mỗi khi cần tìm mua.

- Mỗi khi cùng đi phố, anh chồng phải kiên nhẫn đợi chờ cả tiếng đồng hồ để chị vợ trang điểm, chọn lựa áo quần. Mặt mũi lúc nào cũng phải tươi rói, không được phàn nàn hay cá cẩm lấy nửa lời.

- Mỗi khi đi "sộp pinh", anh chồng không phải chỉ sẵn sàng hy sinh cả tháng lương, mà còn phải kiên nhẫn để được leo đèo theo chị vợ vào siêu thị, rồi đẩy xe cho chị vợ lựa chọn và mua hàng. Rồi lại còn phải kiên nhẫn tay xách nách mang cả đồng hàng cao lút mặt, mà lên xuống taxi khi đi về nhà...

Tóm lại, trong thăm lạng và kiên nhẫn, anh chồng phải sẵn sàng phục vụ chị vợ ở mọi nơi, trong mọi lúc và bằng mọi hình thức khác nhau.

Để kết luận, gã xin ghi lại hai tư tưởng lớn đã được viết ở trên. Tư tưởng thứ nhất của một tác giả nào đó :

- Không gì làm vinh dự cho chị đồn bà cho bằng sự kiên nhẫn của anh đồn ông.

Tư tưởng thứ hai của một thằng bạn nhiều kinh nghiệm :

- Nước chảy thì đá cũng phải mòn kia mà. Cho dù cô nàng có trái tim bằng đá thì với sự kiên nhẫn, cũng sẽ mềm nhũn như con chi chi. Cho dù cô nàng có trái tim bằng giá mùa đông, thì với sự kiên nhẫn, cũng sẽ trở thành nóng ấm mùa hè.

Tuy nhiên, điều khó là mình có đủ kiên nhẫn hay không mà thôi.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.info

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
